

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	4
DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT.....	5
PHẦN A: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN CÁC TÌNH HUỐNG HỌC PHẦN LUẬT HÌNH SỰ.....	6
I. Học phần Luật hình sự và những đặc trưng.....	6
II. Yêu cầu của tài liệu hướng dẫn các tình huống học phần Luật hình sự	7
1. Yêu cầu về kiến thức.....	7
2. Yêu cầu về kỹ năng.....	7
III. Yêu cầu đối với việc giảng dạy, học tập và nghiên cứu học phần Luật hình sự	8
1. Yêu cầu đối với giảng viên	8
2. Yêu cầu đối với người học.....	9
IV. Các kỹ năng vận dụng trong tình huống Luật hình sự	9
1. Kỹ năng phát hiện vấn đề cần giải quyết.....	9
2. Kỹ năng tra cứu văn bản và áp dụng quy phạm pháp luật.....	9
3. Kỹ năng lập luận	9
4. Kỹ năng đặt câu hỏi	11
5. Kỹ năng xác định các tình tiết có ý nghĩa trong giải quyết tình huống.....	11
6. Kỹ năng tư duy phản biện	12
V. Cách thức sử dụng các tình huống Luật hình sự	12
VI. Phạm vi và phương pháp lựa chọn tình huống điển hình.....	13
1. Phạm vi để lựa chọn tình huống điển hình.....	13
2. Phương pháp lựa chọn tình huống điển hình.....	13
PHẦN B: HƯỚNG DẪN MỘT SỐ TÌNH HUỐNG TRONG HỌC PHẦN LUẬT HÌNH SỰ	15
CHƯƠNG 1. HƯỚNG DẪN MỘT SỐ TÌNH HUỐNG TRONG HỌC PHẦN LUẬT HÌNH SỰ 1	15
1.1 Tình huống về hiệu lực của Đạo luật hình sự.....	15
1.1.1 Yêu cầu của giải quyết tình huống	15
1.1.2 Lý thuyết về hiệu lực của Đạo luật hình sự Việt Nam.....	15
1.1.3 Giải quyết tình huống cụ thể	17
1.2. Tình huống về tội phạm và cấu thành tội phạm	22
1.2.1. Yêu cầu của giải quyết tình huống	22
1.2.2. Lý thuyết về tội phạm và cấu thành tội phạm.....	23
1.2.3. Giải quyết tình huống cụ thể	24
1.3. Tình huống về các yếu tố cấu thành tội phạm.....	29
1.3.1. Yêu cầu của giải quyết tình huống	29

1.3.2. Lý thuyết về các yếu tố cấu thành tội phạm	30
1.3.3. Giải quyết tình huống cụ thể	31
1.4. Tình huống về các giai đoạn thực hiện tội phạm.....	40
1.4.1. Yêu cầu của giải quyết tình huống	40
1.4.2. Lý thuyết về các giai đoạn thực hiện tội phạm.....	40
1.4.3. Giải quyết tình huống cụ thể	41
1.5. Tình huống về đồng phạm.....	44
1.5.1. Yêu cầu của giải quyết tình huống	44
1.5.2. Lý thuyết về đồng phạm.....	44
1.5.3. Giải quyết tình huống cụ thể	45
1.6. Tình huống về trách nhiệm hình sự và quyết định hình phạt	49
1.6.1. Yêu cầu của giải quyết tình huống	49
1.6.2. Lý thuyết về trách nhiệm hình sự và quyết định hình phạt.....	50
1.6.3. Giải quyết tình huống cụ thể	52
CHƯƠNG 2. HƯỚNG DẪN MỘT SỐ TÌNH HUỐNG TRONG HỌC PHẦN LUẬT HÌNH SỰ 2.....	61
2.1. Tình huống về các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm con người	61
2.1.1. Yêu cầu của giải quyết tình huống	61
2.1.2. Lý thuyết về các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm con người ..	61
2.1.3. Giải quyết tình huống cụ thể	63
2.2. Tình huống về các tội xâm phạm sở hữu	71
2.2.1. Yêu cầu của giải quyết tình huống	71
2.2.2. Lý thuyết về các tội xâm phạm sở hữu	72
2.2.3. Giải quyết tình huống cụ thể	73
2.3. Tình huống về các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế.....	77
2.3.1. Yêu cầu của giải quyết tình huống	77
2.3.2. Lý thuyết về một số tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế.....	77
2.3.3. Giải quyết tình huống cụ thể	78
2.4. Tình huống về các tội phạm ma túy	84
2.4.1. Yêu cầu của giải quyết tình huống	84
2.4.2. Lý thuyết về các tội phạm ma túy	84
2.4.3. Giải quyết tình huống cụ thể	86
2.5. Tình huống về các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng	95
2.5.1. Yêu cầu của giải quyết tình huống	95
2.5.2. Lý thuyết về các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng.....	96
2.5.3. Giải quyết tình huống cụ thể	97
2.6. Tình huống về các tội phạm chức vụ	102

2.6.1. Yêu cầu của giải quyết tình huống	102
2.6.2. Lý thuyết về các tội phạm chức vụ	102
2.6.3. Giải quyết tình huống cụ thể	103
TÀI LIỆU THAM KHẢO	113

LỜI NÓI ĐẦU

Luật hình sự là một học phần cơ bản trong chương trình đào tạo mã ngành Luật học và Luật kinh tế. Đối với mã ngành Luật học, học phần Luật hình sự chia làm hai phần: Luật hình sự 1 và Luật hình sự 2. Để học tốt học phần Luật hình sự, đòi hỏi người học phải nắm vững các quy định của pháp luật hình sự và vận dụng vào để giải quyết các trường hợp thực tiễn. Tuy nhiên, một thực trạng trong thời gian vừa qua là người dạy và người học chủ yếu nghiên cứu các quy phạm pháp luật hình sự và vận dụng khá đơn giản vào các tình huống mang tính chất giả định là chủ yếu. Do đó, để tạo ra một phương pháp giảng dạy và học tập mới mang lại hiệu quả cao, bên cạnh một số các tình huống giả định, tác giả xin được cung cấp đến giảng viên và người học các tình huống được tóm tắt (có chỉnh sửa về tên nhân vật và thời gian xảy ra vụ án) từ các bản án, quyết định của Tòa án với những gợi mở về vấn đề cần giải quyết và hướng nghiên cứu, vận dụng các quy định của pháp luật hình sự để làm sáng tỏ nội dung vấn đề nghiên cứu. Cuốn *“Tài liệu hướng dẫn các tình huống học phần Luật hình sự”* được biên soạn từ kết quả nghiên cứu của đề tài *“Xây dựng bộ tình huống điển hình và áp dụng giảng dạy thử nghiệm học phần Luật hình sự tại trường Đại học Luật, Đại học Huế”* được thực hiện trước đây của nhóm tác giả.

Tuy nhiên, việc biên soạn tài liệu không thể tránh khỏi những thiếu sót, rất mong nhận được sự góp ý của các nhà nghiên cứu chuyên môn, người học và đọc giả để tài liệu được hoàn thiện.

TM. Nhóm tác giả

Chủ biên

ThS. Trần Văn Hải

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

Luật hình sự	LHS
Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017	BLHS năm 2015
Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009	BLHS năm 1999
Trách nhiệm hình sự	TNHS
Cấu thành tội phạm	CTTP
Tòa án Nhân dân	TAND

PHẦN A
MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN CÁC
TÌNH HUỐNG HỌC PHẦN LUẬT HÌNH SỰ

I. Học phần Luật hình sự và những đặc trưng

Luật hình sự là môn học được xây dựng chủ yếu trên nền tảng của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và là một môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân luật của tất cả các cơ sở đào tạo luật ở Việt Nam hiện nay. Học phần Luật hình sự có các đặc điểm cơ bản sau đây:

- Học phần LHS xác định đối tượng để giảng dạy đối với người học là những vấn đề liên quan đến tội phạm và hình phạt. Toàn bộ nội dung giảng dạy đối với học phần LHS đều đề cập đến tội phạm và hình phạt. Theo đó, học phần Luật hình sự 1 đề cập đến hệ thống các khái niệm, đặc điểm về tội phạm và hình phạt, cũng như đề cập đến tất cả các chế định liên quan đến tội phạm và hình phạt. Còn học phần Luật hình sự 2 đề cập đến các tội phạm cụ thể cũng như các hình phạt tương ứng với hành vi phạm tội đó.

- Để xác định được có hay không có tội phạm xảy ra, xác định là tội phạm gì và hình phạt áp dụng như thế nào, đòi hỏi người học phải nắm vững về các quy định của BLHS cũng như các văn bản hướng dẫn. Mặt khác, người học phải có kỹ năng phát hiện vấn đề, tra cứu văn bản pháp luật, áp dụng quy định của pháp luật, lập luận, phản biện... đối với các tình huống cụ thể. Đây là quá trình đi tìm sự phù hợp giữa các tình tiết, dấu hiệu từ những vụ án trên thực tế với các quy phạm được quy định trong BLHS và các văn bản hướng dẫn áp dụng.

- Học phần LHS là một môn học kết hợp giữa lý luận và thực tiễn. Môn học LHS được thiết kế trên cơ sở nêu và phân tích các nội dung của quy phạm pháp luật hình sự được quy định trong BLHS và các văn bản hướng dẫn, tuy nhiên việc làm rõ các quy phạm này được thông qua các lập luận, đánh giá cụ thể với sự dẫn chứng của các trường hợp thực tế đã xảy ra hoặc giả định. Nói cách khác, để giải quyết các vấn đề mang tính thực tiễn cần phải dựa trên cơ

sở lý luận, cơ sở pháp lý, tuy nhiên, để làm sáng tỏ vấn đề, chứng minh cho lý luận, quy phạm đúng và phù hợp phải vận dụng vào giải quyết các trường hợp thực tiễn.

Do vậy, phương pháp giảng dạy môn học này không chỉ áp dụng phương pháp thuyết giảng mà kết hợp giữa phương pháp thuyết giảng và phương pháp tình huống nhằm rèn luyện khả năng tra cứu, áp dụng pháp luật cho người học. Người học cần liên hệ thực tiễn trong quá trình học tập để vận dụng giải quyết các vụ án hình sự cụ thể. Nắm bắt được tình hình tội phạm, cũng như sự thay đổi về hành vi và tính chất mức độ của các tội phạm trên thực tế, từ đó đưa ra những quan điểm áp dụng giải quyết đúng đắn, cũng như đưa ra các kiến nghị, giải pháp hoàn thiện quy định của pháp luật hình sự.

II. Yêu cầu của tài liệu hướng dẫn các tình huống học phần Luật hình sự

1. Yêu cầu về kiến thức

- Người học phải luôn bổ sung, trau dồi kiến thức về pháp luật hình sự. Thường xuyên cập nhật các văn bản pháp luật hình sự. Thu thập và đọc các bản án, quyết định của Tòa án, từ đó rút ra các nhận xét về cách thức giải quyết vụ án hình sự, cũng như đưa ra các kiến nghị, cách thức giải quyết phù hợp.

Người học phải đọc và nghiên cứu các tài liệu về phân tích, bình luận các quy định của BLHS của các cơ sở đào tạo cũng như của các nhà khoa học, nhà nghiên cứu.

- Vận dụng các kiến thức đã nghiên cứu, học tập vào việc giải quyết các tình huống cụ thể đã được đề cập trong cuốn tài liệu cũng như các vụ án thực tế khác đã xảy ra.

2. Yêu cầu về kỹ năng

Người học phải thường xuyên trau dồi, rèn luyện các kỹ năng học tập, nghiên cứu như:

+ Kỹ năng phát hiện vấn đề cần làm rõ và giải quyết trong vụ án;

+ Kỹ năng tra cứu và áp dụng các văn bản pháp luật hình sự liên quan đến các vụ án cần được giải quyết;

+ Kỹ năng lập luận giải quyết vấn đề;

+ Kỹ năng đặt câu hỏi làm sáng tỏ các vấn đề liên quan.

III. Yêu cầu đối với việc giảng dạy, học tập và nghiên cứu học phần

Luật hình sự

1. Yêu cầu đối với giảng viên

Giảng viên trước khi đến lớp cần xác định nội dung cần truyền đạt cho người học trong buổi học để lựa chọn các tình huống nhằm đáp ứng mục tiêu “*học đi đôi với hành*”. Trường hợp giảng viên giảng dạy nhiều lớp khác nhau, giảng viên có thể cho người học giải quyết các tình huống khác nhau nhằm kích thích khả năng tư duy và tự học của người học. Những tình huống mà giảng viên đưa ra có thể không phải là tình huống có trong các tình huống của tài liệu học tập này, nhưng phải đảm bảo các tiêu chí của tình huống điển hình nhằm đảm bảo thống nhất mục tiêu truyền đạt kiến thức cho người học giữa các giảng viên giảng dạy môn học Luật hình sự.

Giảng viên giảng dạy cần thống nhất đáp án được công bố trong tài liệu học tập. Thực tiễn, mỗi học phần được phụ trách bởi nhiều giảng viên, sự khác nhau về quan điểm trong một vấn đề cụ thể là điều dễ nhận thấy. Luật hình sự với vai trò là môn học chuyên ngành, được phụ trách bởi nhiều giảng viên. Vì vậy, việc thống nhất giữa các giảng viên trong việc lựa chọn, giải quyết các tình huống trong cùng một học phần phụ trách chung là cần thiết, phù hợp với thực tiễn. Yêu cầu này không chỉ giúp người dạy thống nhất trong việc triển khai tình huống, mà còn giúp người học được hiểu vấn đề một cách thống nhất, đầy đủ, tránh thực trạng hiểu khác nhau trong cùng một tình huống.

Giảng viên cần nghiên cứu các tình huống và hướng dẫn các phương pháp tiếp cận cho người học. Giảng viên phải đọc và nghiên cứu tình huống trước khi đến lớp, từ đó lựa chọn các tình huống phù hợp với nội dung, cũng

như xác định phương pháp tiếp cận đối với một tình huống cụ thể để hướng dẫn cho người học.

Giảng viên sử dụng tình huống trong giảng dạy thông qua: Bài tập nhóm, bài tập về nhà, bài kiểm tra... để tình huống được truyền tải đến người học đầy đủ và hiệu quả nhất.

2. Yêu cầu đối với người học

Người học trước khi đến lớp phải đọc trước nội dung bài học và nghiên cứu trước các tình huống liên quan trong những tình huống của tài liệu học tập. Những vấn đề nào chưa hiểu, người học có thể yêu cầu giảng viên giải thích.

Trường hợp bài học có liên quan đến các văn bản luật khác, người học cần nghiên cứu văn bản luật đó trước khi đến lớp.

Người học đọc tình huống cần xác định các sự kiện pháp lý mấu chốt trong tình huống để tìm quy phạm pháp luật phù hợp nhằm giải quyết tình huống chính xác.

IV. Các kỹ năng vận dụng trong tình huống Luật hình sự

1. Kỹ năng phát hiện vấn đề cần giải quyết

Trước một tình huống, người đọc cần phải có kỹ năng phân loại các tình tiết, dấu hiệu có trong tình huống, từ đó xác định vấn đề cần giải quyết để làm rõ tính chất pháp lý của vụ án.

2. Kỹ năng tra cứu văn bản và áp dụng quy phạm pháp luật

Sau khi phát hiện vấn đề cần giải quyết, người học phải định hình các văn bản liên quan cần phải tra cứu để áp dụng. Việc tra cứu này, đòi hỏi người học phải tra cứu từ những nguồn lưu trữ các văn bản quy phạm pháp luật đáng tin cậy, đặc biệt trong quá trình tra cứu, phải cập nhật các văn bản, quy định mới có hiệu lực liên quan đến vấn đề cần giải quyết.

3. Kỹ năng lập luận

Người học phải có kỹ năng lập luận logic, khoa học trên cơ sở các quy định của pháp luật đã tra cứu được và vận dụng vào giải quyết làm rõ tính chất pháp lý của vụ án. Kỹ năng này trải qua ba bước, cụ thể:

Bước một, hình thành các vấn đề pháp lý cần giải quyết của tình huống Giảng viên cần giới hạn lại những vấn đề pháp lý cần nghiên cứu để giải quyết, từ đó hình thành nên hệ thống các câu hỏi, gắn liền với nội dung bài học và tình huống đưa ra để làm rõ vấn đề.

Người học cần xác định về quan hệ pháp luật phát sinh từ tình huống, những vấn đề mấu chốt rút ra được từ việc đọc và nghiên cứu tình huống. Cần đưa ra quan điểm của mình về tình huống dựa trên cơ sở lý luận từ những quy định của pháp luật gắn liền với những tình tiết, dấu hiệu liên quan thể hiện trong tình huống. Để đưa ra quan điểm đúng đắn, đòi hỏi người học phải đọc kỹ tình huống, khoanh vùng các vấn đề mấu chốt. Mặt khác người học phải nắm vững các quy định của pháp luật hình sự, kể cả các quy định trong các văn bản hướng dẫn, từ đó định hình pháp luật liên quan cần áp dụng.

Bước hai, định hướng giải quyết vấn đề pháp lý đã đặt ra trong tình huống Công việc này được người biên soạn xây dựng, đó là việc nêu lên cách thức tiếp cận và giải quyết nội dung vấn đề. Xác định kết quả hợp lý nhất cho những câu hỏi, yêu cầu đã đặt ra. Trong tài liệu học tập này, định hướng giải quyết vấn đề được tác giả nêu lên một cách cụ thể, rõ ràng, tuy nhiên, trong thực tiễn giảng dạy, định hướng giải quyết vấn đề được giảng viên kết luận sau khi người học đưa ra hướng giải quyết của mình đối với tình huống.

Đối với người học, đây là bước rất quan trọng, quyết định kết quả giải quyết các vấn đề của tình huống có chính xác, phù hợp hay không. Kết quả này phụ thuộc vào kiến thức và kỹ năng áp dụng quy phạm pháp luật hình sự của người học. Người học phải chỉ ra được căn cứ pháp lý dùng để giải quyết tình huống. Căn cứ pháp lý là cơ sở để chứng minh sự nghiên cứu một cách nghiêm túc, khoa học và lôgic đúng pháp luật. Mỗi tình tiết, dấu hiệu có trong vụ án mà người học chọn làm mấu chốt để giải quyết tình huống luôn thể hiện sự phù hợp để khẳng định vấn đề hoặc không phù hợp để phủ định vấn đề đã được gọi mở trong các câu hỏi liên quan đến tình huống. Tuy nhiên, việc đưa ra căn cứ pháp lý không phải theo phương pháp liệt kê, sao chép lại toàn bộ

nội dung của điều luật, mà từ việc chỉ rõ điều, khoản, điểm cần được áp dụng, người học cần phải chỉ ra nội dung của quy định liên quan trực tiếp đến vấn đề cần làm sáng tỏ, bởi vì có thể trong một quy định của điều luật hoặc một khoản sẽ đề cập đến nhiều vấn đề khác nhau. Ví dụ, ở trong BLHS tại phần các tội phạm cụ thể, các điều được kết cấu hai phần đó là phần quy định và phần chế tài trong một khoản, và nếu chúng ta xác định tính chất pháp lý của hành vi phạm tội thì chỉ cần chỉ ra nội dung ở phần quy định mà không cần viện dẫn cả phần chế tài vào. Trên cơ sở căn cứ pháp lý, người phạm tội phải tư duy và lập luận theo hướng phù hợp và chính xác nhất.

Bước ba, kết luận về những vấn đề đã giải quyết trong tình huống

Sau khi chỉ ra căn cứ pháp lý cũng như trình bày lập luận của mình thì người giải quyết tình huống cần chốt lại vấn đề một cách chắc chắn trên cơ sở quy định của luật. Đó chính là kết luận về kết quả của những câu hỏi đã gọi mở để giải quyết tình huống. Kết luận là khẳng định của người giải quyết tình huống, do vậy kết luận phải được đưa ra sau khi người giải quyết tình huống đã phân tích các tình tiết được đề cập trong tình huống trên cơ sở quy định của pháp luật. Kết luận về giải quyết tình huống cần ngắn gọn, xúc tích và phù hợp.

4. Kỹ năng đặt câu hỏi

Người học phải đưa ra các câu hỏi gọi mở nhằm làm rõ các vấn đề liên quan đến vụ án, cũng như làm rõ nội dung bài học đang nghiên cứu, các câu hỏi có thể theo hướng câu hỏi đóng, hoặc câu hỏi mở và có thể sử dụng các câu hỏi mang tính giả định.

5. Kỹ năng xác định các tình tiết có ý nghĩa trong giải quyết tình huống

Một vụ án thường có nhiều tình tiết, dấu hiệu, tuy nhiên người học phải cần phân loại và nắm bắt vai trò pháp lý của các tình tiết đó. Đặc biệt các tình tiết để định tội, định khung hình phạt hoặc tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS có trong vụ án.

6. Kỹ năng tư duy phản biện

Trên thực tế, có nhiều vụ án do sự xung đột, mâu thuẫn trong quy phạm pháp luật, hoặc đường lối xử lý nên có nhiều hướng giải quyết khác nhau, và cách áp dụng xác định tội phạm và hình phạt khác nhau, do đó, đòi hỏi người học phải có kỹ năng phản biện trong những trường hợp như vậy, để đưa ra quan điểm cá nhân phù hợp, khoa học nhất về việc giải quyết vấn đề.

V. Cách thức sử dụng các tình huống Luật hình sự

Cách thức sử dụng các tình huống LHS là sự chuẩn bị và quá trình thực hiện cho việc sử dụng tình huống Luật hình sự vào việc giảng dạy, học tập và nghiên cứu. Đây là một quá trình phức tạp và khó khăn, đòi hỏi chúng ta phải có cách thức phù hợp nhằm đạt được mục tiêu đã đề ra khi sử dụng các tình huống Luật hình sự trong cuốn tài liệu học tập này.

Có thể nói, sử dụng tình huống trong giảng dạy là một trong những phương pháp nâng cao sự chủ động của người học. Sự chủ động của người học chính là đặc điểm quan trọng nhất cho thấy người học mới là trung tâm của quá trình dạy - học chứ không phải là giảng viên. Người học chỉ có thể học tốt khi họ nắm vững các kiến thức đã được học, nghiên cứu và vận dụng chúng vào những vụ án hình sự thực tiễn.

Do Luật hình sự là một trong những học phần khó, nên khi áp dụng tình huống pháp luật trong các lớp đông người cần giảng lý thuyết trước để người học nắm được kiến thức cơ bản của bài học, sau đó mới đưa tình huống pháp luật đơn giản và có tính thời sự để cuốn hút tất cả những người học vào bài giảng. Ở đây cần chú ý, yêu cầu cơ bản của tình huống Luật hình sự trong trường hợp này là các tình huống có thật được trích từ các bản án, quyết định của Tòa án, ngoài ra có thể bổ sung một số tình huống mang tính giả định, nhưng phải gắn liền với nội dung nghiên cứu, nhằm tạo ra sự lôi cuốn và mang lại nhận thức, kỹ năng tốt cho người học.

Hiện nay, trong chương trình giảng dạy chính quy môn Luật hình sự, số giờ thảo luận chiếm 40% tổng số giờ giảng. Bám sát vào đề cương chi tiết học

phần đã công bố, tất cả các giảng viên giảng dạy học phần Luật hình sự phải đan xen giảng dạy lý thuyết và tình huống để làm mới cách học và giúp học viên vận dụng lý thuyết vào giải quyết tình huống. Đây là một thuận lợi khi sử dụng tình huống Luật hình sự. Trường hợp tránh sự nghiên cứu và giải quyết tràn lan, không có trọng tâm, trọng điểm. Ở đây, giảng viên chỉ đưa ra các tình huống và giải quyết để làm mẫu cho người học, trên cơ sở đó, người học có thể tham khảo, vận dụng giải quyết các trường hợp khác tương tự.

Trong trường hợp này, giảng viên cần phải tận dụng tốt giờ thảo luận để đưa ra các tình huống và cho người học thảo luận giải quyết, sau đó giảng viên sẽ là người kết luận, nhận xét, đưa ra kinh nghiệm về kiến thức và kỹ năng cho người học. Cách này giúp nâng cao khả năng tư duy, lập luận, đánh giá của người học đối với các vụ án, và sự định hướng giúp người học hiểu rõ về nội dung cũng như cách thức giải quyết tình huống chính xác, đúng pháp luật.

VI. Phạm vi và phương pháp lựa chọn tình huống điển hình

1. Phạm vi để lựa chọn tình huống điển hình

Các tình huống điển hình được lựa chọn tập trung vào các vấn đề sau:

- Vấn đề thuộc học phần Luật hình sự 1 (Phần chung), bao gồm: Liên quan đến hiệu lực của Đạo luật hình sự Việt Nam; liên quan đến tội phạm và cấu thành tội phạm; liên quan đến giai đoạn thực hiện tội phạm; liên quan đến đồng phạm; liên quan đến trách nhiệm hình sự và hình phạt; liên quan đến quyết định hình phạt.

- Vấn đề thuộc học phần Luật hình sự 2 (Phần tội phạm cụ thể), bao gồm: Các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm con người; các tội xâm phạm sở hữu; các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế; các tội phạm ma túy; các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng; các tội phạm về chức vụ.

2. Phương pháp lựa chọn tình huống điển hình

Để lựa chọn tình huống điển hình dựa trên một số cơ sở sau:

- Tình huống điển hình có thật thông qua các bản án, quyết định của Tòa án, hoặc các vụ án khác có thật đã xảy ra trên thực tế;

- Khái quát lại các nội dung của vụ án trên cơ sở lựa chọn các tình tiết để hình thành tình huống;
- Kết cấu lại các vụ án cho phù hợp với mục tiêu của từng chương.
- Tình huống được phân ra thành hai loại: (1) tình huống đóng, là những tình huống có sẵn từ các bản án, quyết định của Tòa án, hoặc các vụ án có thật khác; (2) tình huống mở, là các tình huống được giả định, giả thuyết lại cho phù hợp với yêu cầu nghiên cứu.

PHẦN B
HƯỚNG DẪN MỘT SỐ TÌNH HUỐNG TRONG
HỌC PHẦN LUẬT HÌNH SỰ

CHƯƠNG 1. HƯỚNG DẪN MỘT SỐ TÌNH HUỐNG TRONG
HỌC PHẦN LUẬT HÌNH SỰ 1

1.1 Tình huống về hiệu lực của Đạo luật hình sự

1.1.1 Yêu cầu của giải quyết tình huống

- Yêu cầu về kiến thức

Nắm vững các quy định của pháp luật hình sự về hiệu lực của Đạo luật hình sự Việt Nam, từ đó hiểu được hiệu lực của Đạo luật hình sự Việt Nam; xác định được hiệu lực theo không gian và hiệu lực theo thời gian của Đạo luật hình sự Việt Nam.

- Yêu cầu về tiếp cận các văn bản pháp luật

Người học phải tiếp cận các văn bản pháp luật liên quan đến việc xác định hiệu lực của Đạo luật hình sự Việt Nam, đó là các văn bản liên quan đến hiệu lực về không gian và hiệu lực về thời gian bao gồm Bộ luật hình sự, các nghị định, nghị quyết, thông tư... hướng dẫn thi hành, áp dụng Bộ luật hình sự.

- Yêu cầu về kỹ năng

Người học cần phải có một số kỹ năng sau: Kỹ năng phát hiện vấn đề cần giải quyết; kỹ năng tra cứu văn bản liên quan đến hiệu lực của Đạo luật hình sự Việt Nam và áp dụng quy phạm pháp luật ấy vào các tình huống cụ thể; kỹ năng lập luận logic, khoa học; kỹ năng xác định các tình tiết có ý nghĩa trong giải quyết vụ việc; kỹ năng tư duy phản biện và kỹ năng đặt câu hỏi để làm sáng tỏ vấn đề.

1.1.2 Lý thuyết về hiệu lực của Đạo luật hình sự Việt Nam

** Về hiệu lực không gian của Đạo luật hình sự Việt Nam*

- Đối với hành vi phạm tội xảy ra trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được quy định tại Điều 5 BLHS năm 2015, theo đó:

+ Mọi hành vi phạm tội thực hiện trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được áp dụng bởi Bộ luật hình sự Việt Nam.

+ Bộ luật hình sự Việt Nam còn được áp dụng đối với hành vi phạm tội hoặc hậu quả của hành vi phạm tội xảy ra trên tàu bay, tàu biển mang quốc tịch Việt Nam hoặc tại vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa của Việt Nam.

+ Đối với người nước ngoài phạm tội trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thuộc đối tượng được hưởng quyền miễn trừ ngoại giao hoặc lãnh sự theo pháp luật Việt Nam, theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc theo tập quán quốc tế, thì vấn đề trách nhiệm hình sự của họ được giải quyết theo quy định của điều ước quốc tế hoặc theo tập quán quốc tế đó; trường hợp điều ước quốc tế đó không quy định hoặc không có tập quán quốc tế thì trách nhiệm hình sự của họ được giải quyết bằng con đường ngoại giao.

- Đối với hành vi phạm tội xảy ra ngoài lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được quy định tại Điều 6 BLHS năm 2015, cụ thể:

+ Bộ luật hình sự Việt Nam có thể được áp dụng đối với công dân Việt Nam hoặc pháp nhân thương mại Việt Nam có hành vi phạm tội ở ngoài lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam mà Bộ luật này quy định là tội phạm. Ngoài ra, còn có thể được áp dụng đối với người không quốc tịch thường trú ở Việt Nam.

+ Đối với hành vi phạm tội hoặc hậu quả của hành vi phạm tội xảy ra trên tàu bay, tàu biển không mang quốc tịch Việt Nam đang ở tại biển cả hoặc tại giới hạn vùng trời nằm ngoài lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thì người phạm tội có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật này trong trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định.

**** Hiệu lực về thời gian của Đạo luật hình sự Việt Nam***

Hiệu lực về thời gian của Đạo luật hình sự là việc xác định thời điểm phát sinh và thời điểm chấm dứt hiệu lực của BLHS Việt Nam.

- Về nguyên tắc điều luật áp dụng đối với một hành vi phạm tội là điều luật đang có hiệu lực thi hành tại thời điểm mà hành vi phạm tội được thực hiện¹.

Với quy định này cho thấy mọi hành vi phạm tội thực hiện từ thời điểm ngày 01/01/2018 (là thời điểm BLHS năm 2015, sửa đổi năm 2017 có hiệu lực) đều áp dụng BLHS năm 2015, sửa đổi năm 2017 để áp dụng.

- Về hiệu lực hồi tố của Đạo luật hình sự Việt Nam

Hiệu lực hồi tố là hiệu lực trở về trước của văn bản pháp luật hình sự áp dụng đối với những hành vi phạm tội xảy ra trước khi văn bản ấy có hiệu lực thi hành. (Căn cứ vào khoản 3 Điều 7 BLHS năm 2015 và nghị quyết 41/2017 - NQ/QH14 về việc thi hành Bộ luật hình sự năm 2015). Bộ luật hình sự Việt Nam có hiệu lực hồi tố trong trường hợp áp dụng có lợi cho người hoặc pháp nhân thương mại phạm tội.

1.1.3 Giải quyết tình huống cụ thể

Tình huống 1²

Mô tả tình huống: Vào lúc 19 giờ 20 phút, ngày 22/5/2018, tại sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, James Sinh năm 1982 có quốc tịch Australia và vợ là King Crystal làm thủ tục xuất cảnh để về Sydney – Australia trên chuyến bay VN773. Qua kiểm tra hành lý của James Chi cục Hải quan cửa khẩu phát hiện trong thành của 2 vali cất giấu mỗi bên 05 gói chất bột màu trắng được ép mỏng trải đều quanh thành vali có trọng lượng khoảng 3,4kg là chế phẩm Heroin. Sau đó lập biên bản, thu giữ vật chứng và chuyển giao hồ sơ cho Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an Thành phố HCM

Tại cơ quan điều tra James khai nhận do ở Úc thiếu tiền của T, mà không có khả năng trả nợ nên T nói với James cùng vợ con đi du lịch tại Việt Nam với T, khi trở về Úc thì James mang 02 vali hành lý về cho T. T sẽ lo toàn bộ chi

¹ Khoản 1 Điều 7 BLHS năm 2015, sửa đổi 2017

² Tình huống được tóm tắt và chỉnh sửa từ bản án số: số 162/2015/HSST ngày 23/3/2016 của tòa sơ phẩm Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, được trích dẫn từ địa chỉ <http://caselaw.vn>.

phí và trừ nợ cho James. James đồng ý và cùng vợ con đi Việt Nam. Ngày 12/4/2018 gia đình James nhập cảnh vào Việt Nam rồi đi Mũi Né - Phan Thiết chơi. Đến ngày 20/4/2018, gia đình James về Thành phố HCM nghỉ tại khách sạn Nhà Xuân, Quận 1. Khoảng 19 giờ cùng ngày, T điện thoại cho James xuống sảnh khách sạn để đi cùng với T lên taxi. Sau khi cả hai đi vòng vòng qua nhiều tuyến đường và di chuyển sang nhiều ô tô khác. Sau đó T nhận 2 vali (01 cái màu đỏ, 01 cái màu xanh) của người khác và giao cho James đem về Úc. Ngày 22/5/2018 James đưa vợ con và hành lý ra sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất để làm thủ tục xuất cảnh thì bị Chi cục Hải quan bắt quả tang như đã nêu trên. King Crystal không biết việc James nhận vận chuyển ma túy cho Tim.

Được biết qua xác minh của Trung tâm phòng chống tội phạm xuyên quốc gia Việt Nam – Úc thì T tên là Phạm Thanh Th, sinh năm 1975 tại Mỹ Tho, quốc tịch Úc. Tuy nhiên ngoài lời khai của James thì không còn chứng cứ khác để chứng minh Th có liên quan đến số ma túy mà James nhận vận chuyển. Do vậy, cơ quan cảnh sát điều tra – Công an Thành phố HCM không có cơ sở để điều tra, xử lý đối với Phạm Thanh Th.

Riêng đối với King Crystal không liên quan đến hành vi phạm tội với James. Ngày 26/5/2018 Cơ quan điều tra đã phối hợp với Sở ngoại vụ làm thủ tục cho hai mẹ con trở về Úc.

Yêu cầu về vấn đề cần giải quyết

Từ tình huống trên, anh (chị) hãy nêu căn cứ pháp lý xác định hiệu lực áp dụng của pháp luật hình sự Việt Nam để giải quyết đối với James.

Định hướng giải quyết vấn đề

Các sự kiện có ý nghĩa pháp lý

Trong tình huống trên người học cần quan tâm tới các sự kiện có ý nghĩa pháp lý sau:

- Tại sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, James sinh năm 1982 có quốc tịch Australia và vợ là King Crystal làm thủ tục xuất cảnh để về Sydney – Australia;

- Qua kiểm tra hành lý của James, Chi cục Hải quan cửa khẩu phát hiện trong thành của 2 vali cất giấu mỗi bên 05 gói chất bột màu trắng được ép mỏng trải đều quanh thành vali có trọng lượng khoảng 3,4kg là chế phẩm Heroin;

- King Crystal không biết việc James nhận vận chuyển ma túy.

Pháp luật liên quan cần áp dụng

- Điều 5 và Điều 7 BLHS năm 2015;

- Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/06/2017 của Quốc hội về việc thi hành BLHS số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo luật số 12/2017.

Cách thức áp dụng

- Hiệu lực về thời gian

Căn cứ vào khoản 1, Điều 7 BLHS năm 2015 theo đó: *“Điều luật được áp dụng đối với một hành vi phạm tội là điều luật đang có hiệu lực thi hành tại thời điểm mà hành vi phạm tội được thực hiện.”*

Như vậy, trong trường hợp này, hành vi phạm tội xảy ra vào ngày 22/5/2018 nên BLHS năm 2015 sẽ được áp dụng để giải quyết.

- Hiệu lực về không gian

Căn cứ vào khoản 1, và khoản 2 Điều 5 BLHS năm 2015 thì: *“Bộ luật hình sự được áp dụng đối với mọi hành vi phạm tội thực hiện trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”*. Mặt khác trong trường hợp này, Jame không thuộc đối tượng được hưởng quyền miễn trừ ngoại giao hoặc lãnh sự nên Jame bị truy cứu TNHS theo Pháp luật hình sự Việt Nam.

Kết luận

Pháp luật hình sự Việt Nam có hiệu lực áp dụng đối với hành vi phạm tội của James. Căn cứ pháp lý để xác định hiệu lực áp dụng của Luật hình sự Việt Nam để giải quyết đối với James: Khoản 1, Điều 7 BLHS năm 2015 và Khoản 1 Điều 5 của BLHS năm 2015.

Câu hỏi bổ sung

Giả sử trong vụ án trên, nếu cơ quan chức năng xác định được Phạm

Thanh Th chính là người yêu cầu James vận chuyển 2 valy ma túy về Úc, thì Th có thể bị áp dụng Luật hình sự Việt Nam để giải quyết không? Cơ sở pháp lý?

Tình huống 2³

Mô tả tình huống: Ngày 22/7/2018, Đậu Khắc H, sinh năm 1987, trú tại khối 07, thị trấn T1, huyện T, tỉnh Nghệ An sang thủ đô Viêng Chăn -Lào. Tại đây H quen một người Việt Nam tên B (không rõ địa chỉ cụ thể) và nhiều lần mua ma túy của người này. Ngày 18/8/2018, trước khi về Việt Nam, H gọi điện cho B để mua hồng phiến, nhưng không có tiền nên B đồng ý cho nợ. B đã đưa cho H một gói giấy thiếc bên trong có hồng phiến (H không kiểm đếm số lượng). Sau đó H lấy ra 203 viên sử dụng hết, số còn lại H gói trong tờ giấy thiếc và cất vào trong túi quần bên trái H đang mặc rồi đến bến xe Viêng Chăn - Lào đi xe khách của nhà xe L mang BKS 37B-021AA để về Việt Nam. Đến 08 giờ sáng ngày 19/8/2018, xe ô tô L, BKS 37B-021AA về đến cửa khẩu quốc tế Cầu Treo và làm thủ tục nhập cảnh từ Lào về Việt Nam. Quá trình làm thủ tục nhập cảnh, lực lượng chức năng kiểm tra người của Đậu Khắc H thì phát hiện bên trong túi quần bên trái phía trước H đang mặc trên người có một gói giấy thiếc màu trắng, bên trong gói giấy thiếc có 49 (bốn mươi chín) viên nén màu hồng, trên bề mặt mỗi viên đều có ký hiệu WY. Đậu Khắc H khai nhận số viên nén màu hồng nói trên là hồng phiến (ma túy tổng hợp) do H mang từ Lào về Việt Nam để sử dụng. Tại bản thông báo kết luận giám định số102/GĐMT-PC09, ngày 21/8/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Tĩnh kết luận: 49 (bốn mươi chín) viên nén màu hồng, trên mỗi viên đều có chữ WY gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng: 4,7437 gam là Methamphetamine.

³ Tình huống được tóm tắt từ bản án số: 31/2018/HS-STNgày: 15/11/2018 của TAND huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh, được trích dẫn từ địa chỉ:

<https://congboanan.toaan.gov.vn/2ta234515t1evn/chi-tiet-ban-an>

Yêu cầu về các vấn đề cần giải quyết

1. Xác định hiệu lực áp dụng của pháp luật hình sự Việt Nam áp dụng đối với hành vi phạm tội của Đậu Khắc H

2. Giả sử hành vi phạm tội của Đậu Khắc H xảy ra trước khi BLHS năm 2015 có hiệu lực pháp luật, hãy xác định những trường hợp có thể áp dụng BLHS năm 2015 đối với Đậu Khắc H.

Định hướng giải quyết vấn đề

Các sự kiện có ý nghĩa pháp lý

- Ngày 18/8/2018, Đậu Khắc H (quốc tịch Việt Nam) mua hồng phiến từ B, sau đó H sử dụng hết 203 viên, số còn lại H gói trong tờ giấy thiếc và cất vào trong túi quần bên trái H đang mặc rồi đến bến xe Viêng Chăn -Lào đi xe khách về Việt Nam;

- Khi làm thủ tục nhập cảnh từ Lào về Việt Nam tại cửa khẩu quốc tế Cầu Treo, lực lượng chức năng kiểm tra người của Đậu Khắc H thì phát hiện trên người có một gói giấy thiếc màu trắng, bên trong gói giấy thiếc có 49 (bốn mươi chín) viên nén màu hồng là hồng phiến (ma túy tổng hợp) do H mang từ Lào về Việt Nam để sử dụng.

Pháp luật liên quan cần áp dụng

- Điều 5, Điều 6 và Điều 7 BLHS năm 2015;

- Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/06/2017 của Quốc hội về việc thi hành BLHS số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo luật số 12/2017.

Các thức áp dụng

1. Xác định hiệu lực áp dụng của pháp luật hình sự Việt Nam áp dụng đối với hành vi phạm tội của Đậu Khắc H

- Hiệu lực về không gian. Căn cứ vào Điều 5 và Điều 6 BLHS năm 2015, trên cơ sở xác định về nguyên tắc lãnh thổ và nguyên tắc quốc tịch, Đậu Khắc H sẽ bị truy cứu TNHS theo BLHS Việt Nam.

- Hiệu lực về thời gian. Hành vi phạm tội xảy ra vào ngày 18/8/2018, nên căn cứ vào khoản 1, Điều 7 BLHS năm 2015 thì BLHS năm 2015 sẽ được áp dụng đối với hành vi phạm tội của Đậu Khắc H.

2. Căn cứ vào khoản 3, Điều 7 BLHS năm 2015 và điểm b, khoản 1, Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14, nếu hành vi phạm tội của Đậu Khắc H xảy ra trước khi BLHS năm 2015 có hiệu lực pháp luật, thì BLHS năm 2015 vẫn có thể áp dụng đối với Đậu Khắc H trong trường hợp BLHS năm 2015 xóa bỏ một tội phạm, một hình phạt, một tình tiết tăng nặng; quy định hình phạt nhẹ hơn, tình tiết giảm nhẹ mới; miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt, giảm hình phạt, xóa án tích và các quy định khác có lợi cho Đậu Khắc H.

Kết luận

1. BLHS năm 2015 sẽ được áp dụng đối với hành vi phạm tội của Đậu Khắc H

2. Áp dụng trong trường hợp có lợi cho Đậu Khắc H

1.2. Tình huống về tội phạm và cấu thành tội phạm

1.2.1. Yêu cầu của giải quyết tình huống

- Yêu cầu về kiến thức

Nắm cơ sở pháp lý và cơ sở lý luận về về tội phạm và cấu thành tội phạm; hiểu được khái niệm về tội phạm, cấu thành tội phạm; phân loại được tội phạm và phân loại cấu thành tội phạm.

- Yêu cầu về tiếp cận các văn bản pháp luật

Người học phải tiếp cận các văn bản pháp luật liên quan đến khái niệm tội phạm, phân loại tội phạm cũng như các quy định khác để hiểu về cấu thành tội phạm, được thể hiện trong quy định của pháp luật hình sự Việt Nam.

- Yêu cầu về kỹ năng

Người học cần phải có một số kỹ năng sau: Kỹ năng phát hiện các tình tiết pháp lý để phân biệt tội phạm với các vi phạm pháp luật khác; phát hiện các tình tiết để phân loại tội phạm, phân loại cấu thành tội phạm; kỹ năng tra cứu văn bản liên quan và áp dụng quy phạm pháp luật vào các tình huống cụ thể; kỹ năng lập luận; kỹ năng tư duy phản biện và kỹ năng đặt câu hỏi.

1.2.2. Lý thuyết về tội phạm và cấu thành tội phạm

- Khái niệm và phân loại tội phạm

Khái niệm tội phạm được quy định tại khoản 1, Điều 8 BLHS năm 2015, theo đó: *Tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong BLHS do người có năng lực trách nhiệm hình sự hoặc pháp nhân thương mại thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc, xâm phạm chế độ chính trị, chế độ kinh tế nền văn hoá quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, xâm phạm quyền con người, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, xâm phạm những lĩnh vực khác của trật tự pháp luật XHCN mà theo quy định của Bộ luật này phải bị xử lý hình sự.*

Phân loại tội phạm được quy định tại Điều 9 BLHS năm 2015. Tội phạm được phân thành 04 loại: (1) tội ít nghiêm trọng; (2) tội nghiêm trọng; (3) tội rất nghiêm trọng; và (4) tội đặc biệt nghiêm trọng. Cụ thể:

- Tội phạm ít nghiêm trọng là tội phạm có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội không lớn mà mức cao nhất của khung hình phạt do Bộ luật này quy định đối với tội ấy là phạt tiền, phạt cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù đến 03 năm (điểm a, khoản 1 Điều 9);

- Tội phạm nghiêm trọng là tội phạm có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội lớn mà mức cao nhất của khung hình phạt do Bộ luật này quy định đối với tội ấy là từ trên 03 năm tù đến 07 năm tù (điểm b, khoản 1 Điều 9);

- Tội phạm rất nghiêm trọng là tội phạm có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội rất lớn mà mức cao nhất của khung hình phạt do Bộ luật này quy định đối với tội ấy là từ trên 07 năm tù đến 15 năm tù (điểm c, khoản 1 Điều 9);

- Tội phạm đặc biệt nghiêm trọng là tội phạm có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội đặc biệt lớn mà mức cao nhất của khung hình phạt do Bộ luật này quy định đối với tội ấy là từ trên 15 năm tù đến 20 năm tù, tù chung thân hoặc tử hình (điểm d, khoản 1 Điều 9).

Tội phạm do pháp nhân thương mại thực hiện được phân loại căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội như trên và quy định tương ứng đối với các tội phạm được quy định tại Điều 76 BLHS năm 2015 về phạm vi chịu trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại.

- Khái niệm và phân loại cấu thành tội phạm

Cấu thành tội phạm là tổng hợp các dấu hiệu chung có tính đặc trưng cho một loại tội cụ thể được quy định trong Bộ luật hình sự.

Việc phân loại cấu thành tội phạm dựa vào các tiêu chí sau:

- Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm, có 3 loại: cấu thành tội phạm cơ bản; cấu thành tội phạm tăng nặng; cấu thành tội phạm giảm nhẹ.

- Căn cứ vào đặc điểm cấu trúc trong mặt khách quan của CTTP, có 2 loại CTTP: cấu thành tội phạm hình thức; cấu thành tội phạm vật chất.

1.2.3. Giải quyết tình huống cụ thể

Tình huống 1⁴

Mô tả tình huống: Lý Minh L sinh năm 1957 và Đỗ Thị M là vợ chồng chung sống với nhau có 02 con chung. Khoảng tháng 7/2018, giữa L và chị M xảy ra mâu thuẫn vì L cho rằng chị M ngoại tình với em rể của chị là Phạm Tấn H nên L bỏ nhà đến ở nhờ nhà anh Nguyễn Văn T (là cháu L).

Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 08/10/2018, chị M nhờ anh Đỗ Văn K (là cháu chị M) chở bằng xe mô tô đến nhà anh T để đòi tiền L vì trước đó chị M có cho anh T mượn 3.000.000 đồng và anh T đã trả tiền cho L. Do L không có nhà nên chị M và anh K đi về. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày chị M và anh K tiếp tục đến tìm L. Khi phát hiện thấy L về mở cửa vào nhà, chị M vào theo. Sau khi chị M vào trong nhà thì L khóa cửa bên trong lại. Giữa L và chị M xảy ra cự cãi và đánh nhau. Trong lúc xô xát, L lấy tuýp sắt ở đồng đồ nghề sửa chữa ca nô của anh T (dài 61cm, chu vi 08cm) đánh nhiều cái vào đầu chị

⁴ Tình huống được tóm tắt và chỉnh sửa từ Quyết định giám đốc thẩm số: 12/2010/HS-GĐT ngày 04/5/2010 của TAND Tối cao về vụ án Lý Minh Luân bị xét xử tội giết người, được trích dẫn từ địa chỉ <http://thuvienphapluat.vn>

M làm chị M ngã xuống nền nhà tử vong tại chỗ. Lúc này, nhiều người chạy đến xô cửa để vào trong nhà nhưng do cửa khoá bên trong nên không vào được. Thấy vậy, anh Lữ Văn S đã gọi điện cho Cảnh sát 113 và Công an phường 6, thành phố Cà Mau đến lập Biên bản và bắt L.

Được biết tội phạm mà L đã thực hiện là tội giết người tại khoản 1, Điều 123 BLHS năm 2015.

Yêu cầu về vấn đề cần giải quyết

1. Xác định các tình tiết trong cấu trúc của cấu thành tội phạm
2. Theo anh/chị, tội phạm mà Lý Minh L thực hiện thuộc loại tội phạm nào? Cơ sở pháp lý?
3. Tội phạm mà Lý Minh L thực hiện là tội phạm có cấu thành tội phạm vật chất hay cấu thành tội phạm hình thức? Tại sao?

Định hướng giải quyết vấn đề

Các sự kiện có ý nghĩa pháp lý

- Giữa Lý Minh L và chị M xảy ra mâu thuẫn vì L cho rằng chị M ngoại tình với em rể của chị là Phạm Tấn H;

- Vì muốn đòi lại khoản tiền 3.000.000 đồng mà anh M trả cho L (tiền của M) nên khi phát hiện thấy L về mở cửa vào nhà, chị M vào theo. Sau khi chị M vào trong nhà thì L khoá cửa bên trong lại. Giữa L và chị M xảy ra cự cãi và đánh nhau; L lấy tuýp sắt (dài 61cm, chu vi 08cm) đánh nhiều cái vào đầu chị M làm chị M tử vong;

- Tội phạm mà Lý Minh L đã thực hiện là tội giết người tại khoản 1, Điều 123 BLHS năm 2015.

Pháp luật liên quan cần áp dụng

- Khoản 1, Điều 123 BLHS năm 2015;

- Khoản 1, Điều 9 BLHS năm 2015;

Cách thức áp dụng

1. Các tình tiết trong cấu trúc cấu thành tội phạm trên bao gồm tình tiết định tội, tình tiết định khung tăng nặng, tình tiết định khung giảm nhẹ. Cụ thể:

- Tình tiết định tội: giữa Lý Minh L và chị M xảy mâu thuẫn vì L cho rằng chị M ngoại tình với em rể của chị là Phạm Tấn H. Và vì muốn đòi lại khoản tiền 3.000.000 đồng mà anh M trả cho L (tiền của M). Nên khi phát hiện thấy L về mở cửa vào nhà, chị M vào theo. Sau khi chị M vào trong nhà thì L khóa cửa bên trong lại. Giữa L và chị M xảy ra cự cãi và đánh nhau. Trong lúc xô xát, L lấy tuýp sắt đánh nhiều cái vào đầu chị M làm chị M ngã xuống nền nhà và tử vong. Đây là tình tiết định tội giết người tại Điều 123 BLHS năm 2015.

- Tình tiết định khung tăng nặng: Hành vi của Lý Minh L dùng tuýp sắt (dài 61cm, chu vi 08cm) đánh nhiều cái vào đầu chị M làm chị M ngã xuống nền nhà và bị chết ngay tại chỗ là hành vi phạm tội có tính chất côn đồ⁵. Tình tiết này là tình tiết định khung tăng nặng được quy định tại điểm n, khoản 1 Điều 123 BLHS năm 2015.

- Tình tiết định khung giảm nhẹ: Trong vụ án này không có tình tiết định khung giảm nhẹ.

2. Căn cứ vào điểm d, khoản 1 Điều 9 BLHS năm 2015 về phân loại tội phạm và căn cứ vào mức cao nhất của khung hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 123 BLHS năm 2015 là hình phạt tử hình thì loại tội phạm mà Lý Minh L thực hiện là tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.

3. Tội phạm mà Lý Minh L thực hiện là loại tội phạm có cấu thành tội phạm vật chất. Bởi vì, tội phạm giết người là loại tội phạm mà cấu trúc trong mặt khách quan của tội phạm bao gồm hành vi tước đoạt tính mạng của người khác và hậu quả chết người cũng như mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và hậu quả, được thể hiện trong dấu hiệu định tội của tội phạm này.

Kết luận

1. Các tình tiết trong cấu trúc cấu thành tội phạm trên bao gồm:

⁵ Xem thêm hướng dẫn về phạm tội “có tính côn đồ” tại Công văn số 38/NCPL ngày 6-1-1976 của TAND Tối cao và kết luận của chánh án TAND Tối cao tại hội nghị tổng kết ngành tòa án năm 1995

Tình tiết định tội: Lý Minh L lấy tuýp sắt đánh nhiều cái vào đầu chị M làm chị M ngã xuống nền nhà và bị chết ngay tại chỗ. Đây là tình tiết định tội giết người tại Điều 123 BLHS năm 2015.

Tình tiết định khung tăng nặng: có tình tiết định khung tăng nặng “phạm tội có tính chất côn đồ” quy định tại điểm n, khoản 1 Điều 123 BLHS năm 2015.

2. Loại tội phạm mà Lý Minh L thực hiện là tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.

3. Tội phạm mà Lý Minh L thực hiện là loại tội phạm có cấu thành tội phạm vật chất.

Câu hỏi bổ sung

1. Giả sử trong vụ án này, Lý Minh L bị Tòa án tuyên hình phạt là 7 năm tù, thì tội phạm mà L thực hiện là tội nghiêm trọng, đúng hay sai? Tại sao?

2. Việc xác định cấu thành tội phạm hình thức hay cấu thành tội phạm vật chất trong vụ án trên có ý nghĩa pháp lý gì?

Tình huống 2⁶

Mô tả tình huống: Vào khoảng 15 giờ ngày 18/5/2018, đối tượng Trần Văn T đi bộ đến cửa hàng kinh doanh trò chơi điện tử trên đường Tên Lửa, quận Bình Tân chơi thì gặp đối tượng Trần Thành D. D rủ T đi cướp giật tài sản bán lấy tiền chia nhau tiêu xài. T đồng ý. Đối tượng D điều khiển xe mô tô biển số 55P1-4945 chở đối tượng T lưu thông qua nhiều tuyến đường. Đến khoảng 19 giờ 20 phút cùng ngày, khi đến trước số nhà 10 Đường số 2, cư xá Lữ Gia, Phường 15, Quận 11 thì đối tượng D phát hiện thấy bà Nguyễn Thị Khánh L đang dừng và ngồi trên xe sử dụng điện thoại nên chỉ cho đối tượng T thấy. Sau đó, đối tượng D điều khiển xe quay lại, từ phía sau vượt lên áp sát vào bên trái xe của bà L để đối tượng T dùng tay phải giật chiếc điện thoại di

⁶ Tình huống được tóm tắt từ Bản án số:01/2019/HS-STNgày04/01/2019 của TAND Quận 11, TP. Hồ Chí Minh, được trích dẫn từ địa chỉ <https://congboanan.toaan.gov.vn/2ta240114t1cvn/chi-tiet-ban-an>

động hiệu Oppo F1S của bà L. Sau đó, đối tượng D tăng ga bỏ chạy. Bà L tri hô và điều khiển xe chạy đuổi theo. Khi đến trước siêu thị CoopMart ở góc đường Lữ Gia – Nguyễn Thị Nhỏ, Quận 11 thì xe của đối tượng D va chạm với xe của người đi đường làm cho đối tượng T đánh rơi chiếc điện thoại vừa chiếm đoạt được của bà L. Lúc này, đối tượng T nhảy xuống xe, chạy bộ được một đoạn thì bị bà L cùng người đi đường bắt giữ giao cho Công an Phường 15, Quận 11 lập biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang chuyển giao Công an Quận 11 xử lý. Riêng đối tượng D điều khiển xe chạy tẩu thoát. Đến ngày 19/5/2018 Công an Quận 11 bắt được đối tượng D.

Được biết tội phạm mà T và D đã thực hiện là tội cướp giật tài sản tại điểm d, khoản 2, Điều 171 BLHS năm 2015.

Yêu cầu về các vấn đề cần giải quyết

1. Theo anh/chị, tội phạm mà T và D thực hiện thuộc loại tội phạm gì? Cơ sở pháp lý?

2. Dựa vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, hãy xác định loại CTTP mà T và D đã thực hiện?

Định hướng giải quyết vấn đề

Các sự kiện có ý nghĩa pháp lý

- D rủ T đi cướp giật tài sản để bán lấy tiền chia nhau tiêu xài. T đồng ý;
- Khi đang lưu thông trên đường bằng xe máy, D phát hiện thấy bà Nguyễn Thị Khánh L đang dừng và ngồi trên xe sử dụng điện thoại nên chỉ cho đối tượng T thấy;

- D điều khiển xe quay lại, từ phía sau vượt lên áp sát vào bên trái xe của bà L để đối tượng T dùng tay phải giật chiếc điện thoại di động hiệu Oppo F1S của bà L sau đó, đối tượng D tăng ga bỏ chạy;

- Tội phạm mà T và D đã thực hiện là Tội cướp giật tài sản tại điểm d, Khoản 2, Điều 171 BLHS năm 2015.

Pháp luật liên quan cần áp dụng

- Khoản 2, Điều 171 BLHS năm 2015;

- Khoản 1, Điều 9 BLHS năm 2015.

Cách thức áp dụng

1. Căn cứ vào điểm c, khoản 1 Điều 9 BLHS năm 2015 về phân loại tội phạm, và căn cứ vào khoản 2 Điều 171 BLHS năm 2015 về tội cướp giết tài sản với mức cao nhất của khung hình phạt là 10 năm tù, nên loại tội phạm mà D và T thực hiện là tội phạm rất nghiêm trọng.

2. Tội phạm mà T và D thực hiện bị áp dụng tình tiết định khung tăng nặng “dùng thủ đoạn nguy hiểm” tại điểm d, khoản 2, Điều 171 BLHS năm 2015, nên tội phạm mà D và T thực hiện là tội phạm có cấu thành tội phạm tăng nặng (ngoài dấu hiệu định tội thì người phạm tội có thêm tình tiết định khung, làm tăng nặng khung hình phạt).

Kết luận

1. Tội phạm mà D và T thực hiện là tội phạm rất nghiêm trọng

2. Tội phạm mà D và T thực hiện là tội phạm có cấu thành tội phạm tăng nặng

1.3. Tình huống về các yếu tố cấu thành tội phạm

1.3.1. Yêu cầu của giải quyết tình huống

- Yêu cầu về kiến thức

Nắm vững các quy định của pháp luật hình sự, cũng như nắm vững cơ sở lý luận về các yếu tố cấu thành tội phạm, đó là yếu tố thuộc về khách thể, mặt khách quan, chủ thể và mặt chủ quan của tội phạm; phải hiểu được nội hàm của các yếu tố cũng như vai trò của chúng để xác và phân loại các tình tiết, dấu hiệu có trong tình huống, từ đó đưa vào các yếu tố CTTP này và giải quyết.

- Yêu cầu về tiếp cận các văn bản pháp luật

Người học phải tiếp cận các văn bản pháp luật liên quan đến việc xác các yếu tố cấu thành tội phạm, đó là BLHS, các văn bản dưới luật hướng dẫn quy định của BLHS.

- Yêu cầu về kỹ năng

Người học cần phải có một số kỹ năng sau: Kỹ năng phát hiện vấn đề

cần giải quyết; kỹ năng tra cứu văn bản pháp luật; kỹ năng lập luận; kỹ năng xác định các tình tiết, dấu hiệu có ý nghĩa pháp lý để đưa vào các yếu tố CTTTP; kỹ năng tư duy phản biện và kỹ năng đặt câu hỏi để làm sáng tỏ vấn đề.

1.3.2. Lý thuyết về các yếu tố cấu thành tội phạm

- Khách thể của tội phạm

+ Khái niệm: *Khách thể của tội phạm là những quan hệ xã hội được Luật hình sự bảo vệ và bị các hành vi phạm tội xâm hại đến.*

+ Khách thể của tội phạm gồm có 3 loại: khách thể chung; khách thể loại; khách thể trực tiếp

+ Về đối tượng tác động của tội phạm. *Đối tượng tác động của tội phạm là một bộ phận của khách thể của tội phạm mà khi tác động lên nó, người phạm tội gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại cho những quan hệ xã hội được Luật hình sự bảo vệ.*

- Mặt khách quan của tội phạm

Mặt khách quan của tội phạm là những biểu hiện của tội phạm ra bên ngoài thế giới khách quan bao gồm hành vi khách quan, hậu quả nguy hiểm cho xã hội, mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và hậu quả, công cụ phương tiện, phương pháp, thủ đoạn, hoàn cảnh, địa điểm phạm tội.

- Chủ thể của tội phạm

+ Khái niệm: *Chủ thể của tội phạm là người có năng lực trách nhiệm hình sự hoặc là pháp nhân thương mại⁷.*

+ Đối với chủ thể là cá nhân (con người cụ thể), thì phải là người có năng lực TNHS và đạt độ tuổi theo pháp luật hình sự quy định.

+ Chủ thể là pháp nhân thương mại. Là pháp nhân thực hiện chức năng kinh doanh thương mại, vì mục đích lợi nhuận và lợi nhuận được chia cho nhau. Xác định điều kiện chủ thể của pháp nhân căn cứ Điều 75 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 8, Điều 76 BLHS năm 2015.

⁷ Khoản 1 Điều 8 BLHS năm 2015

- Mặt chủ quan của tội phạm

Mặt chủ quan của tội phạm là là những biểu hiện về mặt tâm lý bên trong của người phạm tội khi thực hiện hành vi phạm tội bao gồm lỗi, động cơ và mục đích phạm tội.

Lỗi là yếu tố bắt buộc phải có trong mọi tội phạm. Lỗi được phân thành 04 loại: Lỗi cố ý trực tiếp; lỗi cố ý gián tiếp; lỗi vô ý vì quá tự tin; lỗi vô ý do cầu thả. (Căn cứ vào Điều 10, Điều 11 BLHS năm 2015).

1.3.3. Giải quyết tình huống cụ thể

Tình huống 1⁸

Mô tả tình huống: Khoảng 12 giờ ngày 10/02/2018, Nguyễn Trung Đ, Cao Minh C rủ Nguyễn Thanh Anh T đi trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu xài. Nguyễn Thanh Anh T đồng ý và cả 03 đón xe buýt xuống khu vực Suối Tiên thuộc phường Tân Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh. Khoảng 15 giờ 10 phút cùng ngày, Đ, C và T đi ngang phòng trọ số 02, nhà số 289 đường Hoàng Hữu Nam, tổ 6, khu phố 3, phường Tân Phú, Quận 9 do anh Nguyễn Thanh H thuê ở phát hiện nhà không có người trông coi nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. T đứng ngoài cảnh giới, Đ dùng khoá mở ổ hình chữ L mang theo mở khoá cửa, sau đó cùng C vào trong nhà tìm kiếm tài sản, chiếm đoạt được 01 lắc vàng 18k có trọng lượng 1,4 chỉ, 01 điện thoại di động hiệu Samsung, 01 điện thoại di động hiệu Qmobile. Sau khi chiếm đoạt được tài sản Đ, C và T định tẩu thoát thì bị các chị Lê Thị Y và Hoàng Hồng B là những người ở chung dãy nhà trọ phát hiện báo Công an phường Tân Phú, Quận 9 bắt giữ Đ, C, T cùng tang vật.

Được biết, Nguyễn Thanh Anh T sinh ngày 24/3/1997, Cao Minh C sinh ngày 21/9/2003 và Nguyễn Trung Đ 15/10/2003. Và tội mà T và đồng bọn thực hiện là tội trộm cắp tài sản tại khoản 1, Điều 173 BLHS năm 2015

⁸ Tình huống được tóm tắt và chỉnh sửa từ Bản án số: 625/2015/HSPT ngày: 26/9/2015 của tòa phúc thẩm TAND Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử đối với bị cáo Nguyễn Thanh Anh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”, được trích dẫn từ địa chỉ <http://caselaw.vn>

Yêu cầu về vấn đề cần giải quyết

1. Xác định đối tượng tác động và khách thể của tội phạm trong vụ án trên
2. Phân tích mặt khách quan của tội phạm được biểu hiện trong vụ án
3. Trong vụ án trên, ai là người bị truy cứu trách nhiệm hình sự? Tại sao?

Định hướng giải quyết vấn đề

Các sự kiện có ý nghĩa pháp lý

- Khoảng 12 giờ, ngày 10/02/2018, Đ và C rủ T đi trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu xài; Đ, C và T đi ngang phòng trọ do anh Nguyễn Thanh H thuê ở phát hiện nhà không có người trông coi;

- T đứng ngoài canh, Đ dùng khoá mở khoá cửa, chiếm đoạt được 01 lắc vàng 18k có trọng lượng 1,4 chỉ, 01 điện thoại di động hiệu Samsung, 01 điện thoại di động hiệu Qmobile; Đ, C và T định tẩu thoát thì bị phát hiện và bắt giữ;

- Nguyễn Thanh Anh T sinh ngày 24/3/1997, Cao Minh C sinh ngày 21/9/2003 và Nguyễn Trung Đ sinh ngày 15/10/2003.

Pháp luật liên quan cần áp dụng

- Khoản 2, Điều 12 BLHS năm 2015;
- Khoản 1, Điều 9 BLHS năm 2015;
- Khoản 1, Điều 173 BLHS năm 2015.

Cách thức áp dụng

1. Căn cứ vào khoản 1, Điều 173 BLHS năm 2015 và căn cứ vào các tình tiết có trong tình huống, đối tượng tác động của tội phạm trong vụ án này là vật chất, cụ thể là 01 lắc vàng 18k có trọng lượng 1,4 chỉ, 01 điện thoại di động hiệu Samsung, 01 điện thoại di động hiệu Qmobile.

Như vậy, thông qua việc tác động vào các vật chất (tài sản) trên, tội phạm đã xâm phạm đến quan hệ sở hữu tài sản đã được Luật hình sự bảo vệ, đây chính là khách thể của tội phạm.

2. Mặt khách quan của tội phạm được biểu hiện trong vụ án

Trong vụ án này, những yếu tố của mặt khách quan được thể hiện như sau:

- Về hành vi phạm tội

Khi đi ngang phòng trọ số 02, nhà số 289 đường Hoàng Hữu Nam, tổ 6, khu phố 3, phường Tân Phú, Quận 9 phát hiện nhà không có người trông coi, nên Nguyễn Trung Đ, Cao Minh C và Nguyễn Thanh Anh T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Nguyễn Thanh Anh T đứng ngoài canh, Nguyễn Trung Đ dùng khoá mở ổ hình chữ L mang theo mở khoá cửa, sau đó cùng Cao Minh C vào trong nhà tìm kiếm tài sản, chiếm đoạt được 01 lắc vàng 18k có trọng lượng 1,4 chỉ, 01 điện thoại di động hiệu Samsung, 01 điện thoại di động hiệu Qmobile. Như vậy, cả ba đối tượng này đã lợi dụng sự sơ hở của nạn nhân, phân công nhau, có hành vi lén lút và chiếm đoạt tài sản.

Đây là loại tội phạm có cấu thành tội phạm vật chất, nên tội phạm hoàn thành khi các đối tượng chiếm đoạt được tài sản.

+ Về hậu quả: Tội phạm đã chiếm đoạt tổng tài sản là 01 lắc vàng 18k có trọng lượng 1,4 chỉ, 01 điện thoại di động hiệu Samsung, 01 điện thoại di động hiệu Qmobile.

Về mối quan hệ nhân quả: Hành vi lén lút nhằm chiếm đoạt tài sản của Nguyễn Trung Đ, Cao Minh C và Nguyễn Thanh Anh T đã gây thiệt hại vật chất cho người khác.

3. Trong vụ án trên, chỉ có Nguyễn Thanh Anh T bị truy cứu TNHS còn Cao Minh C và Nguyễn Trung Đ không bị truy cứu.

Dựa vào vụ án, tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, hai đối tượng Cao Minh C và Nguyễn Trung Đ chưa đủ 16 tuổi.

Căn cứ vào khoản 2, Điều 12 BLHS năm 2015 quy định về độ tuổi, thì người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi chỉ chịu trách nhiệm hình sự về tội trộm cắp tài sản tại Điều 173 khi loại tội thực hiện là tội rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng.

Căn cứ vào điểm c và điểm d, khoản 1 Điều 9 BLHS năm 2015 về phân loại tội phạm thì, tội rất nghiêm trọng là loại tội phạm mà mức cao nhất của khung hình phạt là từ trên 7 năm đến 15 năm tù; tội đặc biệt nghiêm trọng là

loại tội phạm mà mức cao nhất của khung hình phạt là từ trên 15 năm đến 20 năm tù, chung thân hoặc tử hình.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173 về tội trộm cắp tài sản, thì mức cao nhất của khung hình phạt là đến 3 năm.

Như vậy, tội phạm mà các đối tượng này thực hiện là tội phạm ít nghiêm trọng⁹. Do đó, Cao Minh C và Nguyễn Trung Đ không phải chịu trách nhiệm hình sự.

Kết luận

1. Đối tượng tác động của tội phạm trong vụ án này là 01 lắc vàng 18k có trọng lượng 1,4 chỉ, 01 điện thoại di động hiệu Samsung, 01 điện thoại di động hiệu Qmobile. Khách thể là quan hệ sở hữu tài sản

2. Mặt khách quan của tội phạm được biểu hiện trong vụ án:

+ Về hành vi phạm tội: Đ, C và T đã có hành vi lén lút để chiếm đoạt tài sản

+ Về hậu quả: Tội phạm đã chiếm đoạt tổng tài sản là 01 lắc vàng 18k có trọng lượng 1,4 chỉ, 01 điện thoại di động hiệu Samsung, 01 điện thoại di động hiệu Qmobile.

3. Vụ án này, Cao Minh C và Nguyễn Trung Đ không phải chịu trách nhiệm hình sự vì chưa đủ tuổi chịu TNHS.

Câu hỏi bổ sung

Trong vụ án trên, giả sử không xác định được ngày tháng sinh của C và Đ mà chỉ xác định được C và Đ sinh năm 2003, thì C và Đ có phải chịu TNHS không? Tại sao?

Tình huống 2

Mô tả tình huống: Khoảng 05 giờ 30 phút ngày 23/4/2017, Trương Văn L sinh năm 1967, điều khiển xe ô tô khách biển số 60S-4498 lưu thông trên đường Nguyễn Chí Thanh (theo hướng từ đường Ngô Quyền về đường Nguyễn Tri Phương); khi xe chạy đến trước nhà số 322 đường Nguyễn Chí

⁹ Dựa vào điểm a Khoản 1 Điều 9 BLHS năm 2015

Thanh, Phường 5, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, L quan sát phía trước cùng chiều có một xe ô tô (loại bốn chỗ), L muốn xe mình vượt lên trước ô tô này, nên điều khiển xe lách sang trái vào phần làn đường ô tô theo chiều ngược lại để vượt. Khi xe vừa lách sang, L điều khiển đã để cản trước bên trái của xe đụng vào chiếc xe mô tô biển số 59U1- 611.00 do anh Huỳnh Chí Q điều khiển lưu thông theo hướng ngược lại (lưu thông lấn tuyến sang làn đường ô tô) gây tai nạn, làm anh Q té ngã xuống đường cùng xe, L dừng xe lại và cùng quần chúng nhân dân đưa anh Q đi cấp cứu tại Bệnh viện Chợ Rẫy, đến khoảng 06 giờ 13 phút cùng ngày thì anh Q chết.

Được biết, Trương Văn L phạm tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ tại khoản 1, Điều 260 BLHS năm 2015

Yêu cầu về vấn đề cần giải quyết

1. Phân tích vai trò pháp lý của yếu tố hậu quả của tội phạm trong tình huống trên.

2. Xác định yếu tố lỗi mà Trương Văn L đã thực hiện.

Định hướng giải quyết vấn đề

Các sự kiện có ý nghĩa pháp lý

Khi xe của Trương Văn L chạy đến trước nhà số 322 đường Nguyễn Chí Thanh, L quan sát phía trước cùng chiều có một xe ô tô (loại bốn chỗ), L muốn xe mình vượt lên trước ô tô này, nên điều khiển xe lách sang trái vào phần làn đường ô tô theo chiều ngược lại để vượt. Khi xe vừa lách sang, L điều khiển đã để cản trước bên trái của xe đụng vào chiếc xe mô tô do anh Huỳnh Chí Q điều khiển lưu thông theo hướng ngược lại (lưu thông lấn tuyến sang làn đường ô tô);

- Tai nạn xảy ra: làm anh Q té ngã xuống đường cùng xe, L dừng xe lại và cùng quần chúng nhân dân đưa anh Q đi cấp cứu tại Bệnh viện Chợ Rẫy, đến khoảng 06 giờ 13 phút cùng ngày thì anh Q chết;

- Trương Văn L phạm tội vi phạm quy định khi tham gia giao thông đường bộ tại khoản 1, Điều 260 BLHS năm 2015.

Pháp luật liên quan cần áp dụng

- Khoản 1, Điều 260 BLHS năm 2015;
- Điều 11 BLHS năm 2015.

Cách thức áp dụng

1. Hậu quả trong vụ án trên có vai trò pháp lý dùng để định tội đối với tội vi phạm quy định về tham gia giao thông tại khoản 1, Điều 260 BLHS năm 2015. Cụ thể:

Khoản 1, Điều 260 BLHS năm 2015 quy định : “*Người nào tham gia giao thông đường bộ mà vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:*

- a) *Làm chết người;*
- b) *Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương có thể 61% trở lên;*
- c) *Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%;*
- d) *Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng.”*

Như vậy, hậu quả về tính mạng, sức khỏe hoặc thiệt hại về tài sản là dấu hiệu bắt buộc phải có của tội vi phạm quy định về tham gia giao thông được quy định tại khoản 1, Điều 260 BLHS năm 2015.

Đây là tội có cấu thành tội phạm vật chất, đòi hỏi trong mặt khách quan của cấu thành tội phạm phải có hành vi phạm tội và hậu quả của tội phạm.

2. Trương Văn L phạm tội với lỗi vô ý, cụ thể là vô ý do cầu thả. Bởi vì, khi thực hiện hành vi phạm tội của mình, L không nhận thức được hành vi của mình là hành vi nguy hiểm, không nhận được hậu quả nguy hiểm có thể xảy ra. Tuy nhiên trong trường hợp này, pháp luật buộc L phải nhận thức được và L có khả năng nhận thức được, nhưng vì sự cầu thả nên L không nhận thức. Hành vi

đánh lái sang trái để vượt lên xe xe khác chạy cùng chiều của L đòi hỏi phải có sự quan sát kỹ những xe lưu thông cùng chiều và ngược chiều với mình, tuy nhiên, trong vụ án này, anh L thiếu quan sát do đó đã gây ra tai nạn làm Q chết. Và rõ ràng Q không mong muốn cũng không để mặc cho Q chết.

Kết luận

1. Trong vụ án trên hậu quả của tội phạm là yếu tố bắt buộc phải có để định tội.

2. Trương Văn Linh phạm tội với lỗi vô ý do cầu thả.

Câu hỏi bổ sung

Hãy xác định đối tượng tác động của tội phạm và khách thể trực tiếp của tội phạm đối với tội phạm mà L đã thực hiện trong tình huống trên.

Tình huống 3¹⁰

Mô tả tình huống: Khoảng tháng 10/2017, thông qua mạng xã hội Facebook, bị cáo Huỳnh Anh T quen biết và nảy sinh tình cảm yêu đương với cháu Đỗ Hoàng Nhã P, sinh ngày 19/01/2004. Trong khoảng thời gian từ tháng 6/2018 đến ngày 25/7/2018, bị cáo đã giao cấu với cháu P tổng cộng 04 lần, cụ thể: 01 lần vào khoảng giữa tháng 7/2018, bị cáo giao cấu với cháu P tại nhà của bị cáo, 03 lần còn lại tại nhà của cháu P là vào khoảng tháng 6/2018. Ngày 26/7/2018 chị Phạm Thị H là mẹ ruột của cháu P đi làm về phát hiện nên trình báo Công an xử lý. Kết luận giám định pháp y về tình dục số: 35/2018/TD ngày 26/7/2018 của Trung tâm pháp y tỉnh Tây Ninh xác định cháu Đỗ Hoàng Nhã P mang trình rách cũ vị trí 6 giờ đến sát chân màng trinh, hiện không phát hiện có thai. Kết luận giám định pháp y về độ tuổi số: 32/ĐT.18 ngày 20/8/2018 của Trung tâm pháp y Thành phố HCM xác định thời điểm giám định ngày 16/8/2018 bị cáo Huỳnh Anh T có độ tuổi trên 20 tuổi đến dưới 23 tuổi. Kết luận giám định số: 3179/C09B ngày 10/9/2018 xác

¹⁰ Tình huống được tóm tắt từ Bản án số: Số: 102/2018/HS-STN ngày: 14-11-2018 của TAND huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh, được trích dẫn từ địa chỉ <https://congboaban.toaan.gov.vn/2ta222695t1cvn/chi-tiet-ban-an>

định trong mẫu dịch âm đạo của cháu Đỗ Hoàng Nhã P có tinh trùng kiểu gen trùng với kiểu gen của bị cáo Huỳnh Anh T.

Được biết tội phạm được thực hiện là tội giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi theo điều 145 BLHS năm 2015.

Yêu cầu về vấn đề cần giải quyết

1. Xác định những điều kiện về chủ thể của tội phạm trong tình huống trên.

2. Giả sử, tại thời điểm thực hiện hành vi giao cấu, Huỳnh Anh T bị rơi vào tình trạng không có năng lực trách nhiệm hình sự thì có bị truy cứu TNHS không? Tại sao?

Định hướng giải quyết vấn đề

Các sự kiện có ý nghĩa pháp lý

- Khoảng tháng 10/2017, Huỳnh Anh T quen biết và nảy sinh tình cảm yêu đương với cháu Đỗ Hoàng Nhã P (sinh ngày 19/01/2004). Trong khoảng thời gian từ tháng 6/2018 đến ngày 25/7/2018, bị cáo đã giao cấu với cháu P tổng cộng 04 lần;

- Kết luận giám định pháp y về độ tuổi, xác định thời điểm giám định ngày 16/8/2018 bị cáo Huỳnh Anh T có độ tuổi trên 20 tuổi đến dưới 23 tuổi;

- Tội phạm được thực hiện là tội giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi theo Điều 145 BLHS năm 2015.

Pháp luật liên quan cần áp dụng

- Điều 12, Điều 13 và Điều 21 BLHS năm 2015;

- Điều 142 và Điều 145 BLHS năm 2015.

Cách thức áp dụng

1. Những điều kiện để thỏa mãn đối với chủ thể của tội phạm trong vụ án trên bao gồm:

Điều kiện về năng lực TNHS. Pháp luật hình sự quy định chỉ những người nào thuộc vào những trường hợp bị mất năng lực TNHS tại Điều 21 BLHS năm 2015 thì không bị truy cứu TNHS, đó là trường hợp *“Người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội trong khi đang mắc bệnh tâm thần, một bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình”*.

Điều kiện về độ tuổi chịu TNHS. Căn cứ vào khoản 2, Điều 12 BLHS năm 2015 thì người từ đủ 16 tuổi trở lên chịu TNHS về mọi loại tội phạm trừ những tội phạm mà Bộ luật này có quy định khác.

Như vậy một người được xem là thỏa mãn chủ thể của tội phạm khi đạt độ tuổi theo luật định và có năng lực TNHS. Tuy nhiên, tại khoản 1, Điều 145 BLHS quy định *“Người nào đủ 18 tuổi trở lên mà giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 142 và Điều 144 của Bộ luật này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm”*.

Với quy định này, thì chủ thể của tội phạm phải đủ điều kiện là người *“từ đủ 18 tuổi trở lên”* mới thỏa mãn, đây thuộc trường hợp *“những tội phạm mà Bộ luật này có quy định khác”* được quy định tại khoản 1 Điều 12 BLHS năm 2015.

2. Căn cứ vào Điều 21 BLHS năm 2015 về những trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự quy định *“Người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội trong khi đang mắc bệnh tâm thần, một bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình, thì không phải chịu trách nhiệm hình sự”*. Như vậy, trường hợp mất năng lực TNHS chỉ không bị truy cứu TNHS trong trường hợp *“đang mắc bệnh tâm thần, một bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi”*, còn những trường hợp khác vẫn bị truy cứu TNHS, chẳng hạn như trường hợp thực hiện hành vi nguy hiểm trong tình trạng say do dùng rượu, bia hoặc chất kích thích mạnh khác làm mất năng lực TNHS được quy định tại Điều 13 BLHS năm 2015.

Kết luận

1. Điều kiện thỏa mãn chủ thể của tội phạm bao gồm: Điều kiện về độ tuổi và điều kiện về năng lực TNHS.

2. Trường hợp mất năng lực TNHS do do dùng rượu, bia hoặc chất kích thích mạnh khác vẫn phải chịu TNHS.

Câu hỏi bổ sung

1. Giả sử tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội Huỳnh Anh T tròn 14 tuổi, và Đỗ Hoàng Nhã P mới 12 tuổi thì Huỳnh Anh T có bị truy cứu TNHS không, tại sao? Được biết hành vi của T thuộc tội phạm quy định tại Điều 142 BLHS năm 2015

2. Anh (chị), hãy đặt 03 câu hỏi để bổ sung làm sáng tỏ các dấu hiệu định tội, định khung đối với tội phạm mà Huỳnh Anh T thực hiện, từ đó đưa ra hướng trả lời cho các câu hỏi đó.

1.4. Tình huống về các giai đoạn thực hiện tội phạm

1.4.1. Yêu cầu của giải quyết tình huống

- Yêu cầu về kiến thức

Nắm vững các quy định của pháp luật hình sự cũng như cơ sở lý luận về các giai đoạn thực hiện tội phạm; nắm được ý nghĩa của việc nghiên cứu các giai đoạn thực hiện tội phạm; xác định được các giai đoạn thực hiện tội phạm trong các tình huống cụ thể.

- Yêu cầu về tiếp cận các văn bản pháp luật

Người học phải tiếp cận các văn bản pháp luật liên quan đến việc xác định các giai đoạn thực hiện tội phạm, đó là các văn bản luật, dưới luật.

- Yêu cầu về kỹ năng

Người học cần phải có một số kỹ năng sau: Kỹ năng phát hiện mâu chốt của tình huống; kỹ năng tra cứu và vận dụng văn bản pháp luật liên quan vào để xác định các giai đoạn thực hiện tội phạm; kỹ năng xác định các tình tiết có ý nghĩa pháp lý; kỹ năng tư duy phản biện và kỹ năng đặt câu hỏi để làm sáng tỏ vấn đề.

1.4.2. Lý thuyết về các giai đoạn thực hiện tội phạm

- Khái niệm các giai đoạn thực hiện tội phạm

Các giai đoạn thực hiện tội phạm là các bước trong quá trình thực hiện

tội phạm với lỗi cố ý. Bao gồm chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt và tội phạm hoàn thành.

- *Các giai đoạn thực hiện tội phạm*

+ *Chuẩn bị phạm tội* (Điều 14 BLHS năm 2015)

Chuẩn bị phạm tội là một bước trong các giai đoạn thực hiện tội phạm, trong đó người phạm tội có hành vi tạo ra những điều kiện cần thiết cho việc thực hiện tội phạm nhưng chưa bắt đầu thực hiện tội phạm đó.

Người chuẩn bị phạm tội chỉ phải chịu TNHS về tội được quy định tại một trong các điều 108, 109, 110, 111, 112, 113, 114, 115, 116, 117, 118, 119, 120, 121, 123, 134, 168, 169, 207, 299, 300, 301, 302, 303 và 324 của BLHS năm 2015. Đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi chuẩn bị phạm tội chỉ phải chịu TNHS về tội được quy định tại Điều 123, Điều 168 BLHS năm 2015.

+ *Phạm tội chưa đạt* (Điều 15 BLHS năm 2015)

Phạm tội chưa đạt là cố ý thực hiện tội phạm nhưng không thực hiện được đến cùng vì những nguyên nhân ngoài ý muốn của người phạm tội.

Điều 15 BLHS năm 2015 quy định “*Người phạm tội chưa đạt phải chịu TNHS về tội phạm chưa đạt*”.

+ *Tội phạm hoàn thành*

Tội phạm hoàn thành là trường hợp hành vi phạm tội đã thoả mãn hết các dấu hiệu được mô tả trong CTP của một tội phạm cụ thể.

- *Tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội*

Tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội là trường hợp tự mình không thực hiện tội phạm đến cùng tuy không có gì ngăn cản. Người tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội không bị truy cứu TNHS về tội định thực hiện. (Căn cứ tại Điều 16 BLHS năm 2015)

1.4.3. Giải quyết tình huống cụ thể

Mô tả tình huống: Vào khoảng 09 giờ 10 phút ngày 02/11/2017, Phạm Quốc T đi bộ ngang qua nhà số 189Q/14 Tôn Thất Thuyết, Phường 3, Quận 4

thì thấy có chiếc xe gắn máy kiểu dáng Wave, biển số 59C2 – 159.33 của anh Mai Văn H dựng ở trong sân nhà nhưng không thấy người coi giữ nên T lén lút đến gần chiếc xe rồi dùng cây đoản hình chữ L nạy mở khóa cổ xe. Ngay lúc này, bà Nguyễn Ngọc Q đi chợ về nhìn thấy nên tri hô thì Trường bỏ chạy. Nghe tiếng tri hô của bà Q thì các anh Nguyễn Hoàng P và Võ Văn Út N ở trong nhà chạy ra đuổi và bắt giữ được T đưa về trụ sở Công an phường 3 Quận 4 để xử lý.

Được biết chiếc xe máy này có giá trị 3.500.000 đồng.

Phạm Quốc T đang có một (01) tiền án về tội trộm cắp tài sản.

Yêu cầu về vấn đề cần giải quyết

1. Tội phạm của Phạm Quốc T thực hiện dừng lại ở giai đoạn nào?
Tại sao?

2. Giả sử, ngày 29/10/2017, Phạm Quốc T đang chuẩn bị điều kiện cần thiết như kìm cọng lục, khóa để mở, khăn bịt mặt... để đi trộm cắp chiếc xe máy nói trên, thì bị phát hiện và bắt, thì Phạm Quốc T có bị truy cứu TNHS không? Tại sao?

Định hướng giải quyết vấn đề

Các sự kiện có ý nghĩa pháp lý

- Phạm Quốc T thấy có chiếc xe gắn máy kiểu dáng Wave, biển số 59C2–159.33 của anh Mai Văn H dựng ở trong sân nhà nhưng không thấy người coi giữ;

- Phạm Quốc T lén lút đến gần chiếc xe rồi dùng cây đoản hình chữ L nạy mở khóa cổ xe; bà Nguyễn Ngọc Q đi chợ về nhìn thấy nên tri hô thì T bỏ chạy;

- Phạm Quốc T bị bắt giữ và đưa về đồn công an; chiếc xe máy này có giá trị 3.500.000 đồng;

- Phạm Quốc T đang có một (01) tiền án về tội trộm cắp tài sản.

Pháp luật liên quan cần áp dụng

+ Điều 14, Điều 15 và Điều 173 BLHS năm 2015;

+ Nghị quyết 01/2000/NQ-HĐTP hướng dẫn áp dụng một số quy định trong Phần chung của Bộ luật hình sự năm 1999.

Cách thức áp dụng

1. Phạm Quốc T thực hiện tội phạm dừng lại ở giai đoạn phạm tội chưa đạt, chưa hoàn thành.

Căn cứ vào Điều 15 BLHS 2015 thì: *“Phạm tội chưa đạt là cố ý thực hiện tội phạm nhưng không thực hiện được đến cùng vì những nguyên nhân ngoài ý muốn của người phạm tội”*.

Dựa vào tình huống thì trong lúc Phạm Quốc T dùng cây đoản hình chữ L nạy mở khóa cổ xe thì bị phát hiện và đuổi bắt. Như vậy, Phạm Quốc T đã thực hiện hành vi khách quan được mô tả trong mặt khách quan của tội trộm cắp tài sản tại Điều 173 BLHS năm 2015, tuy nhiên chưa thực hiện được đến cùng và chưa chiếm đoạt được tài sản vì bị nạn nhân phát hiện, ngăn chặn. Hay nói cách khác, yếu tố khách quan đã tác động làm ngăn cản, cản trở hành vi phạm tội của T, do đó, tội phạm mà Phạm Quốc T thực hiện dừng lại ở giai đoạn phạm tội chưa đạt chưa đạt chưa hoàn thành.

2. Nếu Phạm Quốc T đang chuẩn bị điều kiện cần thiết để phạm tội mà bị bắt thì T không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 14 BLHS năm 2015 thì *“Người chuẩn bị phạm tội quy định tại một trong các điều 108, 109, 110, 111, 112, 113, 114, 115, 116, 117, 118, 119, 120, 121, 123, 134, 168, 169, 207, 299, 300, 301, 302, 303 và 324 của Bộ luật này thì phải chịu trách nhiệm hình sự”*. Trong vụ án này, Phạm Quốc T thực hiện hành vi trộm cắp tài sản được quy định tại Điều 173 BLHS năm 2015, do đó không nằm trong các tội phải chịu trách nhiệm hình sự ở giai đoạn chuẩn bị phạm tội.

Kết luận

1. Phạm Quốc T thực hiện tội phạm dừng lại ở giai đoạn phạm tội chưa đạt chưa hoàn thành.

2. Nếu Phạm Quốc T đang chuẩn bị điều kiện cần thiết để phạm tội thì bị bắt thì T không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Câu hỏi bổ sung

1. Giả sử, trong vụ án này, Phạm Quốc T không có ý định trộm xe máy, mà chỉ có ý định là vào nhà có cái gì trộm cái đó, nhưng khi đột nhập vào nhà thì bị phát hiện và bắt giữ, vậy T có bị truy cứu TNHS không? Tại sao?

2. Giả sử, Phạm Quốc T lấy được xe máy Wave biển số 59C2-159.33 đưa về nhà mình, sau đó vì nghĩ cho hoàn cảnh khó khăn của anh Mai Văn H nên mang sang trả lại, thì hành vi của T có được xem là tự ý nữa chùng chấm dứt việc phạm tội không? Tại sao?

1.5. Tình huống về đồng phạm

1.5.1. Yêu cầu của giải quyết tình huống

- Yêu cầu về kiến thức

Hiểu được khái niệm về đồng phạm, từ đó vững các điều kiện để thỏa mãn đồng phạm; xác định được các vai trò và hình thức trong đồng phạm; xác định được những hành vi liên quan đến đồng phạm cấu thành tội phạm độc lập, cũng phân biệt được TNHS giữa tội phạm đơn lẻ với TNHS trong đồng phạm.

- Yêu cầu về tiếp cận các văn bản pháp luật

Người học phải tiếp cận các văn bản pháp luật liên quan đến việc xác đồng phạm, bao gồm Bộ luật hình sự, các nghị quyết, nghị định, thông tư... hướng dẫn thi hành, áp dụng Bộ luật hình sự nói chung và các vấn đề trong đồng phạm nói riêng.

- Yêu cầu về kỹ năng

Người học cần phải có một số kỹ năng sau: Kỹ năng phát hiện vấn đề cần giải quyết; kỹ năng tra cứu văn bản liên quan đến đồng phạm và áp dụng quy phạm pháp luật ấy vào các tình huống cụ thể; kỹ năng lập luận giải quyết vấn đề; kỹ năng xác định các tình tiết có ý nghĩa trong giải quyết vụ việc; kỹ năng tư duy phản biện và kỹ năng đặt câu hỏi để làm sáng tỏ vấn đề cần giải quyết.

1.5.2. Lý thuyết về đồng phạm

- Khái niệm đồng phạm

Theo quy định tại khoản 1, Điều 17 BLHS năm 2015 thì *đồng phạm là trường hợp có từ hai người trở lên cùng cố ý thực hiện một tội phạm.*

- *Các loại người trong đồng phạm* (khoản 3, Điều 17 BLHS năm 2015), bao gồm:

+ Người thực hành là người thực hành là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội được miêu tả trong CTTP cụ thể được quy định trong BLHS;

+ Người tổ chức là người chủ mưu, người cầm đầu, người chỉ huy;

+ Người xúi giục là người xúi giục là người dụ dỗ, kích động, thúc đẩy người khác thực hiện tội phạm;

+ Người giúp sức là người giúp sức là người tạo điều kiện về vật chất hoặc tinh thần cho việc thực hiện tội phạm.

- *Các hình thức trong đồng phạm*

+ Phân loại theo ý thức chủ quan, gồm có: đồng phạm không có thông mưu trước và đồng phạm có thông mưu trước;

+ Phân loại theo dấu hiệu khách quan, gồm có: đồng phạm đơn giản và đồng phạm phức tạp;

+ Căn cứ vào dấu hiệu chủ quan và khách quan, gồm có: Phạm tội có tổ chức và phạm tội không có tổ chức.

Phạm tội có tổ chức là trường hợp đồng phạm có sự cấu kết chặt chẽ giữa những người đồng phạm (khoản 2, Điều 17 BLHS năm 2015).

1.5.3. Giải quyết tình huống cụ thể

Mô tả tình huống: Nguyễn Văn H sinh năm 1979 và Nguyễn Đức B sinh năm 1985 nhiều lần cùng nhau đi bắt trộm chó để bán. Tối 22/10/2018, H và B hẹn nhau đi trộm cắp chó. Khoảng 4 giờ 30 phút ngày 23/10/2018, H điện thoại báo B đến nhà H để cùng đi. Khi B đến. H đã chuẩn bị công cụ, phương tiện gồm: 1 xe máy, 1 kích điện, 1 cần cẩu chó, 2 con dao phớt tự chế và 1 con dao phóng lợn (là dao bầu được hàn vào một tuýp sắt dài khoảng 80 cm) và 1 khẩu súng ngắn có 3 viên đạn.

H điều khiển xe máy chở B ngồi sau cầm cần cẩu và kích điện, dao gài trên xe. Đến huyện Quế Võ, H và B bắt trộm được 3 con chó, đem bán cho Ngô Duy H; sau đó cấu tiếp được 2 con nữa, bỏ trong bao tải. Hai người tiếp

tục đến khu đô thị An Huy, thành phố Bắc Ninh, thì nhìn thấy 2 con chó buộc ở gốc cây trước nhà số A28. B xuống xe đến chỗ xích chó, dùng dao cắt dây buộc con chó màu đen. Khi B đang cắt dây, anh Phạm Trung K từ trong nhà đi ra, hô “trộm chó” và dùng cán chổi đánh B.

Thấy vậy, H xuống xe, đến đối diện, cách anh K khoảng 3m, tay trái cầm súng hướng về phía anh K, bắn một phát, làm anh K ngã gục xuống đường. Anh K được gia đình đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Ninh nhưng đã chết lúc 07 giờ cùng ngày.

Sau khi bắn anh K, B và H đem 3 con chó bán trộm được cho Nguyễn Thị D ở huyện Từ Sơn với giá 2.300.000 đồng. H và B chia nhau mỗi người 1.150.000 đồng.

H điện thoại cho em vợ là Nguyễn Văn Q hẹn đến gặp tại khu công nghiệp Quế Võ. Khi gặp Q, H bảo Q đổi xe máy và đưa cho Q khẩu súng, dao và các đồ đi câu trộm chó, bảo Q cất đi và cho Q biết việc đi trộm chó và bắn anh H. Còn B điện thoại cho vợ là Nông Thị Thúy A bảo đi xe máy Dream và đem giấy tờ đến làng Ngà để đổi xe. H, B và Q đi xe máy đến làng Ngà thì gặp A đi xe đến. Đổi xe xong, H và B đi xe máy ra Hà Nội, còn Q đi xe máy chở A về. Trên đường đi, H gọi điện nhờ Q thay biển số xe khác vào biển số xe máy của mình. Q đến nhà H lấy biển khác thay vào xe máy của H và ném biển số xe thật xuống ao. Khoảng 15 giờ cùng ngày, H gọi điện thoại cho anh trai là Nguyễn T kể toàn bộ nội dung sự việc trộm cắp chó và bắn chết anh K, đồng thời nhờ T lo cho gia đình và hai con của mình. Sau đó, H cùng B bỏ trốn. Ngày 27/10/2018, B đến cơ quan Công an tỉnh Bắc Ninh đầu thú. Ngày 31/10/2018, H bắt theo lệnh truy nã.

Được biết tội phạm mà H và B thực hiện là tội cướp tài sản tại Điều 168 và tội giết người tại Điều 123 BLHS năm 2015

Yêu cầu về vấn đề cần giải quyết

1. Trong tình huống trên Nguyễn Văn H và Nguyễn Đức B có phải là đồng phạm không? Tại sao?

2. Hãy xác định hình thức đồng phạm mà Nguyễn Văn H và Nguyễn Đức B đã thực hiện

Định hướng giải quyết vấn đề

Các sự kiện có ý nghĩa pháp lý

- Nguyễn Văn H và Nguyễn Đức B chuẩn bị công cụ, phương tiện để thực hiện tội phạm gồm 1 xe máy, 1 kích điện, 1 cần câu chó, 2 con dao phớt tự chế và 1 con dao phóng lộn (là dao bầu được hàn vào một tuýp sắt dài khoảng 80 cm) và 1 khẩu súng ngắn có 3 viên đạn;

- Hành vi trộm chó của H và B bị anh K phát hiện, và khi anh K dùng chổi đánh H, H đã dùng súng bắt chết anh K, sau đó H và B bắt chó rồi tẩu thoát;

- Q đã có hành vi giúp cho H và B che giấu tội phạm cũng như giúp cho H và B trốn thoát;

- T (Anh trai của H) cũng biết về vụ phạm tội của H và B, nhưng không báo cơ quan chức năng;

- Tội phạm mà H và B thực hiện là tội cướp tài sản tại Điều 168 và tội giết người tại Điều 123 BLHS năm 2015.

Pháp luật liên quan cần áp dụng

- Xác định luật áp dụng theo Điều 17; Điều 18; Điều 19; Điều 123; Điều 168; Điều 389 và Điều 390 BLHS năm 2015.

Cách thức áp dụng

1. Trong vụ án trên, H và B là đồng phạm về tội cướp tài sản và tội giết người¹¹. Bởi vì:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 17 BLHS năm 2015 thì “*đồng phạm là trường hợp có hai người trở lên cố ý cùng thực hiện một tội phạm*”. B và H thỏa mãn các điều kiện mà khái niệm đã nêu: (1) Có hai người trở lên, có năng lực trách nhiệm hình sự và đạt độ tuổi chịu TNHS; (2) Cùng thực hiện

¹¹ Mặc dù lúc đầu H và B thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, nhưng quá trình thực hiện hành vi, H và B đã sử dụng vũ lực để chiếm đoạt bằng được tài sản nên đã chuyển hóa tội danh, từ tội trộm cắp tài sản sang tội cướp tài sản (Xem thêm: Mục 6 thông tư: 02/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP hướng dẫn áp dụng các quy định tại Chương XIV "Các tội xâm phạm sở hữu" của Bộ Luật hình sự năm 1999)

với lỗi cố ý, hành vi của B và H đã có sự thống nhất, tiếp nhận ý chí và lý trí của nhau trước khi thực hiện tội phạm, H và B nhận thức được hành vi của mình nguy hiểm, nhận thức được hậu quả xảy ra nhưng vẫn thực hiện và mong muốn (hoặc để mặc) hậu quả xảy ra. Thông qua việc chuẩn bị công cụ, phương tiện phạm tội đã thể hiện rõ cả hai người đều có ý thức sẽ dùng vũ lực nếu có người phát hiện, ngăn cản, cản trở. (3) Cùng thực hiện một tội phạm. Trong vụ án khi anh K phát hiện và dùng cán chổi đánh, thì H đã dùng súng bắn vào K, làm K gục xuống và tử vong sau 7 ngày ở bệnh viện, sau khi bắn xong thì H và B đã mang con chó bắt được đem đi bán. Hành vi này của H và B thỏa mãn hai tội, tội giết người và tội cướp tài sản.

2. Để xác định hình thức đồng phạm, ta phải dựa vào các căn cứ, cụ thể:

- Dựa vào dấu hiệu khách quan của đồng phạm thì đây là đồng phạm phức tạp. Bởi vì, H và B đã có sự chuẩn bị kỹ cho hành vi phạm tội của mình, thể hiện thông qua việc chuẩn bị công cụ, phương tiện... phạm tội và trong quá trình thực hiện tội phạm thì mỗi người mỗi hành vi, cùng hỗ trợ cho nhau để thực hiện tội phạm.

- Dựa vào ý thức chủ quan của đồng phạm thì đây là đồng phạm có thông mưu trước. Bởi vì, H và B đã có sự thỏa thuận, bàn bạc trước về tội phạm, mặc dù ý thức chủ quan ban đầu là thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, tuy nhiên thông qua sự chuẩn bị công cụ, phương tiện phạm tội ta có thể nhận thấy các đối tượng này đã thể hiện có sự thống nhất về lý trí và ý chí để đối phó khi bị người khác phát hiện và cản trở việc thực hiện tội phạm của mình.

- Dựa vào yếu tố khách quan và ý thức chủ quan của tội phạm thì đây là trường hợp phạm tội có tổ chức. Căn cứ vào khoản 2, Điều 17 BLHS năm 2015 thì *“Phạm tội có tổ chức là hình thức đồng phạm có sự cấu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện tội phạm”*. Trong vụ án, yếu tố *“cấu kết chặt chẽ”* thể hiện qua việc H và B nhiều lần thực hiện hành vi trộm chó. Để thực hiện tội phạm, các đối tượng đã có sự bàn bạc, thống nhất kế hoạch,

phương án phạm tội, chuẩn bị rất kỹ về công cụ, phương tiện hỗ trợ với những hung khí và vũ khí nguy hiểm, đặc biệt lên phương án đối phó với trường hợp bị phát hiện, cản trở việc thực hiện hành vi phạm tội của mình.

Kết luận

1. Nguyễn Văn H và Nguyễn Đức B là đồng phạm về tội giết người và tội cướp tài sản

2. Hình thức đồng phạm mà H và B thực hiện là đồng phạm phức tạp nếu căn cứ vào dấu hiệu khách quan; là đồng phạm có thông mưu trước nếu căn cứ vào ý thức chủ quan; và là phạm tội có tổ chức nếu căn cứ vào dấu hiệu khách quan và chủ quan.

Câu hỏi bổ sung

1. Giả sử trong vụ án trên, H và B không có sự chuẩn bị trước, và ý định đi trộm chó xuất hiện khi hai người gặp nhau. Và trong quá trình trộm chó của anh K, khi bị phát hiện, B bỏ chạy còn H đứng lại dùng súng bắn vào anh K, làm anh K tử vong (súng này của H, để trong cốp xe máy của mình), sau đó H dắt chó chạy theo B. Trong trường hợp này H và B có phải là đồng phạm không? Tại sao?

2. Hãy đặt 02 câu hỏi và giải quyết để làm sáng tỏ TNHS đối với Nguyễn Văn Q và Nguyễn T trong tình huống trên.

1.6. Tình huống về trách nhiệm hình sự và quyết định hình phạt

1.6.1. Yêu cầu của giải quyết tình huống

- Yêu cầu về kiến thức

Nắm vững các cơ sở pháp lý và cơ sở lý luận về vấn đề TNHS và quyết định hình phạt; phân biệt được TNHS với các trách nhiệm pháp lý khác; nắm vững nguyên tắc áp dụng hình phạt đối với các trường hợp cụ thể; xác định được các căn cứ khi quyết định hình phạt cũng như tổng hợp được hình phạt trong các trường hợp phạm nhiều tội, nhiều bản án... để đảm bảo sự chính xác, phù hợp khi quyết định hình phạt.

- Yêu cầu về tiếp cận các văn bản pháp luật

Người học phải tiếp cận và thu thập các văn bản pháp luật liên quan TNHS, hình phạt, án treo, quyết định hình phạt..., được thể hiện trong các văn bản luật, văn bản dưới luật.

- Yêu cầu về kỹ năng

Người học cần phải có một số kỹ năng sau: Kỹ năng phát hiện vấn đề cần giải quyết; kỹ năng tra cứu văn bản và áp dụng quy phạm pháp luật ấy vào các tình huống cụ thể để giải quyết các vấn đề liên quan đến TNHS và quyết định hình phạt; kỹ năng lập luận logic, khoa học; kỹ năng xác định các tình tiết, dấu hiệu có ý nghĩa pháp lý; kỹ năng tư duy phản biện và kỹ năng đặt câu hỏi để làm sáng tỏ vấn đề.

1.6.2. Lý thuyết về trách nhiệm hình sự và quyết định hình phạt

- Khái niệm trách nhiệm hình sự

Trách nhiệm hình sự là hậu quả pháp lý của việc thực hiện tội phạm mà cá nhân người phạm tội phải gánh chịu trước Nhà nước về hành vi phạm tội của mình mà nội dung của nó là hình phạt và các biện pháp cưỡng chế hình sự khác theo quy định của Bộ luật hình sự.

- Thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự

Thời hiệu truy cứu TNHS là thời hạn do BLHS quy định mà khi hết thời hạn đó thì người phạm tội không bị truy cứu TNHS (Căn cứ vào Điều 27 BLHS năm 2015). Theo đó, thời hiệu truy cứu TNHS được xác định như sau:

- + 05 năm đối với tội phạm ít nghiêm trọng;*
- + 10 năm đối với tội phạm nghiêm trọng;*
- + 15 năm đối với tội phạm rất nghiêm trọng;*
- + 20 năm đối với tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.*

Thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự được tính từ ngày tội phạm được thực hiện. Nếu trong thời hạn còn thời hiệu, người phạm tội lại thực hiện hành vi phạm tội mới mà Bộ luật này quy định mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy trên 01 năm tù, thì thời hiệu đối với tội cũ được tính

lại kể từ ngày thực hiện hành vi phạm tội mới. Mặt khác, nếu trong thời hạn này, người phạm tội cố tình trốn tránh và đã có quyết định truy nã, thì thời hiệu tính lại kể từ khi người đó ra đầu thú hoặc bị bắt giữ.

- Án treo

Án treo là một chế định quan trọng trong Pháp luật hình sự Việt Nam, theo đó án treo là *là biện pháp miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện*. (căn cứ vào Điều 65 BLHS năm 2015; căn cứ vào Nghị quyết 02/2018/HĐTP/TANDTC hướng dẫn về án treo)

Người bị xử phạt tù có thể được xem xét cho hưởng án treo khi có đủ 05 điều kiện: (1) Bị xử phạt tù không quá 03 năm; (2) Có nhân thân tốt; (3) Có từ 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trở lên, trong đó có ít nhất 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; (4) Có nơi cư trú rõ ràng hoặc nơi làm việc ổn định để cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giám sát, giáo dục; (5) Xét thấy không cần phải bắt chấp hành hình phạt tù nếu người phạm tội có khả năng tự cải tạo và việc cho họ hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

Người bị áp dụng án treo phải chịu thêm thời gian thử thách. Thời gian thử thách được ấn định bằng hai lần mức hình phạt tù, nhưng không được dưới 01 năm và không được quá 05 năm.

- Quyết định hình phạt

Quyết định hình phạt là việc Tòa án lựa chọn một loại hoặc một mức trong giới hạn của một loại hình phạt để áp dụng đối với người phạm tội.

Để quyết định hình phạt đối với người phạm tội, cần phải dựa vào 04 căn cứ sau:

- + Căn cứ vào quy định của BLHS;
- + Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội;
- + Căn cứ vào nhân thân của người phạm tội;

+ Các tình tiết tăng nặng hoặc giảm nhẹ TNHS.

* Một số trường hợp cần lưu ý khi quyết định hình phạt, bao gồm:

+ Quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội

Quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội là trường hợp bị cáo thực hiện nhiều hành vi phạm tội thuộc nhiều loại tội phạm khác nhau, đều chưa hết thời hiệu, chưa bị xét xử và bị đưa ra xét xử cùng một lần. (căn cứ vào Điều 55 BLHS năm 2015)

+ Quyết định hình phạt trong trường hợp có nhiều bản án

Là trường hợp người phạm tội đang chấp hành một bản án lại bị đưa ra xét xử về tội phạm khác. (Căn cứ Điều 55, Điều 56 BLHS năm 2015)

1.6.3. Giải quyết tình huống cụ thể

Tình huống 1¹²

Mô tả tình huống: Trong quá trình truy cập mạng Internet, Đỗ Giang N sinh năm 1975 quen một người tên là Lê Thị H. Khoảng đầu tháng 6/2017, qua mạng Internet, H và N đã bàn bạc thực hiện việc lừa đảo với thủ đoạn đột nhập vào mạng máy tính chuyển tiền điện tử của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, rồi phát đi các lệnh chuyển tiền giả nhằm chiếm đoạt tiền từ các Chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn các địa phương.

Cuối tháng 6/2017 N và H gặp nhau tại Hà Nội để bàn bạc phân công H là người đột nhập vào mạng máy tính chuyển tiền điện tử của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, phát đi các lệnh chuyển tiền giả đến các Chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn Hà Nội và các tỉnh Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình và Thanh Hóa. Còn N có nhiệm vụ tìm chứng minh thư nhân dân của người khác bóc ảnh ra, dán ảnh của N vào rồi đến các Chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp và phát

¹² Tình huống được tóm tắt và chỉnh sửa từ Quyết định giám đốc thẩm Số: 20/2007/HS-GĐT ngày 12/07/2007 của TAND Tối cao xét xử đối với bị cáo Đỗ Nam G phạm tội “lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, được trích dẫn từ địa chỉ <http://thuvienphapluat.vn>

triển nông thôn mà H đã phát lệnh chuyển tiền giả đến để rút tiền.

Ngày 10/7/2017, N lên Hà Nội vào chợ lao động tại khu vực cầu Chui, quận Long Biên, Hà Nội lừa lấy một chứng minh thư nhân dân của một người mang tên Nguyễn Văn T. N đã bóc ảnh anh T trong chứng minh thư nhân dân đi, dán ảnh N vào. N thông báo cho H biết họ tên, số chứng minh thư nhân dân của người có tên là T, để H phát các lệnh chuyển tiền cho người nhận có tên là Nguyễn Văn T. Ngày 14/7/2017, H đột nhập vào mạng máy tính chuyển tiền điện tử của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, phát đi 04 lệnh chuyển tiền giả từ Chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh đến 04 Chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn tại Hà Nội với tổng số tiền của 04 lệnh là 979.000.000 đồng. Tuy nhiên, 14/7/2017 Chi nhánh Ngân hàng Quảng Ninh đã phát hiện ra 04 lệnh chuyển tiền trên là lệnh chuyển tiền giả nên đã có Công văn yêu hủy 04 lệnh chuyển tiền này đi. Do đó, N không chiếm đoạt được số tiền trên.

Ngày 22/7/2017 N lên chợ lao động tại phường Giáp Bát, quận Hoàng Mai, Hà Nội lừa lấy một chứng minh thư nhân dân của một người mang tên Bùi Công A. N đã bóc ảnh của anh A trong chứng minh thư nhân dân đi, rồi dán ảnh của N vào. N thông báo cho H biết họ tên, số chứng minh thư nhân dân của người có tên là A, để H phát các lệnh chuyển tiền cho người nhận có tên là Bùi Công A. Ngày 29/7/2017, H đột nhập vào mạng máy tính chuyển tiền điện tử của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, phát 06 lệnh chuyển tiền đi từ Chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Hải Thành, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng cho người nhận có tên Bùi Công A với tổng số tiền của 06 lệnh là 1.432.000.000 đồng. Hồi 10 giờ ngày 29/7/2017 khi Đỗ Giang N đang làm thủ tục nhận tiền tại Chi nhánh ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Ninh Bình thì bị bắt quả tang.

Tổng số tiền mà Đỗ Giang N có ý định chiếm đoạt qua hai lần thực hiện với 10 lệnh chuyển tiền là 2.411.000.000 đồng.

Yêu cầu về vấn đề cần giải quyết

1. Thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Đỗ Giang N và H được xác định như thế nào?

2. Trong vụ án này, Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm đã áp dụng tình tiết tăng nặng “*phạm tội có tổ chức*” tại điểm a, khoản 1 Điều 52 BLHS 2015. Theo anh (chị), việc áp dụng tình tiết tăng nặng đó có hợp lý không? Tại sao?

3. Giả sử trong vụ án trên, Đỗ Giang N phạm tội tại khoản 3 Điều 174 và có 2 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1, Điều 51 BLHS năm 2015, mà không có tình tiết tăng nặng thì N có thể được hưởng án treo không? Tại sao?

Định hướng giải quyết vấn đề

Các sự kiện có ý nghĩa pháp lý

- Thời điểm Đỗ Giang N và H bắt tay vào việc thực hiện hành vi được miêu tả trong mặt khách quan của cấu thành tội phạm là ngày 10/7/2017 ;
- Mức độ câu kết để phạm tội giữa Đỗ Giang N với H trong vụ án;
- Hành vi phạm tội của Đỗ Giang N bị phát hiện và bắt giữ;
- Tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà Đỗ Giang N thực hiện.

Pháp luật liên quan cần áp dụng

- Điều 27; 174; Điều 51; Điều 52; Điều 54; Điều 65 Điều BLHS năm 2015;
- Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo;
- Khoản 1 Điều 4, Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Cách thức áp dụng

1. Căn cứ vào Khoản 3 Điều 27 BLHS năm 2015 thì thời hiệu tính từ ngày tội phạm được thực hiện, do đó thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Đỗ Giang N và H được tính từ ngày 10/7/2017, đây là thời điểm N và

H bắt tay vào việc thực hiện hành vi được miêu tả trong mặt khách quan của cấu thành tội phạm.

Tội của Đỗ Giang N và H thực hiện là tội phạm đặc biệt nghiêm trọng do đó, căn cứ vào điểm d, khoản 2 Điều 27 và Khoản 4 Điều 174 BLHS năm 2015 thì thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Nam Giang và H là 20 năm.

Như vậy thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Đỗ Giang N và H được xác định từ 10/7/2017 đến hết ngày 9/7/2037.

2. Việc áp dụng tình tiết “*phạm tội có tổ chức*” tại điểm a khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015 là hợp lý, bởi vì:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 17 BLHS năm 2015 thì “*Phạm tội có tổ chức là hình thức đồng phạm có sự cấu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện tội phạm*”. Cụ thể, là hình thức đồng phạm có sự bàn bạc kỹ lưỡng, chu đáo về phương án, kế hoạch phạm tội, cũng như che giấu tội phạm, trong đồng phạm phải có sự phân công phân nhiệm rõ ràng, đồng phạm tồn tại bền vững, lâu dài... Vì đây là vụ án khá phức tạp khi phải sử dụng đến mạng máy tính, thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của ngân hàng do đó đòi hỏi phải lên phương án, kế hoạch kỹ lưỡng, trong vụ án Đỗ Giang N với H đã có sự bàn bạc về phương án, kế hoạch phạm tội khá kỹ càng, chu đáo; phân chia công việc, nhiệm vụ rõ ràng, cụ thể; Đỗ Giang N và H gặp nhau bàn bạc và thống nhất phương án và kế hoạch phạm tội, và sau khi thực hiện hành vi lần thứ nhất không thành công, N và H tiếp tục bàn bạc và thực hiện lần thứ hai, với sự phân công phân nhiệm rõ ràng, sự phối hợp chặt chẽ lẫn nhau, N và H đã thực hiện tội phạm thành công. Trên cơ sở đó, có thể khẳng định, việc áp dụng tình tiết “*phạm tội có tổ chức*” đối với Đỗ Giang N và H là hợp lý.

3. Nếu Đỗ Giang N phạm tội tại khoản 3, Điều 174 BLHS năm 2015 và có 2 tình tiết giảm nhẹ trở lên, không có tình tiết tăng nặng thì N vẫn có thể được hưởng án treo. Bởi vì:

Căn cứ vào Điều 65 BLHS năm 2015 và căn cứ vào Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP hướng dẫn áp dụng Điều 65 của BLHS năm 2015 về án treo thì án treo được áp dụng đối với người bị xử phạt tù không quá 3 năm; người có nhân thân tốt; không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và có từ hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trở lên trong đó có ít nhất một tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của BLHS; xét thấy không cần cách ly người phạm tội ra khỏi khu vực quản lý và có nơi cư trú rõ ràng thì vẫn có thể được hưởng án treo và không thuộc một trong các trường hợp không cho hưởng án treo được quy định tại khoản 3 Nghị quyết 02/2018. Căn cứ vào khoản 1, Điều 54 BLHS năm 2015, thì *“Tòa án có thể quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng nhưng phải trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn của điều luật khi người phạm tội có ít nhất hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật này”*. Như vậy, nếu Đỗ Giang N được Tòa án áp dụng khoản 1 Điều 54 BLHS năm 2015 để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng thì Đỗ Giang N được chuyển xuống khung hình phạt liền kề tại khoản 2 Điều 174 với khung hình phạt mà tòa án lựa chọn là từ 2 năm đến dưới 7 năm, do đó Tòa án có thể tuyên thời gian hình phạt tù trong khoảng từ 2 năm đến 3 năm đối với Đỗ Giang N, và cho Đỗ Giang N hưởng án treo.

Kết luận

1. Thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Đỗ Giang N và H được xác định từ 10/7/2017 đến hết ngày 9/7/2037.
2. Việc áp dụng tình tiết *“phạm tội có tổ chức”* tại điểm a khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015 là hợp lý.
3. Đỗ Giang N vẫn có thể được hưởng án treo.

Câu hỏi bổ sung

1. Trong vụ án này, Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ *“người phạm tội tự thú”* tại điểm r, khoản 1, Điều 51 BLHS

năm 2015. Theo anh/ chị, việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ này đã hợp lý chưa? Tại sao?

2. Thông qua các tính chất pháp lý của các tình tiết trong tình huống trên. Hãy phân biệt tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ với tình tiết định khung tăng nặng, tình tiết định khung giảm nhẹ. Cho ví dụ minh họa.

Tình huống 2

Mô tả tình huống: Tại bản án hình sự phúc thẩm số 1934/HSPT ngày 16/01/2018, Toà phúc thẩm TAND tỉnh KH tuyên phạt Nguyễn Xuân B 10 (mười) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” được thực hiện vào ngày 20/01/2014, tổng hợp với hình phạt 15 (mười lăm) năm tù về tội “*cướp tài sản*” tại bản án hình sự phúc thẩm số 1888/HSPT ngày 23/3/2014 của TAND tỉnh KH; buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 25 (hai mươi lăm) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23/3/2014.

Ngày 22/4/2018, Nguyễn Xuân B bị Tòa án sơ thẩm tỉnh KH đưa ra xét xử về tội phạm giết người được thực hiện vào ngày 28/2/2018. Tại bản án sơ thẩm số 2027/HSST ngày 23/4/2018, Nguyễn Xuân B bị Tòa án tuyên mức án là 16 năm tù về tội giết người. Tổng hợp với bản án phúc thẩm số 1934/HSPT ngày 16/01/2018 với 25 năm tù, nên Nguyễn Xuân B phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 30 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23/3/2014.

Bản án hình sự sơ thẩm nêu trên không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm nên đã có hiệu lực pháp luật và thi hành từ ngày 8/5/2018 .

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 27/2018/HS-TK ngày 30/12/2018, Chánh án TAND tối cao đề nghị Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm, huỷ phần quyết định tổng hợp hình phạt của bản án hình sự sơ thẩm số 2027/HSST ngày 23/4/2018 của TAND tỉnh KH đối với Nguyễn Xuân B, để tổng hợp hình phạt của các bản án theo đúng quy định của pháp luật.

Yêu cầu về vấn đề cần giải quyết

1. Theo anh/chi, Chánh án Toà phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao yêu cầu huỷ phần quyết định tổng hợp hình phạt của bản án hình sự sơ thẩm số 2027/HSST ngày 23/4/2018 của TAND tỉnh KH để tổng hợp lại là đúng hay sai? Cơ sở pháp lý?

2. Hãy nêu cách thức tổng hợp hình phạt đối với Nguyễn Xuân B trong trường hợp trên.

*** Định hướng giải quyết vấn đề**

Các sự kiện có ý nghĩa pháp lý

- Ngày 23/3/2014 TAND tỉnh KH tuyên bản án hình sự phúc thẩm số 1888/HSPT đối với Nguyễn Xuân B về tội cướp tài sản với mức án 15 năm tù;

- Nguyễn Xuân B thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản vào ngày 20/01/2014, nhưng đến ngày 16/01/2018 mới xét xử phúc thẩm và bị tuyên 10 năm tù về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tổng hợp hai bản án là 25 năm, thời gian tính từ ngày 23/3/2014;

- Ngày 22/4/2018, Nguyễn Xuân B bị Tòa án sơ thẩm tỉnh KH đưa ra xét xử về tội phạm giết người được thực hiện vào ngày 28/2/2018 với mức án 16 năm tù;

- Tổng hợp với bản án đang chấp hành, Nguyễn Xuân B phải chấp hành hình phạt chung là 30 năm, thời gian tính từ ngày 23/3/2014.

Pháp luật liên quan cần áp dụng

Điều 55 và Điều 56 BLHS năm 2015

Cách thức áp dụng

1. Chánh án Toà phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao yêu cầu huỷ phần quyết định tổng hợp hình phạt của bản án hình sự sơ thẩm số 2027/HSST ngày 23/4/2018 của TAND tỉnh KH để tổng hợp lại là đúng.

Căn cứ vào khoản 1, Điều 56 BLHS năm 2015 quy định “*Trong trường hợp một người đang phải chấp hành một bản án mà lại bị xét xử về tội đã*

phạm trước khi có bản án này, thì Tòa án quyết định hình phạt đối với tội đang bị xét xử, sau đó quyết định hình phạt chung theo quy định tại Điều 55 của Bộ luật này. Thời gian đã chấp hành hình phạt của bản án trước được trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt chung”. Và căn cứ vào khoản 2, Điều 56 BLHS 2015 quy định “*Khi xét xử một người đang phải chấp hành một bản án mà lại thực hiện hành vi phạm tội mới, Tòa án quyết định hình phạt đối với tội mới, sau đó tổng hợp với phần hình phạt chưa chấp hành của bản án trước rồi quyết định hình phạt chung theo quy định tại Điều 55 của Bộ luật này”.* Trong trường hợp này, Nguyễn Xuân B thực hiện hành vi giết người khi đang chấp hành bản án hình sự phúc thẩm số 1934/HSPT ngày 16/01/2018 (tức là phạm tội mới trong khi chấp hành bản án), do đó, TAND tỉnh KH phải tính thời gian còn lại của bản án đang chấp hành, sau đó mới tổng hợp vào bản án chung với tội phạm đang xét xử, chứ không được tính bản án chung sau đó mới trừ đi thời gian mà B đã chấp hành.

2. Tổng hợp hình phạt đối với Nguyễn Xuân B là trường hợp tổng hợp hình phạt của nhiều bản án. Cụ thể, trong quá trình chấp hành hình phạt tại bản án hình sự phúc thẩm số 1934/HSPT ngày 16/01/2018, thì B thực hiện hành vi phạm tội mới. Do đó, căn cứ vào điểm a, khoản 1 Điều 55 và khoản 2 Điều 56 BLHS năm 2015, bản án đối với B được tổng hợp như sau:

Bước 1: Tòa án tuyên phạt Nguyễn Xuân B 16 (mười sáu) năm tù về tội giết người;

Bước 2: Tính thời gian còn lại của bản án đang chấp hành, cụ thể: 25 năm - 4 năm = 21 năm;

Bước 3. Tổng hợp hình phạt chung của hai bản án: $21 + 16 = 30$ năm¹³.

Như vậy, Nguyễn Xuân B phải chấp hành hình phạt 30 năm tù tính từ ngày 8/5/2018.

¹³ Căn cứ vào điểm a, khoản 1, Điều 55 BLHS năm 2015 thì khi tổng hợp hình phạt tù có thời hạn thì không được vượt quá 30 năm tù.

Kết luận

1. Chánh án Toà phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao yêu cầu huỷ phần quyết định tổng hợp hình phạt của bản án hình sự sơ thẩm số 2027/HSST ngày 23/4/2018 của TAND tỉnh KH để tổng hợp lại là đúng.

2. Nguyễn Xuân B phải chấp hành hình phạt 30 năm tù tính từ ngày 8/5/2018.

Câu hỏi bổ sung

Từ việc tổng hợp hình phạt của tình huống trên đối với Nguyễn Xuân B, anh (chị) hãy nhận xét về quan điểm sau: *“trên thực tế, người phạm tội bị áp dụng hình phạt tù có thời hạn có thể phải chấp hành trên 30 năm”*.

CHƯƠNG 2. HƯỚNG DẪN MỘT SỐ TÌNH HUỐNG TRONG HỌC PHẦN LUẬT HÌNH SỰ 2

2.1. Tình huống về các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm con người

2.1.1. Yêu cầu của giải quyết tình huống

- Yêu cầu về kiến thức

Người học phải nắm bắt các quy định của pháp luật hình sự về các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm con người, hiểu được các dấu hiệu đặc trưng, điển hình của các cấu thành tội phạm cụ thể; hiểu được các tình tiết định tội, định khung của từng loại tội và biết được khung hình phạt cần được áp dụng.

- Yêu cầu về tiếp cận các văn bản pháp luật

Người học phải tiếp cận các văn bản pháp luật về các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm con người; ngoài quy định của BLHS, người học phải tiếp cận các văn bản hướng dẫn về các tình tiết cụ thể trong các quy định thuộc nhóm tội phạm này.

- Yêu cầu về kỹ năng

Người học cần phải có một số kỹ năng sau: Kỹ năng phát hiện vấn đề cần giải quyết, xác định các tình tiết và phân loại vai trò pháp lý của chúng để nhận biết tội danh và khung hình phạt; kỹ năng tra cứu văn bản pháp luật, từ đó vận dụng các dấu hiệu pháp lý của các tội thuộc chương này vào giải quyết các trường hợp thực tế; kỹ năng lập, phân tích tình huống; kỹ năng tư duy phản biện và kỹ năng đặt câu hỏi để làm sáng tỏ vấn đề liên quan đến tội phạm.

2.1.2. Lý thuyết về các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm con người

- Tội giết người

Tội giết người là hành vi cố ý tước đoạt (bỏ) tính mạng của người khác một cách trái pháp luật. (Căn cứ vào Điều 123 BLHS năm 2015; Nghị quyết 04/86/HĐTP/TATC)

- Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác

Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe cho người khác là hành vi cố ý gây ra thương tích hoặc tổn hại cho sức khỏe của người khác dưới dạng những thương tích hoặc tỷ lệ tổn hại sức khỏe cụ thể. (Căn cứ Điều 134 BLHS năm 2015; Thông tư số 12, thông tư liên bộ Bộ Y tế- Bộ Lao động Thương binh Xã hội ban hành ngày 26/7/95; Nghị quyết 02/2003/HĐTP/TATC hướng dẫn áp dụng một số quy định của BLHS 1999).

- Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe cho người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh

Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe cho người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh là hành vi cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh do hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân đối với người đó hoặc đối với người thân thích của người đó. (Căn cứ Điều 135 BLHS năm 2015)

- Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng hoặc do vượt quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội. (Căn cứ vào Điều 136 BLHS năm 2015).

- Tội hiếp dâm

Hiếp dâm là hành vi dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc lợi dụng tình trạng không thể tự vệ được của nạn nhân hoặc thủ đoạn khác giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác trái với ý muốn của nạn nhân. (Căn cứ vào Điều 141 BLHS năm 2015; căn cứ vào hướng dẫn của Bản tổng kết 329/HS2 ngày 11/5/1967 của Tòa án nhân dân tối cao về hành vi giao cấu).

- Tội cưỡng dâm

Cưỡng dâm là hành vi dùng mọi thủ đoạn khiến người lệ thuộc mình hoặc người đang ở trong tình trạng quần bách phải miễn cưỡng giao cấu hoặc miễn cưỡng thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác. (Căn cứ vào Điều 142 BLHS năm 2015; căn cứ vào hướng dẫn của Bản tổng kết 329/HS2 ngày 11/5/1967 của Tòa án nhân dân tối cao về hành vi giao cấu).

- Các tội xâm phạm tình dục của người dưới 18 tuổi

+ Mọi hành vi giao cấu hoặc quan hệ tình dục khác đối với người dưới 13 tuổi đều phạm tội hiếp dâm người dưới 16 tuổi tại Điều 142 BLHS năm 2015.

+ Người nào có hành vi giao cấu hoặc quan hệ tình dục khác thỏa mãn dấu hiệu định tội tại Điều 141 BLHS năm 2015 về tội hiếp dâm, đối với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi thì phạm tội hiếp dâm người dưới 16 tuổi tại Điều 142 BLHS năm 2015.

+ Người nào có hành vi giao cấu hoặc quan hệ tình dục khác thỏa mãn dấu hiệu định tội tại Điều 143 BLHS năm 2015 về tội cưỡng dâm, đối với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi thì phạm tội cưỡng dâm người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi tại Điều 144 BLHS năm 2015.

+ Người nào đủ 18 tuổi trở lên có hành vi giao cấu hoặc quan hệ tình dục khác thuận tình đối với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi thì phạm giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi tại Điều 145 BLHS năm 2015.

Ngoài ra, còn có thêm tội dâm ô đối với người dưới 16 tuổi tại Điều 146 và tội sử dụng người dưới 16 tuổi vào mục đích khiêu dâm tại Điều 147 cũng là những tội xâm phạm nhân phẩm của người dưới 16 tuổi, tuy nhiên đối với những tội phạm này, người phạm tội không có hành vi giao cấu hoặc quan hệ tình dục khác.

2.1.3. Giải quyết tình huống cụ thể

Tình huống 1¹⁴

Mô tả tình huống: Vào khoảng 15 giờ 30 phút ngày 12/2/2015, Phạm Ngọc B sinh năm 1986, Nguyễn Tiến T, Trần Minh H và Lê Văn V đều là thợ hồ làm tại công trình số 70 lô J2, phường Tân Hưng Thuận, Quận 12, Thành phố HCM cùng chơi đánh bài tiến lên thắng, thua bằng tiền, người thua nhì

¹⁴ Tình huống được tóm tắt từ Bản án Số: số 06/2016/HSST ngày 04/01/2016 của Tòa phúc thẩm TP Hồ Chí Minh xét xử đối với bị cáo Phạm Ngọc B được trích dẫn từ địa chỉ <http://caselaw.vn>

phải trả cho người thắng nhì 5.000 đồng. Sau khi chơi được vài ván, giữa B và T xảy ra mâu thuẫn về việc chia bài. B dùng tay tát vào mặt T một cái nhưng không trúng. T đứng dậy lấy cây búa đóng đinh phía sau lưng dài 37cm đánh vào người B nhưng không trúng, thì được H và V can ngăn. B tiếp tục lấy cây gỗ tròn dài khoảng 93,5cm, đường kính 5cm ở gần chân cầu thang tại công trình định đánh T nhưng được anh Nguyễn M (là người làm thợ hồ chung) can ngăn. Sau đó, B vẫn cầm cây gỗ tròn, T vẫn cầm búa tiếp tục xông đến đánh nhau. T bị B cầm cây gỗ tròn bằng hai tay làm hung khí đánh từ trên xuống trúng đỉnh đầu làm T gục ngã, bất tỉnh. Mọi người đã ngăn B, và đưa T đi cấp cứu. Tỷ lệ tổn hại sức khỏe của T là 91%. Ngay sau đó B về nhà ngủ đến sáng ngày 13/2/2015 đến công an xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh tự thú.

Tại cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố HCM Phạm Ngọc B đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Yêu cầu về vấn đề cần giải quyết

Trong vụ án này, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố HCM đã truy tố bị cáo Phạm Ngọc B về tội giết người, theo anh (chị), có phù hợp hay không? Tại sao?

Định hướng giải quyết vấn đề

Các sự kiện có ý nghĩa pháp lý

- Mâu thuẫn giữa Phạm Ngọc B và Lê Tiến T xuất phát từ việc đánh bài;
- Phạm Ngọc B và Lê Tiến T đánh nhau, B cầm cây gỗ tròn bằng hai tay làm hung khí đánh từ trên xuống trúng đỉnh đầu làm T gục ngã, bất tỉnh;
- Tỷ lệ thương tật của Lê Tiến T là 91 %.

Pháp luật liên quan cần áp dụng

Điều 123, Điều 134 BLHS năm 2015

Cách thức áp dụng

1. Trong vụ án này, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố HCM đã truy tố Phạm Ngọc B về tội giết người là hợp lý, bởi vì:

Căn cứ vào Điều 123 BLHS, dấu hiệu định tội của tội phạm giết người là hành vi tước đoạt tính mạng của người khác một cách trái pháp luật với lỗi cố ý (trực tiếp hoặc gián tiếp), tức là người phạm tội nhận thức được hành vi nguy hiểm và nhận thức được hoặc có thể nhận thức được hậu quả xảy ra, mong muốn hoặc để mặc hậu quả đó xảy ra. Trong vụ án này, hành vi dùng cây gỗ tròn làm hung khí rồi nhằm vào đỉnh đầu của T đánh từ trên xuống đã thể hiện sự nguy hiểm cao, hành vi của B đã nhằm vào những vị trí xung yếu trên cơ thể người và ảnh hưởng trực tiếp đến tính mạng con người, có khả năng dẫn đến chết người. Do đó, lỗi của B là lỗi cố ý trực tiếp, B nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm, nhưng vẫn thực hiện nhằm tước đoạt tính mạng của T. Vì vậy, mặc dù T chưa chết, nhưng căn cứ vào ý thức chủ quan của B, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố HCM đã truy tố bị cáo Phạm Ngọc B về tội giết người là hợp lý.

Kết luận

Viện kiểm sát nhân dân Thành phố HCM truy tố Phạm Ngọc B tội giết người là phù hợp.

Câu hỏi bổ sung

Giả sử trong vụ án này, B dùng cây gỗ đánh vào người của T và gây tỷ lệ thương tật là 30% thì tội danh của B có thay đổi không? Nếu có thì B phạm tội gì? Căn cứ pháp lý?

Tình huống 2

Mô tả tình huống: Khoảng 7 giờ ngày 22/5/2017, Nguyễn Thiên P sinh năm 1974, chở vợ và con đến chợ Bình Châu để mua sữa cho con. Khi đến chợ, vợ và con vào chợ còn P ngồi trên xe máy đợi. Do nghi ngờ Nguyễn Thiên P có quan hệ bất chính với vợ của mình, nên khi nhìn thấy P ngồi trên xe máy, Phạm Văn H liền đến góc cây nhặt một cổ chai thủy tinh đã bị đập vỡ hình răng cưa dài từ 5 - 6 cm rồi đi đến chỗ P; một tay H chụp cổ áo P từ phía sau, tay còn lại cầm cổ chai đâm P vào má trái. Cùng lúc này Phạm Văn M (là em trai của H) cũng cầm chiếc ghế nhựa chạy đến đánh P. Phạm Văn H và P giằng co

làm áo của P bị tuột ra. P lúi lại quây hàng trái cây của bà Y, chup một con dao lưỡi nhọn dài 20 cm đâm một nhát vào hạ sườn trái của H rồi bỏ chạy.

Tại Biên bản giám định số 301/TgT ngày 13/8/2017, Kết luận Phạm Văn H bị tổn thương cơ thể 59%.

Tại Biên bản giám định số 302/TgT ngày 13/8/2017 Nguyễn Thiên P bị tổn thương cơ thể là 02% (vĩnh viễn).

Yêu cầu về vấn đề cần giải quyết

1. Vụ án này, Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm đều xử Nguyễn Thiên P về tội “*Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe cho người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh*”. Theo anh (chị) đã hợp lý chưa? Tại sao?

2. Trong vụ án trên, Phạm Văn H có bị truy cứu trách nhiệm hình sự không? Tại sao?.

*** Định hướng giải quyết vấn đề**

Các sự kiện có ý nghĩa pháp lý

- Phạm Văn H do nghi ngờ Nguyễn Thiên P có quan hệ bất chính với vợ mình đã nhặt một cổ chai thủy tinh đã bị đập vỡ hình răng cưa dài từ 5-6 cm đâm vào má trái của P;

- Phạm Văn M (là em trai của H) cũng cầm chiếc ghế nhựa chạy đến đánh P;

- P lúi lại quây hàng của bà Y chup một con dao lưỡi nhọn dài 20 cm đâm một nhát vào hạ sườn trái của H rồi bỏ chạy;

- Phạm Văn H bị tổn thương cơ thể 59%;

- Nguyễn Thiên P bị tổn thương cơ thể là 02% (vĩnh viễn).

Pháp luật liên quan cần áp dụng

- Điều 134, Điều 135, Điều 136 BLHS năm 2015;

- Nghị quyết 02/2003/NQ-HĐTP Tòa án Nhân dân Tối cao, ngày 17 tháng 4 năm 2003 hướng dẫn áp dụng một số quy định của BLHS năm 1999.

Cách thức áp dụng

1. Toà án cấp sơ thẩm và phúc thẩm đều xử Nguyễn Thiên P về tội “*Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe cho người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh*” tại Điều 135 BLHS năm 2015 là chưa hợp lý. Bởi vì:

Phạm Văn H có nghi ngờ Nguyễn Thiên P có quan hệ bất chính với vợ mình, mặc dù không bắt được quả tang, cũng như không có căn cứ chứng minh P và vợ của H có quan hệ tình cảm với nhau, nhưng H vẫn ghen tuông mù quáng, và cùng với em của mình là M lao vào đánh P. Sự việc xảy ra lúc này, có thể đã làm cho trạng thái tinh thần của P bị kích động, nên P đã tấn công lại, tuy nhiên, do Phạm Văn H vô cớ, chủ động cầm chai thủy tinh đã đập vỡ tấn công Nguyễn Thiên P, và trong khi đang bị H tấn công thì lúc này Phạm Văn M (là em của H) cũng cầm ghế nhựa chạy đến đánh P. P lùi lại và lấy dao ở cửa hàng của bà Y chống trả lại H và gây thương tích cho H. Hành vi chống trả của P diễn ra khi hành vi tấn công của H vẫn chưa chấm dứt. Rõ ràng, trong hoàn cảnh này, P đang bị H và M có hành vi tấn công, xâm hại đến sức khỏe của mình, nên P lấy dao rồi chống trả lại H, trước hết là để phòng vệ cho bản thân. Nhưng sự tấn công chống trả của P vượt quá mức cần thiết khi gây thương tích cho H 59% (tạm thời), nên P sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự về hành vi vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng của mình. Xin được nói thêm, trong những trường hợp như thế này, chế định phòng vệ được ưu tiên áp dụng, mặt khác xét về khung hình phạt tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe cho người khác do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng (Điều 136) nhẹ hơn so với tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe cho người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh (Điều 135)¹⁵, như vậy sẽ áp dụng nguyên tắc có lợi cho người phạm tội.

¹⁵ Xem thêm quy định về khung hình phạt tại Điều 135 và Điều 136 BLHS năm 2015

Từ phân tích, lập luận trên, có thể thấy tội danh áp dụng đối với Nguyễn Thiên P là tội “*cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe cho người khác do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng*” tại khoản 1, Điều 136 BLHS năm 2015.

2. Phạm Văn H vẫn bị truy cứu TNHS về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe cho người khác tại khoản 1 Điều 134 BLHS năm 2015. Bởi vì: hành vi của H là rất nguy hiểm khi nhặt một cổ chai thủy tinh đã bị đập vỡ hình răng cưa dài từ 5-6 cm đâm vào má trái của P, và nếu như P không lùi lại để tìm công cụ để chống trả thì H tiếp tục tấn công P. Với việc sử dụng công cụ phạm tội là một cổ chai thủy tinh đã bị đập vỡ hình răng cưa dài từ 5-6 cm, H sẽ bị áp dụng tình tiết định tội “*dùng hung khí nguy hiểm*” được quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 134 BLHS năm 2015, quy định này được hướng dẫn tại tiểu mục 2.1 và 2.2 phần I, Nghị quyết 02/2003/NQ-HĐPTANDTC ngày 17 tháng 4 năm 2003 hướng dẫn áp dụng một số quy định của BLHS năm 1999.

Kết luận

1. Nguyễn Thiên P là tội “*cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe cho người khác do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng*” tại khoản 1, Điều 136 BLHS năm 2015.

2. Áp dụng tình tiết phạm tội “*dùng hung khí nguy hiểm*” tại điểm a, khoản 1, Điều 134 BLHS năm 2015 để truy cứu tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe cho người khác đối với Phạm Văn H.

Câu hỏi bổ sung

Trong vụ án trên, có quan điểm cho rằng: nên áp dụng thêm tình tiết tăng nặng “*phạm tội có tính chất côn đồ*” đối với Phạm Văn H. Hãy nhận xét quan điểm trên.

Tình huống 3

Mô tả tình huống: Khoảng 14 giờ, ngày 18/12/2016, Phan Văn Q sinh năm 1980 cùng các anh Phan Văn T (em trai Q), Nguyễn Đình K, Nguyễn

Viết C, Nguyễn Tiến T và ông Nguyễn Đình H đi làm thủy điện giúp gia đình ông Phạm Đình N. Sau khi làm thủy điện xong, ông N cùng ông H và anh T về trước, Q cùng các anh T, K, C ở lại dọn dẹp. Khoảng 16 giờ 30 phút, Q cùng các anh T, K, C về giếng nước nhà ông N (cách nhà ông N khoảng 70 mét) rửa chân tay. Sau đó các anh T, K và C đi lên nhà ông N uống nước, Q đi đến bụi chuối cách giếng nước khoảng 20 mét để đi tiêu, thì nhìn thấy chị Lò Thị P (20 tuổi) đi trong vườn chôm chôm nhà ông N và cách chỗ Q đứng khoảng 08 mét. Q nói “Em ơi cho anh đi với”, chị P trả lời “không được”. Q nói tiếp “không được anh cũng đi”. Thấy vậy, chị P bỏ chạy, Q đuổi theo. Khi chị P chạy đến hàng rào, nơi ngăn cách giữa vườn rẫy nhà ông N và vườn rẫy nhà anh Nguyễn Viết C, chị P tìm cách vượt qua hàng rào, thì bị vấp ngã xấp xuống đất. Q chạy tới dùng tay phải nắm vào vai chị P và lật ngửa chị P lên. Thấy xung quanh vắng vẻ, Q nảy sinh ý định hiếp dâm chị P. Chị P kêu cứu, thì Q dùng tay trái bịt miệng chị P và dùng đầu gối đè lên đùi chị P, tay phải cởi khóa quần và tụt quần dài của chị P, do chị P chống cự rất quyết liệt, nên Q không thực hiện hành vi giao cấu được, lúc này ông N đi xem vườn và phát hiện, nên Q đã buông chị P ra và bỏ về. Chị P lên công an xã trình báo về hành vi của Q, ngày hôm sau Q bị bắt. Tại cơ quan chức năng, Q đã thú nhận hoàn toàn về hành vi của mình.

Yêu cầu về vấn đề cần giải quyết

Anh (chị) hãy phân tích tính chất pháp lý của tình huống trên

Định hướng giải quyết vấn đề

Các sự kiện có ý nghĩa pháp lý

- Chị P 20 tuổi;
- Thấy xung quanh vắng vẻ, Q nảy sinh ý định hiếp dâm chị P. Chị P kêu cứu, thì Q dùng tay trái bịt miệng chị P và dùng đầu gối đè lên đùi chị P, tay phải cởi khóa quần và tụt quần dài của P;
- Chị P chống cự quyết liệt nên Q không giao cấu được, đúng lúc ông N phát hiện nên Q bỏ về.

Pháp luật liên quan cần áp dụng

Điều 141 BLHS năm 2015

Cách thức áp dụng

Tính chất pháp lý của vụ án được thể hiện qua hành vi của Q, cụ thể: Lợi dụng hoàn cảnh vắng vẻ, Q đã nảy sinh ý định hiếp dâm đối với P. Vì vậy Q đã đuổi theo P, khi P ngã thì Q đã đè lên người, dùng tay trái bịt miệng P, tay phải mở quần của P. Hay nói cách khác, Q đã sử dụng sức mạnh thể chất để buộc P cho giao cấu. Nhưng vì P kháng cự quyết liệt cộng với việc ông N phát hiện nên Q không giao cấu được.

Căn cứ vào quy định tại khoản 1, Điều 141 BLHS năm 2015 thì dấu hiệu định tội của tội hiếp dâm gồm hai nhóm hành vi: (1) Hành vi dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực, lợi dụng tình trạng không tự vệ được của nạn nhân hoặc thủ đoạn khác; và (2) hành vi giao cấu hoặc quan hệ tình dục khác. Như vậy, vận dụng vào tình huống, Q mới thực hiện được nhóm hành vi thứ nhất, mà chưa thực hiện được nhóm hành vi thứ hai.

Vậy Q có phạm tội không? Để trả lời câu hỏi này, cần nắm bắt được CTTP mà Q thực hiện, theo đó, tội hiếp dâm là tội có cấu thành tội phạm hình thức, tức là trong mặt khách quan của CTTP chỉ cần xét đến dấu hiệu hành vi không cần xét dấu hiệu hậu quả. Tuy nhiên, đặc trưng của tội hiếp dâm gồm hai nhóm hành vi, và tội phạm chỉ được xét là hoàn thành khi thực hiện xong cả hai nhóm hành vi này, do đó, tình huống trên, Q phạm tội hiếp dâm ở giai đoạn phạm tội chưa đạt, chưa hoàn thành¹⁶.

Kết luận

Phan Văn Q phạm tội hiếp dâm được quy định tại khoản 1, Điều 141 BLHS năm 2015, ở giai đoạn tội phạm chưa đạt chưa hoàn thành.

¹⁶ Xem thêm Điều 15 BLHS năm 2015

Câu hỏi bổ sung

1. Giả sử trong tình huống trên, khi kéo quần của P xuống, thì Q phát hiện P chuyển giới (từ nam giới chuyển sang nữ giới), tuy nhiên, Q vẫn thực hiện hành vi đe dọa dùng vũ lực và quan hệ tình dục trái ý muốn với P, thì Q có phạm tội không? Tại sao?

2. Có quan điểm cho rằng: *“Tội hiếp dâm chỉ có giai đoạn phạm tội chưa đạt chưa hoàn thành mà không có giai đoạn phạm tội chưa đạt đã hoàn thành”*. Nhận xét của anh (chị) chị về quan điểm trên.

2.2. Tình huống về các tội xâm phạm sở hữu

2.2.1. Yêu cầu của giải quyết tình huống

- Yêu cầu về kiến thức

Nắm vững các quy định của pháp luật hình sự về các tội xâm phạm sở hữu, từ đó nhận thức đầy đủ về các dấu hiệu pháp lý của các tội phạm xâm phạm sở hữu cụ thể; phân biệt được các tội phạm xâm phạm sở hữu với nhau, đặc biệt là các tội phạm có tính chiếm đoạt¹⁷.

- Yêu cầu về tiếp cận các văn bản pháp luật

Người học phải tiếp cận các văn bản pháp luật về các tội xâm phạm quyền sở hữu, tiếp cận và tìm hiểu các văn bản dưới luật, hướng dẫn các quy định trong nhóm tội này. Các văn bản cần tiếp cận bao gồm Bộ luật hình sự, các Nghị quyết, Nghị định, Thông tư.

- Yêu cầu về kỹ năng

Người học cần phải có một số kỹ năng sau: Kỹ năng phát hiện vấn đề cần giải quyết; kỹ năng tra cứu văn bản Pháp Luật hình sự và áp dụng quy phạm pháp luật ấy vào các tình huống cụ thể; kỹ năng lập luận logic, khoa học; kỹ năng xác định các tình tiết mấu chốt có ý nghĩa trong giải quyết vấn đề; kỹ năng tư duy phản biện và kỹ năng đặt câu hỏi để làm sáng tỏ vấn đề.

¹⁷ Chương các tội xâm phạm sở hữu được chia ra thành hai nhóm tội: Nhóm các tội xâm phạm sở hữu có tính chiếm đoạt và nhóm các tội xâm phạm sở hữu không có tính chiếm đoạt

2.2.2. Lý thuyết về các tội xâm phạm sở hữu

- Tội cướp tài sản

Cướp tài sản là hành vi dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc có hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản. (Căn cứ vào Điều 168 BLHS năm 2015; căn cứ Thông tư liên tịch 02/2001/TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP hướng dẫn áp dụng quy định tại chương XIV Các tội phạm xâm phạm sở hữu của Bộ Luật hình sự năm 1999).

- Tội cướp giật tài sản

Cướp giật tài sản là hành vi công khai tiếp cận tài sản rồi chiếm đoạt và nhanh chóng tẩu thoát. (Căn cứ vào Điều 171 BLHS năm 2015; căn cứ Thông tư liên tịch 02/2001/TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP hướng dẫn áp dụng quy định tại chương XIV Các tội phạm xâm phạm sở hữu của Bộ Luật hình sự năm 1999).

- Tội trộm cắp tài sản

Trộm cắp tài sản là hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác một cách trái pháp luật. (Căn cứ vào Điều 173 BLHS năm 2015; căn cứ Thông tư liên tịch 02/2001/TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP hướng dẫn áp dụng quy định tại chương XIV Các tội phạm xâm phạm sở hữu của Bộ Luật hình sự năm 1999).

- Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản

Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản là hành vi gian dối làm cho người khác tin đó là sự thật và tự nguyện giao tài sản cho người phạm tội. (Căn cứ vào Điều 174 BLHS năm 2015; căn cứ Thông tư liên tịch 02/2001/TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP hướng dẫn áp dụng quy định tại chương XIV Các tội phạm xâm phạm sở hữu của Bộ Luật hình sự năm 1999).

- Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản

Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản là hành vi lạm dụng sự tin tưởng của người khác khi được vay, mượn, thuê hoặc nhận được tài sản bằng

hình thức hợp đồng, rồi dung thủ đoạn gian dối, hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản, hoặc đến hạn trả lại tài sản mặc dù có khả năng để trả nhưng cố tình không trả, hoặc đã sử dụng tài sản đó vào mục đích bất hợp pháp dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản. (Căn cứ vào Điều 175 BLHS năm 2015; căn cứ Thông tư liên tịch 02/2001/TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP hướng dẫn áp dụng quy định tại chương XIV Các tội phạm xâm phạm sở hữu của Bộ Luật hình sự năm 1999).

2.2.3. Giải quyết tình huống cụ thể

Tình huống 1

Mô tả tình huống: Lê Hữu H đang đi xe máy (loại xe Jupiter) vừa mới mua với giá 24 triệu đồng thì Trần Mạnh K là người quen của H vẫy tay xin đi nhờ. H dừng xe lại và đèo K đi cùng. Khi đi được một lúc thì H dừng xe trước quán nước và bảo K cùng vào quán uống nước. Lợi dụng lúc H đi rửa tay thấy xe vẫn đang mở khoá, K liền nổ máy phóng xe máy của H đi đến chợ T bán xe lấy tiền tiêu sài. Khi H rửa tay quay ra và hỏi Đ là chủ quán về xe của mình thì Đ nói là thấy K chạy đi rồi, và Đ tưởng xe đó là xe của K. K đã trình báo cơ quan chức năng, và 03 ngày sau thì K bị bắt.

Yêu cầu về vấn đề cần giải quyết

Trong tình huống trên, Trần Mạnh K phạm tội gì? Tại sao?

Định hướng giải quyết vấn đề

Các sự kiện có ý nghĩa pháp lý

- Nguyễn Hữu H là chủ sở hữu chiếc xe máy, chỉ cho K đi nhờ xe, mà không hề có sự chuyển giao hay nhờ K trông coi chiếc xe;
- Chủ quán và những người trong quán không thể biết được ai là người chủ sở hữu chiếc xe máy, và vì vậy họ cũng không mặc nhiên là người trông giữ chiếc xe giùm cho H khi H đi rửa tay;
- Việc chiếm đoạt chiếc xe máy mà K thực hiện trong hoàn cảnh là lợi dụng lúc H đi rửa tay, K đã phóng xe bỏ chạy và chiếm đoạt nó;
- Chiếc xe máy trị giá 24 triệu đồng.

Pháp luật liên quan cần áp dụng

- Điều 173 BLHS năm 2015;
- Thông tư liên tịch số 02/2001/VKS/TANDTC/BCA/BTP về hướng dẫn áp dụng chương các tội xâm phạm sở hữu trong BLHS năm 1999.

Cách thức áp dụng

Lợi dụng lúc Nguyễn Hữu H đi rửa tay, Trần Mạnh K đã lén lút (bí mật) lấy xe máy của H và mặc dù K lấy xe máy của H ngang nhiên trước mặt Đ là chủ quán nước nhưng đó chỉ là ý thức che giấu tính hợp pháp cho hành vi của K, để cho Đ tưởng đó là xe máy của K. Do đó, hành vi của K chính là hành vi trộm cắp tài sản nên K đã phạm tội trộm cắp tài sản được quy định tại Điều 173 BLHS năm 2015.

Theo quy định tại Điều 173 BLHS năm 2015 thì mặt khách quan của tội trộm cắp tài sản thể hiện ở hành vi lén lút, bí mật chiếm đoạt tài sản của chủ sở hữu hoặc người quản lý tài sản mà người này không hề hay biết tài sản của mình đang bị chiếm đoạt, chỉ sau khi mất thì người đó mới biết bị mất tài sản.

Tính chất lén lút, bí mật của hành vi trộm cắp tài sản thể hiện ở chỗ người phạm tội che giấu, giấu diếm hành vi chiếm đoạt tài sản của mình đối với chủ sở hữu tài sản.

Người phạm tội không những chỉ có ý thức bí mật đối với người quản lý tài sản mà còn bí mật đối với người xung quanh khu vực có tài sản nhưng có những trường hợp người phạm tội không hề che giấu hành vi trộm cắp tài sản đối với người xung quanh nhưng lại có những hành động để người xung quanh tưởng lầm đó không phải là hành vi trộm cắp tài sản. Như vụ án trên, thì K giả vờ đi nhờ xe của H để người xung quanh tưởng nhầm là xe của K và đợi cho đến khi H sơ hở, mất cảnh giác thì trộm cắp xe.

Hậu quả của tội trộm cắp tài sản là thiệt hại về tài sản mà cụ thể là giá trị tài sản bị chiếm đoạt. Tài sản bị chiếm đoạt là chiếc xe máy, có giá trị từ 2 triệu đồng trở lên nên đã thỏa mãn giá trị định lượng để cấu thành tội trộm cắp tài sản. Tội phạm mà K thực hiện đã hoàn thành.

Kết luận

Trần Mạnh K phạm tội trộm cắp tài sản tại khoản 1, Điều 173 BLHS năm 2015.

Câu hỏi bổ sung

Anh (chị) hãy xác định thời điểm tội phạm hoàn thành đối với tội phạm mà K thực hiện trong tình huống trên.

Tình huống 2

Mô tả vụ án: Trần Chí H là công nhân công ty giày da ĐX, H lấy trộm một đôi giày của công ty ĐX, rồi buộc từng chiếc giày vào ống chân của H, sau đó phủ ống quần lên và đi về. Khi ra đến cổng bảo vệ của công ty ĐX, thì K (là bảo vệ) phát hiện H giấu đôi giày trong ống quần, K yêu cầu H vào phòng bảo vệ thì lập tức H bỏ chạy, thấy thế K đuổi theo và tóm được tay H để giữ H lại, liền lúc đó H rút dao trong người ra đâm vào tay K để cố giữ bằng được đôi giày. Sợ H gây nguy hiểm cho mình nên K đã buông tay để cho H chiếm đoạt đôi giày và tẩu thoát. Được biết, đôi giày mà H chiếm đoạt được trị giá 500.000 đồng.

Yêu cầu về vấn đề cần giải quyết

Từ tính chất pháp lý của tình huống trên, Trần Chí H phạm tội gì? Căn cứ pháp lý?

Định hướng giải quyết vấn đề

Các sự kiện có ý nghĩa pháp lý

- Trần Chí H buộc giày vào trong ống quần với ý thức nhằm che giấu sự phát hiện của người khác và của bảo vệ. Tuy nhiên, việc chiếm đoạt đôi giày vẫn chưa hoàn thành;

- Khi đi qua cổng bị K (là bảo vệ) phát hiện và đuổi theo, khi K tóm được tay H để giữ H lại, thì H rút dao trong người ra đâm vào tay K để cố giữ bằng được đôi giày;

- H chiếm đã chiếm đoạt được đôi giày và bán với giá 500.000 đồng.

Pháp luật liên quan cần áp dụng

- Điều 173 BLHS năm 2015;
- Điều 168 BLHS năm 2015;
- Thông tư liên tịch số 02/2001/VKS/TANDTC/BCA/BTP về hướng dẫn áp dụng chương các tội xâm phạm sở hữu trong BLHS năm 1999.

Cách thức áp dụng

Căn cứ vào quy định tại điểm đ khoản 2, Điều 172 BLHS năm 2015 và căn cứ vào khoản 6, Mục I Thông tư liên tịch số 02/2001/VKS/TANDTC/BCA/BTP về hướng dẫn áp dụng chương các tội xâm phạm sở hữu trong BLHS năm 1999 thì tình tiết định khung “*hành hung để tẩu thoát*” trong tội trộm cắp tài sản được hiểu là trường hợp mà người phạm tội chưa chiếm đoạt được tài sản hoặc đã chiếm đoạt được tài sản, nhưng bị phát hiện và bị bắt giữ hoặc bị bao vây bắt giữ thì đã có những hành vi chống trả lại người bắt giữ hoặc người bao vây bắt giữ như đánh, chém, bắn, xô ngã... nhằm tẩu thoát.. Hay nói cách khác, người phạm tội hành hung đối với người đuổi bắt (có thể là chủ sở hữu tài sản bị trộm cắp hoặc là người khác) nhằm mục đích tẩu thoát. Nhưng nếu người phạm tội chưa chiếm đoạt được tài sản hoặc đã chiếm đoạt được tài sản, nhưng đã bị người bị hại hoặc người khác giành lại, mà người phạm tội tiếp tục dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc tấn công người bị hại hoặc người khác nhằm chiếm đoạt cho được tài sản, thì trường hợp này không phải là “*hành hung để tẩu thoát*” mà đã có đầy đủ các dấu hiệu cấu thành tội cướp tài sản.

Vận dụng vào vụ án trên, khi K là bảo vệ phát hiện H trộm giày nên K đã đuổi theo nắm vào tay H nhằm mục đích giữ lại đôi giày, thì lúc này, H đã dùng giao đấm vào tay của K để cố giữ cho được đôi giày và K lo sợ H gây nguy hiểm nên đã để cho H chiếm đoạt đôi giày và bỏ chạy. Như vậy, hành vi của H thỏa mãn chuyển hóa tội phạm, trong trường hợp này H phạm tội cướp tài sản tại Điều 168 BLHS năm 2015.

Trong trường hợp này, khoa học luật hình sự gọi là chuyển hoá từ tội trộm cắp sang tội cướp tài sản.

Kết luận

Trần Chí H phạm tội cướp tài sản tại khoản 1, Điều 168 BLHS năm 2015.

Câu hỏi bổ sung

1. Giả sử trong vụ án trên, khi bị K đuổi theo, H đã rút dao ra quơ qua, quơ lại trước mặt K nhằm đe dọa K, và vì sợ H gây nguy hiểm cho mình nên K đã để H tẩu thoát rồi chiếm đoạt đôi giày thì tội danh của H có thay đổi không? Tại sao?

2. Có ý kiến cho rằng: “*đối với tội cướp tài sản mà H thực hiện trong tình huống trên, thì dấu hiệu hậu quả không có ý nghĩa pháp lý*”. Anh (chị) hãy nhận xét về quan điểm trên.

2.3. Tình huống về các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế

2.3.1. Yêu cầu của giải quyết tình huống

- Yêu cầu về kiến thức

Nắm vững các quy định của pháp luật về các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế. Nắm được các dấu hiệu pháp lý của một số tội phạm xâm phạm trật tự quản lý kinh tế được quy định trong BLHS, đặc biệt là các dấu hiệu dùng để định tội và định khung hình phạt.

- Yêu cầu về tiếp cận các văn bản pháp luật

Người học phải tiếp cận các văn bản pháp luật hình sự liên quan các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế bao gồm văn bản luật và văn bản dưới luật.

- Yêu cầu về kỹ năng

Người học cần phải có một số kỹ năng sau: kỹ năng tra cứu văn bản liên quan đến các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế; trên cơ sở đó, vận dụng vào để xác định tội phạm; kỹ năng lập luận; kỹ năng tư duy phản biện.

2.3.2. Lý thuyết về một số tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế

- Tội buôn lậu

Buôn lậu là hành vi buôn bán hàng hóa, tiền Việt Nam, ngoại tệ, kim khí quý, đá quý qua biên giới hoặc từ khu phi thuế quan vào nội địa hoặc ngược lại trái pháp luật. (Căn cứ vào Điều 188 BLHS năm 2015).

- Tội vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới

Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới là hành vi vận chuyển hàng hóa, tiền Việt Nam, ngoại tệ, kim khí quý, đá quý qua biên giới hoặc từ khu phi thuế quan vào nội địa hoặc ngược lại trái pháp luật. (Căn cứ vào Điều 189 BLHS năm 2015).

- Tội sản xuất, buôn bán hàng cấm

Sản xuất, buôn bán hàng cấm là hành vi làm ra các loại hàng cấm hoặc buôn bán các loại hàng cấm theo quy định của pháp luật. (Căn cứ vào Điều 190 BLHS năm 2015).

- Tội sản xuất, buôn bán hàng giả

Sản xuất, buôn bán hàng giả là hành vi làm ra các loại hàng giả hoặc buôn bán các loại hàng giả theo quy định của pháp luật. (Căn cứ vào Điều 192 BLHS năm 2015).

2.3.3. Giải quyết tình huống cụ thể

Tình huống 1¹⁸

Mô tả tình huống: Vào khoảng 10 giờ 30 ngày 26/9/2014, đội Cảnh sát điều tra tội phạm về kinh tế - chức vụ Công an quận Bình Tân phối hợp với Công an phường Bình Trị Đông A kiểm tra nhân hộ khẩu tại nhà số 265 Mã Lò, khu phố 10, phường Bình Trị Đông A, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh thì phát hiện và thu giữ của Nguyễn Thị T sinh năm 1978, 610 gói thuốc lá điếu gồm: 190 bao thuốc là điếu hiệu Hero; 40 bao thuốc là điếu hiệu 555; 100 bao thuốc là điếu hiệu Esse; 260 bao thuốc là điếu hiệu Jet; 20 bao thuốc là điếu hiệu Capri nên chuyển toàn bộ số tang vật về Cơ quan Cảnh sát điều tra quận Bình Tân để điều tra xử lý.

Nguyễn Thị T khai nhận: mua các loại thuốc lá điếu nói trên của một thanh niên tên M (không rõ lai lịch), mỗi ngày H bán được 100 bao thuốc các loại, trung bình bán ra mỗi cây thuốc (10 bao) thu lợi được 2.000 đồng, trong khoảng thời gian bán thuốc lá T đã thu lợi tổng cộng là 4.200.000 đồng.

¹⁸ Tình huống được tóm tắt từ Bản ánSố: 469/2015/HSPT ngày: 06/8/2015 của tòa phúc thẩm, TAND Thành phố Hồ Chí Minh xét xử đối với bị cáo Nguyễn Thị Thu Hòa từ địa chỉ <http://caselaw.vn>

Xác minh tại Ủy ban nhân dân quận Bình Tân: Nguyễn Thị T đã bị xử phạt vi phạm hành chính 15.000.000 đồng về hành vi “Tàng trữ, kinh doanh thuốc lá điều nhập lậu” tại quyết định xử phạt hành chính số 32/QĐ-XPHC ngày 18/01/2013, T chưa đóng phạt tiền phạt.

Yêu cầu về vấn đề cần giải quyết

1. Đối tượng tác động của tội phạm trong vụ án trên là gì? Và vai trò của nó đối với tính chất pháp lý của vụ án?

2. Trong tình huống trên, Nguyễn Thị T phạm tội không? Nếu có thì phạm tội gì? Tại sao?

Định hướng giải quyết vấn đề

Các sự kiện có ý nghĩa pháp lý

- Công an Bình Trị Đông A phát hiện và thu giữ 610 gói thuốc lá điều gồm: 190 bao thuốc lá điều hiệu Hero; 40 bao thuốc lá điều hiệu 555; 100 bao thuốc lá điều hiệu Esse; 260 bao thuốc lá điều hiệu Jet; 20 bao thuốc lá điều hiệu Capri

- Lời khai của Nguyễn Thị T mua các loại thuốc lá điều nói trên của M (không rõ lai lịch), mỗi ngày T bán được 100 bao thuốc các loại, trung bình bán ra mỗi cây thuốc (10 bao) thu lợi được 2.000 đồng, trong khoảng thời gian bán thuốc lá T đã thu lợi tổng cộng là 4.200.000 đồng.

- Nguyễn Thị T đã bị xử phạt vi phạm hành chính 15.000.000 đồng về hành vi “Tàng trữ, kinh doanh thuốc lá điều nhập lậu” nhưng chưa đóng tiền phạt

Pháp luật liên quan cần áp dụng

- Điều 190, Điều 305 BLHS năm 2015;

- Điều 7 Luật xử phạt vi phạm hành chính năm 2012.

Cách thức áp dụng

1. Căn cứ vào khoản 1, Điều 190 BLHS năm 2015 và căn cứ vào khoản 19, Mục A, Danh mục hàng hoá, dịch vụ cấm kinh doanh được Ban hành kèm theo Nghị định 59/2006/NĐ-CP ngày 12/6/2006 hướng dẫn thi hành Luật

Thương mại về hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh, hạn chế kinh doanh và kinh doanh có điều kiện được sửa đổi, bổ sung bởi: Nghị định 43/2009/NĐ-CP; Nghị định 39/2009/NĐ-CP về vật liệu nổ công nghiệp, quy định danh mục hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh và kinh doanh có điều kiện của Chính Phủ, thì đối tượng tác động của tội phạm trong vụ án này là thuốc lá điếu, cụ thể gồm: 190 bao thuốc là điếu hiệu Hero; 40 bao thuốc là điếu hiệu 555; 100 bao thuốc là điếu hiệu Esse; 260 bao thuốc là điếu hiệu Jet; 20 bao thuốc là điếu hiệu Capri.

Việc xác định đối tượng tác động của tội phạm là thuốc lá có ý nghĩa định tội đối với tội buôn bán hàng cấm tại Điều 190 BLHS năm 2015. Bởi vì, đối với tội phạm này, bắt buộc đối tượng tác động là hàng cấm theo quy định của pháp luật.

2. Căn cứ vào điểm e, khoản 1 Điều 190 BLHS năm 2015 thì Nguyễn Thị T vẫn phạm tội, bởi vì, mặc dù số lượng thuốc lá điếu mà T buôn bán nằm dưới mức số lượng quy định dùng để định tội tại điểm b, khoản 1 Điều 190, nhưng trước đó, T đã từng bị xử phạt vi phạm hành chính 15.000.000 đồng về hành vi “Tàng trữ, kinh doanh thuốc lá điếu nhập lậu” nhưng chưa đóng tiền phạt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 7 Luật xử phạt vi phạm hành chính năm 2012 quy định “Cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính, nếu trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử phạt cảnh cáo hoặc 01 năm, kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử phạt hành chính khác hoặc từ ngày hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính mà không tái phạm thì được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính.”. Trong vụ án này, vì T chưa đóng tiền phạt nên vẫn chưa được tính để xóa xử phạt vi phạm hành chính. Để làm rõ hơn tội phạm, chúng ta đi phân tích các dấu hiệu pháp lý của tội phạm, cụ thể:

- Về khách thể của tội phạm

+ Tội phạm xâm phạm chính sách quản lý kinh tế của Nhà nước về việc buôn bán thuốc lá điếu.

+ Đối tượng tác động của tội phạm là hàng cấm, cụ thể là thuốc lá điếu, được xác định tại Danh mục hàng hoá, dịch vụ cấm kinh doanh của Chính Phủ

- Về mặt khách quan của tội phạm

+ Nguyễn Thị T đã có hành vi buôn bán thuốc lá điếu, cụ thể: T mua 610 bao thuốc lá điếu của một thanh niên tên M (không rõ lai lịch), sau đó bán lại thu lợi bất chính là 4.200.000 đồng.

+ Tội phạm hoàn thành khi người phạm tội có hành vi buôn bán (mua đi bán lại) trái phép hàng cấm là thuốc lá điếu có số lượng từ 1.500 bao đến dưới 3.000 bao.

Hành vi buôn bán thuốc lá điếu của T có số lượng dưới mức tối thiểu được quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 190 BLHS năm 2015, tuy nhiên, trong vụ án này, T đã bị xử phạt vi phạm hành chính 15.000.000 đồng về hành vi “Tàng trữ, kinh doanh thuốc lá điếu nhập lậu” tại quyết định xử phạt hành chính số 32/QĐ-XPHC ngày 18/01/2013, T chưa đóng phạt tiền phạt.

- Về mặt chủ quan của tội phạm. T thực hiện với lỗi cố ý. Mục đích là để mua đi bán lại kiếm lời.

Như vậy, căn cứ vào điểm e, khoản 1 Điều 190 BLHS năm 2015, T vẫn bị truy cứu TNHS về tội buôn bán hàng cấm.

Kết luận

1. Đối tượng tác động của tội phạm là 610 bao thuốc lá điếu. Xác định đối tượng tác động của tội phạm có ý nghĩa định tội.

2. Nguyễn Thị Thu T phạm tội sản xuất, buôn bán hàng cấm tại khoản 1, Điều 190 BLHS năm 2015.

Câu hỏi bổ sung

Giả sử, trong vụ án này T buôn bán hàng cấm không phải là thuốc lá điếu mà là thuốc pháo với trọng lượng 8kg, thì tội danh của T có bị thay đổi không? Tại sao?

Tình huống 2¹⁹

Ngày 24-01-2018, tại tọa độ $j = 21^{\circ} 23' 000N$, $l = 108^{\circ} 02' 000E$ chạy qua cửa khẩu Vạn Gia 6 Hải Lý, cách vùng biển Trung Quốc 1,2 vạn lý, Hải đội 1, cục điều tra chống buôn lậu, Tổng cục Hải Quan bắt giữ tàu Thịnh Anh 09, BKS: QN-3178 do Dương Đức Q sinh năm 1967, là chủ tàu và 07 thuyền viên khác do Trần Văn T (thuyền trưởng) đang chở than cám đi Trung Quốc bán. Dương Đức Q đã khai nhận ngày 19-01-2005, tàu Thịnh Anh vận chuyển 685 tấn than cám (số than này Q mua hợp pháp có hoá đơn) đem bán cho Xí nghiệp gạch ngói Giếng Đáy tại Hải Ninh, nhưng vì than không đảm bảo chất lượng nên Xí nghiệp từ chối mua nên Q đã quyết định đem số than trên sang Trung Quốc bán, khi tàu đang hành trình sang Trung Quốc thì bị Hải Quan bắt giữ. Kết quả xác minh cho thấy Xí nghiệp gạch ngói Giếng Đáy không có hợp đồng mua bán than với Công ty trách nhiệm hữu hạn Thịnh Anh. Theo giám định của Vinacontrol, số lượng than cám trên tàu là 886,91 tấn = 198.668.000đ.

Yêu cầu về vấn đề cần giải quyết

Trong tình huống trên, Dương Đức Q phạm tội gì? Tại sao?

Định hướng giải quyết vấn đề

Các sự kiện có ý nghĩa pháp lý

- Cơ quan Tổng cục Hải Quan bắt giữ tàu Thịnh Anh 09, BKS: QN-3178 do Dương Đức Q sinh năm 1967, là chủ tàu và 07 thuyền viên khác do Trần Văn T (thuyền trưởng) đang chở than cám đi Trung Quốc bán;

- Cơ quan xác minh cho thấy Xí nghiệp gạch ngói Giếng Đáy không có hợp đồng mua bán than với Công ty trách nhiệm hữu hạn Thịnh Anh;

- Số lượng than cám trên tàu là 886,91 tấn, với giá trị 198.668.000đ.

Pháp luật liên quan cần áp dụng

¹⁹ Tình huống được tóm tắt và chỉnh sửa từ Quyết định giám đốc thẩm Số: 09/2007/HS-GĐT ngày 04/4/2007 TAND Tối cao xét xử đối với bị cáo Dương Đức L, địa chỉ <http://thuvienphapluat.vn>

Điều 188; Điều 189 BLHS năm 2015

Cách thức áp dụng

Dương Đức Q phạm tội buôn lậu tại Điều 188 BLHS năm 2015

- Về khách thể của tội phạm

+ Tội phạm xâm phạm chính sách quản lý ngoại thương của nhà nước, xâm phạm đến hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa.

+ Đối tượng tác động của tội phạm trong vụ án này là hàng hóa (than cám)

- Về mặt khách quan của tội phạm

+ *Hành vi khách quan* là hành vi buôn bán than cám qua biên giới quốc gia trái phép. Trong vụ án này, Q đã buôn bán than cám qua cửa khẩu Vạn Gia – Quảng Ninh mà không qua sự kiểm soát của cơ quan Hải quan.

+ Số lượng than cám mà Q buôn bán trái phép qua biên giới là 886,91 tấn trị giá 198.668.000đ.

Tội phạm hoàn thành tại thời điểm Q và tàu của Q qua khỏi sự kiểm soát của cơ quan Hải quan tại cửa khẩu Vạn Gia.

- *Chủ thể của tội phạm*. Q là người có năng lực trách nhiệm hình sự và đạt độ tuổi theo luật định.

- *Mặt chủ quan của tội phạm*

+ Luân phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp

+ Luân thực hiện tội phạm với động cơ vụ lợi và mục đích buôn bán kiếm lời.

Như vậy, Dương Đức Q phạm tội buôn lậu được quy định tại Khoản 1 Điều 188 BLHS năm 2015

Kết luận

Dương Đức Q phạm tội buôn lậu được quy định tại khoản 1, Điều 188 BLHS năm 2015.

Câu hỏi bổ sung

Trong vụ án trên, nếu xác định Trần Văn T (thuyền trưởng) và những

thuyền viên khác được Dương Đức Q thuê vận chuyển số lượng than cám trên sang Trung Quốc để Q bán cho Q thì tội danh của những người này có bị thay đổi không? Tại sao?

2.4. Tình huống về các tội phạm ma túy

2.4.1. Yêu cầu của giải quyết tình huống

- Yêu cầu về kiến thức

Nắm vững quy định về các tội phạm ma túy theo pháp luật hình sự Việt Nam, nắm được chính sách và đường lối xử lý đối với nhóm tội này; nắm được các dấu hiệu định tội, định khung ở từng tội phạm cụ thể.

- Yêu cầu về tiếp cận các văn bản pháp luật

Người học phải tiếp cận các văn bản pháp luật liên quan đến các tội phạm ma túy, đặc biệt là các văn bản dưới luật hướng dẫn đối với nhóm tội này.

- Yêu cầu về kỹ năng

Người học cần phải có một số kỹ năng sau: Kỹ năng phát hiện vấn đề cần giải quyết; kỹ năng tra cứu và áp dụng văn bản vào giải quyết các tình huống cụ thể; kỹ năng lập luận, phân tích tính chất pháp lý của vụ án; kỹ năng xác định các tình tiết có ý nghĩa trong giải quyết vụ việc; kỹ năng tư duy phản biện, tranh luận.

2.4.2. Lý thuyết về các tội phạm ma túy

- Tội sản xuất trái phép chất ma túy

Sản xuất trái phép chất ma túy là hành vi chiết xuất chất ma túy từ quả của cây thuốc phiện, cần sa, lá của cây coca cũng như việc điều chế, pha chế từ tiền chất ma túy thành chất ma túy khác trái với quy định của Nhà nước. (Căn cứ vào Điều 248 BLHS năm 2015; Thông tư 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Chương XVIII “Các tội phạm về ma túy” của Bộ Luật hình sự năm 1999).

- Tội tàng trữ trái phép chất ma túy

Tàng trữ trái phép chất ma túy là hành vi cất giữ, cất giấu bất hợp pháp chất ma túy ở bất kỳ nơi nào. (Căn cứ vào Điều 248 BLHS năm 2015; Thông tư 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Chương XVIII “Các tội phạm về ma túy” của Bộ luật hình sự năm 1999).

- Tội vận chuyển trái phép chất ma túy

Vận chuyển trái phép chất ma túy là hành vi chuyển dịch bất hợp pháp chất ma túy từ nơi này đến nơi khác dưới bất kỳ hình thức nào. (Căn cứ vào Điều 250 BLHS năm 2015; Thông tư 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Chương XVIII “Các tội phạm về ma túy” của Bộ luật hình sự năm 1999; Thông tư liên tịch số 08/2015/ BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 14 tháng 11 năm 2015 sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP).

- Tội mua bán trái phép chất ma túy

Mua bán trái phép chất ma túy là hành vi mua và bán, hoặc hành vi mua nhằm mục đích để bán hoặc hành vi bán trái phép chất ma túy nhằm kiếm lời. (Căn cứ vào Điều 251 BLHS năm 2015; Thông tư 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Chương XVIII “Các tội phạm về ma túy” của Bộ luật hình sự năm 1999; Thông tư liên tịch số 08/2015/ BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 14 tháng 11 năm 2015 sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP).

- Tội chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy

Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy là hành vi cho thuê, cho mượn địa điểm hoặc có bất kỳ hành vi nào khác chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy. (Căn cứ vào Điều 256 BLHS năm 2015; Thông tư 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP hướng dẫn áp dụng một số

quy định tại Chương XVIII “Các tội phạm về ma túy” của Bộ luật hình sự năm 1999; Thông tư liên tịch số 08/2015/ BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 14 tháng 11 năm 2015 sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP).

2.4.3. Giải quyết tình huống cụ thể

Tình huống 1²⁰

Mô tả tình huống: Ngày 25/01/2016, Huỳnh Khương D sinh năm 1993, và vợ là Trần Thị T thuê phòng 504 để ở. Chiều ngày 27/01/2016, D chở vợ ra cửa hàng bán quần áo, sau đó D đến khu vực trước nhà thờ Bác Ái, đường Trương Đăng Quế, phường 01, quận Gò Vấp mua 01 gói ma túy đá giá 1.600.000 đồng của 01 người thanh niên (không rõ lai lịch), D đem về phòng 504 để phân thành 03 gói nylon rồi bỏ một ít vào dụng cụ để sử dụng. Khoảng 18 giờ 45 phút cùng ngày, D gọi điện thoại cho H, D rủ H lên sử dụng ma túy, đồng thời D gọi điện thoại cho Lê Xuân T cùng đến sử dụng ma túy chung. Sau khi sử dụng ma túy xong H về trước, còn D và T tiếp tục sử dụng ma túy thì Công an vào kiểm tra bắt giữ như trên. Ngoài 03 gói nylon ma túy đá, D mua còn 01 gói nylon ma túy đá của 01 người tên K (không rõ lai lịch) cho D trước đó khoảng hai tuần để sử dụng.

Ngoài ra, Lê Xuân T và Huỳnh Khương D còn khai nhận: T và D là bạn bè thường sử dụng ma túy chung. Trước ngày bị bắt giữ, T đã nhờ D lấy dùm ma túy đá được 04 lần, sau khi D mua giúp ma túy thì T cho D sử dụng chung, mỗi lần 01 gói ma túy giá 300.000 đồng, do D biết chỗ bán ma túy. Trước đó 02 ngày, D có lấy giùm cho T 01 gói ma túy đá giá 300.000 đồng, T trả trước cho D 100.000 đồng, còn thiếu 200.000 đồng. Ngày 27/01/2016, D gọi điện cho T đến khách sạn Thiêm Thanh để sử dụng ma túy chung.

²⁰ Tình huống được tóm tắt từ Bản án Số: 22/2017/HSST ngày 19/01/2017 TAND Quận BT – TP Hồ Chí Minh xét xử đối với bị cáo Huỳnh Khương D, được trích dẫn từ địa chỉ <http://caselaw.vn>

Yêu cầu về vấn đề cần giải quyết

1. Trong vụ án trên, D, H và T có phạm tội không? Tại sao?
2. Giả sử trong vụ án trên, Huỳnh Khương D mua ma túy đá về, sau đó H và T đến mua lại để sử dụng. Sau khi mua xong, H và T mượn địa điểm nhà D để sử dụng ma túy và được D đồng ý. Theo anh (chị) trong trường hợp này, tội danh của D có thay đổi không? Tại sao?

Định hướng giải quyết vấn đề

Sự kiện có tính chất pháp lý

- D mua ma túy với hai mục đích: một là bán để kiếm lời, hai là tàng trữ (không rõ thông tin về số lượng ma túy) để sử dụng.
- D còn có hành vi chủ động đặt vấn đề sử dụng ma túy cho H và T ngay tại nhà của D.

Văn bản pháp luật liên quan

- Điều 249, Điều 251, Điều 256 BLHS năm 2015;
- Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC
- BTP của Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp ngày 24 tháng 12 năm 2007 hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Chương XVIII “Các tội phạm về ma túy” của Bộ Luật hình sự năm 1999, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 12 năm 2015;
- Nghị định số 19/2018/NĐ-CP quy định về việc tính tổng khối lượng hoặc thể tích chất ma túy tại một số điều của Bộ Luật hình sự năm 2015.

Cách thức áp dụng

1. Trong vụ án trên chỉ có D là người phạm tội. Bởi vì:
Hành vi của H và T là người được D rủ đến để sử dụng ma túy cùng D. Hành vi sử dụng trái phép chất ma túy không cấu thành tội phạm²¹. Mặc dù, trong vụ án, T có nhờ D mua ma túy mấy lần để sử dụng, nhưng hành vi này của T chưa được làm rõ có tàng trữ trái phép chất ma túy hay không, nên không đủ căn cứ để truy cứu TNHS đối với T.

²¹ Tội sử dụng trái phép chất ma túy đã được BLHS năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 bãi bỏ

Đối với D phạm tội tàng trữ trái phép chất ma túy, được thể hiện qua tính chất pháp lý cụ thể sau:

- Về khách thể

+ Tội phạm xâm phạm chính sách độc quyền của Nhà nước đối với các chất ma túy.

+ Đối tượng tác động của tội phạm là ma túy đá

- Về mặt khách quan của tội phạm

+ Huỳnh Khương D có hành vi mua ma túy rồi cất giữ trái phép nhằm mục đích sử dụng với bạn bè của D. Ngoài ra, D còn được bạn cho 1 gói ma túy đá để sử dụng.

+ Tổng cộng D đã mua 6 lần ma túy đá, lần thứ nhất 1 gói trị giá 1.600.000 đồng, 5 lần sau mỗi lần mua 1 gói trị giá 300.000 đồng và có 1 lần bạn của D cho 1 gói ma túy đá để sử dụng.

+ Tội phạm hoàn thành tại thời điểm D có hành vi mua ma túy về và cất giấu trong người hoặc trong nhà để sử dụng.

- Về chủ thể

Huỳnh Khương D là người có năng lực trách nhiệm hình sự và đạt độ tuổi theo luật định

- Về mặt chủ quan

+ Diên thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp

+ Mục đích: D tàng trữ trái phép chất ma túy nhằm mục đích sử dụng.

Từ các dấu hiệu pháp lý nói trên, Huỳnh Khương D phạm tội tàng trữ trái phép chất ma túy được quy định tại khoản 1, Điều 249 BLHS năm 2015.

2. Nếu Huỳnh Khương D mua ma túy đá về, sau đó H và T đến mua lại để sử dụng, và khi mua xong, H và T xin sử dụng ma túy tại nhà của D và được D đồng ý thì tội danh của D sẽ thay đổi, bởi vì:

Thứ nhất, căn cứ vào khoản 1, Điều 249 BLHS năm 2015 thì chỉ truy cứu trách nhiệm về tội tàng trữ trái phép chất ma túy khi người phạm tội tàng trữ không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy.

Trong trường hợp này, D có hành vi mua ma túy và tàng trữ ma túy trái phép nhưng với mục đích bán lại cho H và T để kiếm lời, nên D không phạm tội tàng trữ trái phép chất ma túy tại Điều 249 mà phạm tội mua bán trái phép chất ma túy tại khoản 1, Điều 251 BLHS năm 2015.

Thứ hai, căn cứ vào khoản 1, Điều 256 BLHS năm 2015 quy định, người nào cho thuê, cho mượn địa điểm hoặc có bất kỳ hành vi nào khác chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy trừ hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy tại Điều 255 BLHS năm 2015 thì sẽ phạm tội chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy.

Trường hợp này, D có hành vi cho H và T mượn địa điểm nhà mình để sử dụng ma túy trái phép mà không phải để tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, nên hành vi của D thỏa mãn cấu thành tội phạm chứa chấp việc sử dụng ma túy trái phép tại khoản 1, Điều 256 BLHS năm 2015.

Kết luận

1. Trong vụ án trên chỉ có D là người phạm tội, D phạm tội tàng trữ trái phép chất ma túy

2. Nếu Huỳnh Khương D mua ma túy đá về, sau đó H và T đến mua lại để sử dụng, và khi mua xong, H và T xin sử dụng ma túy tại nhà của D và được D đồng ý thì tội danh của D sẽ thay đổi. D phạm tội mua bán trái phép chất ma túy tại khoản 1, Điều 251 BLHS năm 2015 và tội chứa chấp việc sử dụng ma túy trái phép tại khoản 1, Điều 256 BLHS năm 2015.

Tình huống 2²²

Mô tả tình huống: Ngày 20/11/2016, Quảng Thị U (sinh năm 1977), nhận được điện thoại của Đinh Hữu T hỏi mua 02 bánh Hêrôin. Ngày 21/11/2016, U gặp Lò Văn S (sinh năm 1978), đưa trước cho S 10.000.000 đồng và bảo S tìm mua 02 bánh Hêrôin.

²² Tình huống được tóm tắt và chỉnh sửa từ Quyết định giám đốc thẩm Số: 04/2009/HS-GĐT ngày 07/4/2009 TAND Tối cao xét xử đối với bị cáo Quảng Thị Uyên, được trích dẫn từ địa chỉ <http://caselaw.vn>

Sáng ngày 22/11/2016, Lò Văn S mua 02 bánh Hêrôin của Vừ A C (đã trốn khỏi địa phương) với giá 20.000.000 đồng/01 bánh, S đã trả trước 10.000.000 đồng và viết giấy nợ C là 30.000.000 đồng. S mang 02 bánh Hêrôin về nhà và thông báo cho Quàng Thị U, U đến nhà S lấy số Hêrôin này đem về nhà giấu trong bao đựng gạo nếp.

Khoảng 19 giờ ngày 23/11/2016, Quàng Thị U thông báo cho Đinh Hữu T là đã có Hêrôin và hẹn sáng ngày 24/11/2016 sẽ cho Lò Văn S đem đến Lào Cai giao cho T, rồi U đưa điện thoại cho S trao đổi trực tiếp với T. Sáng ngày 24/11/2016, S đến nhà U và gặp Quàng Văn A sinh năm 1969, tại đây, S rủ A đi Lào Cai, A đồng ý. S cùng A chở bao gạo nếp bên trong có chứa Hêrôin về nhà A và lấy 02 bánh Hêrôin ra khỏi bao gạo, sau đó cho tất cả số Hêrôin này cùng một gói Hêrôin của riêng A (227,97 gam) vào chiếc tất tay của vợ A rồi buộc vào quanh bụng S. A dùng xe mô tô của mình chở S đi Lào Cai, trên đường đi S hứa sẽ trả công A 10.000.000 đồng. Đến thành phố Lào Cai thì S và A bị bắt quả tang cùng vật chứng là số Hêrôin nêu trên.

Theo kết luận giám định, 03 bánh Hêrôin bị bắt quả tang có tổng trọng lượng là 896,22 gam; trong đó, có 02 bánh còn nguyên vẹn có tổng trọng lượng 668,25 gam, 01 bánh bị vỡ có trọng lượng 227,97 gam.

Yêu cầu về vấn đề cần giải quyết

Anh (chị), hãy phân tích tính chất pháp lý của vụ án trên

Định hướng giải quyết vấn đề

Các sự kiện có tính chất pháp lý

- Quàng Thị U, Lò Văn S có hành vi mua heroin sau đó vận chuyển đem đi bán cho Đinh Hữu T với mục đích kiếm lời;

- Quàng Văn A đi cùng Lò Thị S và biết được việc vận chuyển ma túy với mục đích bán của S;

- Trọng lượng ma túy là 896,22 gam.

Các quy phạm pháp luật liên quan

- Điều 251 BLHS 2015.

- Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP của Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp ngày 24 tháng 12 năm 2007 hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Chương XVIII “Các tội phạm về ma túy” của Bộ luật hình sự năm 1999, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 12 năm 2015.

Cách thức áp dụng

1. Phân tích tính chất pháp lý của vụ án trên

Tính chất pháp lý của vụ án trên thể hiện cụ thể như sau:

- Về khách thể của tội phạm

+ Tội phạm xâm phạm chính sách độc quyền của Nhà nước đối với các chất ma túy.

+ Đối tượng tác động của tội phạm là ma túy

- Về mặt khách quan của tội phạm

+ Lò Văn S, Quàng Thị U và Quàng Văn A có hành vi buôn bán trái phép chất ma túy, cụ thể: U bảo S tìm mua ma túy để bán lại kiếm lời, và S đã mua được 2 bánh heroin trị giá 40.000.000 đồng. Sau đó, S đến nhà U và gặp A, nên rủ A đi Lào cai để bán số ma túy trên, và A đồng ý, A còn đem thêm một bánh heroin của mình đi bán nữa. Và khi đến thành phố Lào Cai thì bị bắt.

+ Tổng số ma túy mà S, U, và A có ý định bán là 3 bánh, có tổng trọng lượng là 896,22 gam.

+ Tội phạm hoàn thành khi S, U và A có hành vi mua ma túy nhằm mục đích bán lại để kiếm lời, do đó trong trường hợp này không bắt buộc là người phạm tội bán được 3 bánh heroin.

- Về chủ thể của tội phạm

Lò Văn S, Quàng Thị U và Lò Văn A là người có năng lực TNHS và đạt độ tuổi theo luật định

- Về mặt chủ quan của tội phạm

+ Lò Văn S, Quàng Thị U và Lò Văn A thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp

+ Mục đích của hành vi mua bán trái phép chất ma túy để kiếm lời.

Từ tính chất pháp lý của vụ án đã phân tích trên, Lò Văn S, Quàng Thị U và Lò Văn A phạm tội mua bán trái phép chất ma túy tại khoản 4 Điều 251 BLHS năm 2015.

Kết luận

Lò Văn S, Quàng Thị U và Lò Văn A phạm tội mua bán trái phép chất ma túy tại khoản 4 Điều 251 BLHS năm 2015.

Câu hỏi bổ sung: Giả sử, trong vụ án trên, Vừ A C đã dùng bột mì, làm thành dạng bánh, rồi bán cho Lò Văn S nói là ma túy, và Lò Văn S đã mua 2 bánh “ma túy” này với giá 40 triệu đồng. Đến lúc S đem bán lại cho khách ở Lào Cai thì mới phát hiện không phải là ma túy, thì Vừ A C và Lò Văn S có phạm tội không? Nếu có thì tội gì? Tại sao?

Tình huống 3

Chị Hồ Thu A (làm nghề buôn bán tại chợ Bình Triệu) có quen với Phó Đức B từ thời học cấp 3. B nhờ chị A giữ hộ một gói đồ muốn gửi cho Hoàng Văn C (là bạn của anh B). Khi B đi khỏi, chị A mở gói đồ ra xem thì phát hiện trong đó ngoài vài thứ đồ dùng còn có một bịch heroin (20 gam), nhưng vì nể B nên chị A vờ như không biết. Hoàng Văn C làm nghề lái xe, nghiện ma túy. Do đó, theo lời hẹn với Phó Đức B, Hoàng Văn C đã ghé tiệm của chị A để nhận gói đồ có chứa ma túy, sau đó cất giấu ma túy dưới ghế ngồi lái xe để tiện sử dụng, Hoàng Văn C lái xe rời khỏi thành phố Hồ Chí Minh đi Đồng Nai, trên đường đi có nghỉ chân tại một quán nước, tình cờ người phụ xe là Võ Thanh D phát hiện dưới ghế xe của Hoàng Văn C có heroin, do cũng là con nghiện nên D tranh thủ lúc C không để ý lấy một phần (2gam) để sử dụng.

Yêu cầu về vấn đề cần giải quyết

Hãy xác định trách nhiệm hình sự đối với hành vi của Chị Hồ Thu A, Phó Đức B, Hoàng Văn C và Võ Thanh D

Định hướng giải quyết vấn đề

Các sự kiện có tính chất pháp lý

- Hồ Thị A có hành vi tàng trữ ma túy giúp người khác nhưng không rõ người nhờ giữ hộ nhằm mục đích gì;
- Phó Đức B có hành vi vận chuyển nhằm mục đích mua bán;
- Hoàng Văn C có hành vi mua ma túy để tàng trữ với số lượng 20 gam nhằm sử dụng;
- Võ Thanh D có hành vi lén lút chiếm đoạt ma túy với số lượng 2 gam để sử dụng.

Văn bản pháp luật liên quan

- Điều 249, Điều 250, Điều 251 và Điều 252 BLHS năm 2015;
- Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP của Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp ngày 24 tháng 12 năm 2007 hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Chương XVIII “Các tội phạm về ma túy” của Bộ luật hình sự năm 1999.

Cách thức áp dụng

Theo hướng dẫn tại phần II, các mục 3.1, 3.2, 3.3 và 3.4 của Thông tư liên tịch số 17/2007/BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP, thì:

Tàng trữ trái phép chất ma túy là cất giữ, cất giấu bất hợp pháp chất ma túy ở bất cứ nơi nào (như trong nhà, ngoài vườn, chôn dưới đất, để trong vali, cho vào thùng xăng xe, cất giấu trong quần áo, tư trang mặc trên người hoặc theo người...) mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển hay sản xuất trái phép chất ma túy. Thời gian tàng trữ dài hay ngắn không ảnh hưởng đến việc xác định tội này.

Vận chuyển trái phép chất ma túy là hành vi chuyển dịch bất hợp pháp chất ma túy từ nơi này đến nơi khác dưới bất kỳ hình thức nào (có thể bằng các phương tiện khác nhau như ô tô, tàu bay, tàu thủy...; trên các tuyến đường khác nhau như đường bộ, đường sắt, đường hàng không, đường thủy, đường bưu điện...; có thể để trong người như cho vào túi áo, túi quần, nuốt vào trong bụng, để trong hành lý như vali, túi xách v.v...) mà không nhằm mục đích mua bán, tàng trữ hay sản xuất trái phép chất ma túy khác.

Người giữ hộ, hoặc vận chuyển trái phép chất ma túy cho người khác, mà biết rõ mục đích mua bán trái phép chất ma túy của người đó, thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội mua bán trái phép chất ma túy với vai trò đồng phạm.

Mua bán trái phép chất ma túy là một trong các hành vi sau đây:

a) Bán trái phép chất ma túy cho người khác (không phụ thuộc vào nguồn gốc chất ma túy do đâu mà có) bao gồm cả việc bán hộ chất ma túy cho người khác để hưởng tiền công hoặc các lợi ích khác;

b) Mua chất ma túy nhằm bán trái phép cho người khác;

c) Xin chất ma túy nhằm bán trái phép cho người khác;

d) Dùng chất ma túy nhằm trao đổi thanh toán trái phép (không phụ thuộc vào nguồn gốc chất ma túy do đâu mà có);

đ) Dùng tài sản không phải là tiền đem trao đổi, thanh toán... lấy chất ma túy nhằm bán lại trái phép cho người khác;

e) Tàng trữ chất ma túy nhằm bán trái phép cho người khác;

g) Vận chuyển chất ma túy nhằm bán trái phép cho người khác.

Người tổ chức, người xúi giục, người giúp sức cho người thực hiện một trong các hành vi mua bán trái phép chất ma túy được hướng dẫn từ điểm a đến điểm g tiểu mục 3.3 này đều bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội mua bán trái phép chất ma túy.

Chiếm đoạt chất ma túy: là một trong các hành vi trộm cắp, lừa đảo, tham ô, lạm dụng tín nhiệm, cưỡng đoạt, cướp, cướp giết, công nhiên chiếm đoạt chất ma túy của người khác. Trường hợp người có hành vi chiếm đoạt chất ma túy nhằm mục đích bán lại chất ma túy đó cho người khác, thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự với tội danh đầy đủ đối với hành vi đã thực hiện theo Điều 194 BLHS và chỉ phải chịu một hình phạt.

Như vậy: Đối với hành vi của Phó Văn B, do nhờ chị A gửi cho Hoàng Văn C để bán kiếm lời nên Phó Văn B phạm tội mua bán trái phép chất ma túy Điều 251 BLHS 2015.

Đối với hành vi của Hồ Thu A do không biết mục đích nhờ giữ hộ ma túy của B là nhằm mục đích mua bán hay mục đích gì nên A phạm tội tàng trữ trái phép chất ma túy Điều 249 BLHS 2015.

Đối với Hoàng Văn C mua heroin tuy với mục đích sử dụng, nhưng với số lượng 20 gam nên đã thỏa mãn giá trị định lượng quy định tại điểm c, khoản 1 Điều 249 BLHS. Do đó, Hoàng Văn C phạm tội tàng trữ trái phép chất ma túy.

Đối với Võ Thanh D đã có hành vi lén lút chiếm đoạt heroin với số lượng 2 gam để nhằm mục đích sử dụng nên bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo điểm c, khoản 1 Điều 252, tội chiếm đoạt chất ma túy.

Kết luận

- Phó Văn B phạm tội mua bán trái phép chất ma túy Điều 251 BLHS 2015;

- Hồ Thu A phạm tội tàng trữ trái phép chất ma túy Điều 249 BLHS 2015;

- Hoàng Văn C phạm tội tàng trữ trái phép chất ma túy tại Điều 249 BLHS 2015;

- Võ Thanh D phạm tội chiếm đoạt chất ma túy theo điểm c, khoản 1 Điều 252 BLHS năm 2015.

Câu hỏi bổ sung

Giả sử trong tình huống này, Phó Đức B có hành vi trồng cây thuốc phiện, mặc dù bị xử phạt vi phạm hành chính nhưng vẫn tiếp tục trồng, sau đó B chiết xuất, điều chế ra lượng hêrôin nói trên, để đem bán cho Hoàng Văn C, thì tội danh của Phó Đức B có thay đổi không? Tại sao?

2.5. Tình huống về các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng

2.5.1. Yêu cầu của giải quyết tình huống

- *Yêu cầu về kiến thức*

Nắm vững quy định của pháp luật hình sự về các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng; hiểu được các dấu hiệu định tội và định

khung hình phạt ở các tội phạm cụ thể cũng như đường lối áp dụng vào giải quyết tình huống.

- Yêu cầu về tiếp cận các văn bản pháp luật

Người học phải tiếp cận các văn bản pháp luật liên quan đến nhóm các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng. Bao gồm BLHS và các văn bản hướng dẫn áp dụng.

- Yêu cầu về kỹ năng

Người học cần phải có một số kỹ năng sau: Kỹ năng phát hiện vấn đề cần giải quyết; kỹ năng tra cứu văn bản liên quan các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng và áp dụng quy phạm pháp luật ấy vào các tình huống cụ thể; kỹ năng lập luận giải quyết tình huống, trên cơ sở kỹ năng xác định các tình tiết có ý nghĩa trong giải quyết tình huống; kỹ năng tư duy phản biện.

2.5.2. Lý thuyết về các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng

- Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ

Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ là hành vi làm trái với các quy định của pháp luật về tham gia giao thông đường bộ. (Căn cứ vào Điều 260 BLHS năm 2015; Thông tư liên tịch số 09/2013 về hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Chương XIX của BLHS về các tội xâm phạm trật tự, an toàn giao thông).

- Tội điều động người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ

Điều động người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ là hành vi điều động hoặc giao phương tiện cho người không đủ điều kiện tham gia giao thông được bộ theo tiêu chuẩn của pháp luật giao thông đường bộ quy định. (Căn cứ vào Điều 264 BLHS năm 2015, Thông tư liên tịch số 09/2013 về hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Chương XIX của BLHS về các tội xâm phạm trật tự, an toàn giao thông).

- Tội đánh bạc

Đánh bạc là hành vi được thua bằng tiền dưới mọi hình thức. (Căn cứ vào Điều 321 BLHS năm 2015; Nghị quyết 01/2010/NQ-HĐTP hướng dẫn một số quy định về tội Đánh bạc và tổ chức đánh bạc).

- Tội tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc Tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc là hành vi lôi kéo, dụ dỗ người khác cùng tham gia đánh bạc, hoặc cho người khác dùng địa điểm của mình để đánh bạc. (Căn cứ vào Điều 321 BLHS năm 2015; Nghị quyết 01/2010/NQ-HĐTP hướng dẫn một số quy định về tội đánh bạc và tổ chức đánh bạc)

2.5.3. Giải quyết tình huống cụ thể

Tình huống 1

Mô tả tình huống: Khoảng 20 giờ ngày 05-02-2017, Dương Công T sinh năm 1978, điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 47V-1815 từ tỉnh Bình Định về tỉnh Gia Lai theo quốc lộ 19. Đến km 140+120m thuộc địa phận thôn Hà Lòng, xã K'Dang, huyện Đăk Đoa, tỉnh Gia Lai, T phát hiện thấy xe mô tô biển kiểm soát 77S8-7212 do anh Đỗ Trí Q điều khiển chở anh Cao Trường H chạy ngược chiều đến với tốc độ cao, vừa đi vừa lạng lách trên đường. Khi hai xe còn cách nhau khoảng 20 mét, thấy xe mô tô do anh Đỗ Trí Q điều khiển chạy lấn sang phần đường bên trái nên T cũng điều khiển xe sang bên trái đường (theo hướng đi của xe ô tô) để tránh xe mô tô, nhưng ngay sau đó anh Q lại điều khiển xe mô tô về phần đường của mình. Do khoảng cách giữa hai xe quá gần nên T đã không kịp xử lý, để xe ô tô đâm vào xe mô tô do anh Q điều khiển, gây tai nạn làm anh Đỗ Trí Q và anh Cao Trường H tử vong.

Được biết Dương Công T không có bằng lái xe, và được chủ xe là Trần Minh P (chủ xe) giao xe cho T điều khiển và đã gây tai nạn.

Yêu cầu về vấn đề cần giải quyết

Trong tình huống trên ai là người phạm tội? Phạm tội gì? Chỉ rõ cơ sở pháp lý?

Định hướng giải quyết vấn đề

Các sự kiện có ý nghĩa pháp lý

- Dương Công T điều khiển gây tai nạn đâm vào xe mô tô biển kiểm soát 77S8-7212 do Đỗ Trí Q điều khiển chở Cao Trường H chạy ngược chiều, làm 02 người chết;

- Hành vi gây tai nạn làm chết người của Dương Công T là do sự cầu thả;

- Trần Minh P đã giao xe ô tô, biển kiểm soát 47V-1815 cho Dương Công T điều khiển mặc dù biết T không có bằng lái.

Pháp luật liên quan cần áp dụng

- Điều 260 và Điều 264 BLHS năm 2015

Cách thức áp dụng

1. Trong vụ án trên, thì Dương Công T và Trần Minh P là người phạm tội.

- Dương Công T phạm tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ tại khoản 2, Điều 260 BLHS năm 2015, bởi vì:

+ T đã có hành vi điều khiển xe ô tô BKS 47V-1815 gây tai nạn làm chết anh Đỗ Trí Q và Cao Trường H đi trên xe mô tô theo hướng ngược lại.

+ Hành vi của T đã xâm phạm đến trật tự an toàn giao thông đường bộ.

+ T là người có năng lực TNHS, đạt độ tuổi theo luật định và chưa có giấy phép lái xe ô tô.

+ T thực hiện hành vi phạm tội với lỗi vô ý.

Dựa vào những tình tiết, dấu hiệu trên, thỏa mãn với tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ tại Điều 260 BLHS năm 2015, tuy nhiên trong trường hợp này, T không có giấy phép lái xe và gây ra hậu quả làm chết 2 người nên T bị áp dụng điểm a và điểm b, khoản 2 Điều 260 BLHS năm 2015.

- Trần Minh P phạm tội giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ tại Điều 264 BLHS, bởi vì:

+ P có hành vi giao xe ô tô BKS 47V-1815 cho Dương Công T điều khiển, mặc dù Phúc biết T chưa có giấy phép lái xe.

+ Hành vi này dẫn đến hậu quả T đã gây ra tai nạn làm chết 2 người là anh Đỗ Trí Q và Cao Trường H.

+ Trong vụ án này, P là người có năng lực TNHS và đạt độ tuổi theo luật định.

+ Hành vi của P được thực hiện với lỗi vô ý.

Với những dấu hiệu trên, hành vi của P thỏa mãn tội giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ, tuy nhiên với hậu quả làm chết 2 người, nên P bị áp dụng điểm a, khoản 2 Điều 264 BLHS năm 2015.

Kết luận

- Dương Công T phạm tội vi phạm quy định khi tham gia giao thông đường bộ tại khoản 2, Điều 260 BLHS năm 2015;

- Trần Minh P phạm tội giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ tại khoản 2, Điều 264 BLHS năm 2015.

Câu hỏi bổ sung

1. Nếu trong vụ án này, Dương Công T gây tai nạn cho anh Đỗ Trí Q và Cao Trường H mà mỗi người tỷ lệ thương tật là 32% thì điều khoản áp dụng cho người phạm tội có thay đổi không? Tại sao?

2. Giả sử, trong vụ án này Dương Công T có giấy phép lái xe thì Trần Minh P có phạm tội không? Tại sao?

Tình huống 2²³

Mô tả tình huống: Vào khoảng đầu tháng 12/2015, Vương Trung Q sinh năm 1978, đã nhận ghi đề cho những người ham mê cờ bạc đỏ đen tại

²³ Tình huống được tóm tắt từ bản án Số: 99/2015/HSST ngày: 14/7/2016 của tòa sơ thẩm, TAND Quận X TP Hồ Chí Minh xét xử đối với bị cáo Vương Trung Q và Tô Thị T Mận phạm tội, được trích dẫn từ địa chỉ <http://caselaw.vn>

nhà số 207/31 Trần Bình Trọng, Phường 3, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh. Q thuê Tô Thị Tuyết M sinh năm 1989, là cháu ruột phụ việc ghi đề với tiền công 100.000 đồng/1 ngày. Từ 11 giờ hàng ngày Q và M đến nhà 207/31 Trần Bình Trọng, Phường 3, Quận 5 nhận ghi đề, Q nhận ghi đề qua điện thoại, còn M ghi cho khách trực tiếp đến đánh đề. Tỷ lệ ăn thua do Q đặt ra với người chơi, người đến ghi đề thì Q chỉ thu 80% còn trích lại cho con đề. Khoảng 15 giờ 30 ngày 30/12/2014, Tô Thị Tuyết M đang ghi đề cho Phạm Thị P đánh các số 23, 63 đầu đuôi mỗi con 50.000 đồng, tổng cộng số tiền 200.000 đồng thì bị Công an Quận 5 bắt quả tang.

Được biết, trong ngày 30/12/2015, qua thống kê 05 phoi đề và 03 tờ phoi tổng xác định số tiền ghi trong ngày Q và M đã ghi được là 11.492.300 đồng.

Yêu cầu về vấn đề cần giải quyết

Hãy phân tích tính chất pháp lý về tội phạm mà Vương Trung Q và Tô Thị Tuyết M đã thực hiện.

Định hướng giải quyết vấn đề

Các sự kiện có ý nghĩa pháp lý

- Khoảng 15 giờ 30 ngày 30/12/2015, Tô Thị Tuyết M đang ghi đề thì bị Công an bắt quả tang;

- Q là người thuê M để ghi đề với giá 100.000 cho một ngày ghi;
- Xác minh số tiền ghi đề trong ngày của Q và M là 11.492.300 đồng.

Pháp luật liên quan cần áp dụng

- Điều 321 BLHS năm 2015;
- Nghị quyết 01/2010/NQ-HĐTP hướng dẫn một số quy định về tội đánh bạc và tổ chức đánh bạc.

Cách thức áp dụng

Tính chất pháp lý của vụ án được thể hiện cụ thể sau:

- Về khách thể của tội phạm. Tội phạm xâm phạm đến trật tự công cộng của xã hội

- Về mặt khách quan của tội phạm

+ Vương Trung Q và Tô Thị Tuyết M là chủ đề, có hành vi ghi đề cho các con đề, nhằm mục đích được thua bằng tiền.

Hành vi của Q và M bị phát hiện trước khi mở thưởng, do đó, căn cứ vào khoản 5.2 Điều 1 Nghị quyết 01/2010/NQ-HĐTP hướng dẫn một số quy định về tội đánh bạc và tổ chức đánh bạc, thì hành vi của chủ đề nếu bị phát hiện trước khi có kết quả mở thưởng thì số tiền chủ đề dùng đánh bạc là tổng số tiền mà chủ đề đã nhận của những người chơi số đề.

+ Tổng số tiền mà Q và M nhận của người chơi đề trong ngày là 11.492.300 đồng

Tội phạm hoàn thành tại thời điểm Q và M có hành vi số cho các con đề có giá trị từ 5 triệu đồng trở lên.

- Về chủ thể của tội phạm

Q và M là người có năng lực TNHS và đạt độ tuổi theo luật định

- Về mặt chủ quan của tội phạm

Q và M thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp và mục đích kiếm lời.

Như vậy, căn cứ vào các dấu hiệu pháp lý trên, Q và M bị truy cứu về tội đánh bạc tại khoản 1, Điều 321 BLHS năm 2015.

Kết luận

Vương Trung Q và Tô Thị Tuyết M phạm tội đánh bạc tại khoản 1, Điều 321 BLHS năm 2015.

Câu hỏi bổ sung

Giả sử trong vụ án này, Tô Thị Tuyết M ghi đề cho Phạm Thị P đánh các số 23, 63 đầu đuôi (tỷ lệ được ăn: 1000/70.000), 50.000 đồng, tổng cộng số tiền 200.000 đồng, và sau khi mở thưởng thì phát hiện trúng hai số đề trên, lúc P đến nhận tiền trúng thì bị Công quả tang. Anh (chị) hãy xác định số tiền mà Phạm Thị P đã dùng vào việc đánh bạc, từ đó xác định TNHS đối với P.

2.6. Tình huống về các tội phạm chức vụ

2.6.1. Yêu cầu của giải quyết tình huống

- Yêu cầu về kiến thức

Nắm vững các quy định của pháp luật hình sự về các tội phạm chức vụ, từ đó nắm các đặc trưng của nhóm tội phạm này thông qua các dấu hiệu pháp lý thuộc khách thể của tội phạm, mặt khách quan của tội phạm, chủ thể của tội phạm và mặt chủ quan của tội phạm.

- Yêu cầu về tiếp cận các văn bản pháp luật

Người học phải tiếp cận các văn bản pháp luật liên quan đến các tội phạm về chức vụ, đặc biệt tập trung vào các tội phạm tham nhũng. Thu thập và tiếp cận các quy định của BLHS cũng như quy định ở các văn bản pháp luật khác về nhóm tội này.

- Yêu cầu về kỹ năng

Người học cần phải có một số kỹ năng sau: Kỹ năng phát hiện vấn đề cần giải quyết; kỹ năng tra cứu văn bản pháp luật và áp dụng quy phạm pháp luật về các tội phạm chức vụ vào các tình huống cụ thể; kỹ năng lập luận logic, khoa học; kỹ năng xác định các tình tiết và vai trò pháp lý của chúng trong việc giải quyết tình huống; kỹ năng tư duy, đưa ra quan điểm tranh luận.

2.6.2. Lý thuyết về các tội phạm chức vụ

- Tội tham ô tài sản

Tham ô tài sản là hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản mà mình có trách nhiệm quản lý. (Căn cứ vào Điều 353 BLHS năm 2015)

- Tội nhận hối lộ

Nhận hối lộ là hành vi của người có chức vụ, quyền hạn, lợi dụng chức vụ quyền hạn trực tiếp hoặc qua trung gian đã nhận hoặc sẽ nhận tiền, tài sản, lợi ích vật chất khác hoặc lợi ích phi vật chất cho chính bản thân người đó hoặc cho người hoặc tổ chức khác để làm hoặc không làm một việc vì lợi ích hoặc theo yêu cầu của người đưa hối lộ. (Căn cứ vào Điều 354 BLHS năm 2015).

- Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ

Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ là hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn làm trái công vụ gây thiệt hại cho lợi ích của nhà nước, xã hội, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, do vụ lợi hoặc động cơ cá nhân khác. (Căn cứ vào Điều 356 BLHS năm 2015).

Ngoài ra nhóm các tội phạm về tham nhũng còn có Tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản (Căn cứ Điều 355); Tội lạm quyền trong khi thi hành công vụ (Căn cứ Điều 357); Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây ảnh hưởng đối với người khác để trục lợi (Căn cứ Điều 358); Tội giả mạo trong công tác (Căn cứ Điều 359).

2.6.3. Giải quyết tình huống cụ thể

Tình huống 1²⁴

Mô tả tình huống: Ngày 27/8/2016, Công ty TNHH MTV lương thực TP. Hồ Chí Minh ký Hợp đồng lao động số 224/2016/LT thuê Nguyễn Hoàng D sinh năm 1988, làm nhân viên bán hàng, thời hạn 03 năm và được phân công về làm việc tại Kho Trung tâm phân phối số 363 Bến Bình Đông, Phường 13, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh (gọi tắt là Kho 363) thuộc Phòng Kế hoạch tổng hợp – Chi nhánh Foodcomart Sài Gòn. Ngày 20/11/2016, Chi nhánh Foodcomart Sài Gòn thành lập Kênh phân phối sản phẩm mang thương hiệu Masan (gọi tắt là KPP Masan), đặt tại Kho 363. Ngày 29/11/2017, Giám đốc Chi nhánh Foodcomart Sài Gòn có Quyết định số 80A/QĐ-FCMSG-QTNS bổ nhiệm Nguyễn Hoàng D làm Thủ kho KPP Masan, thuộc Phòng Kế hoạch tổng hợp. Nhiệm vụ quyền hạn của Thủ kho được Chi nhánh Foodcomart Sài Gòn quy định như sau: kiểm đếm số lượng, chất lượng sản phẩm nhập từ Công ty Masan về Kho 363; sắp xếp nơi lưu giữ

²⁴ Tình huống được tóm tắt và chỉnh sửa từ bản án Số: 77/2016/HSST ngày 21/3/2016 của tòa sơ thẩm, TAND TP Hồ Chí Minh xét xử đối với bị cáo Nguyễn Hoàng D phạm tội, được trích dẫn từ địa chỉ <http://caselaw.vn>

hàng, báo cáo tình trạng hàng, số liệu hàng tồn, hàng mới nhập kho, hàng đã bán cũng như các hóa đơn chứng từ khác về bộ phận kế toán của KPP Masan; kiểm tra hàng trước khi xuất giao cho khách về số lượng, chất lượng, chủng loại; ký xác nhận đối với các mặt hàng thuộc KPP Masan xuất Kho 363.

Trong quá trình làm thủ kho, Nguyễn Hoàng D phát hiện quy trình hoạt động của Chi nhánh Foodcomart Sài Gòn có nhiều sơ hở nên D đã nhiều lần lấy hàng trong Kho 363 bán lấy tiền tiêu xài. Nước tương, nước mắm, nước chấm) trong Kho KPP Masan của Chi nhánh Foodcomart Sài Gòn để bán. Cụ thể, do quen biết với Nguyễn Văn N là khách hàng thường xuyên đến lấy hàng tại Kho 363 nên D đã gợi ý với N là có nguồn hàng của nhân viên Sale cần bán giá rẻ để “chạy doanh số”. N đã cho D số điện thoại của bà chủ tên Phùng Xuân L để giao dịch. Qua điện thoại, D cũng nói với bà L là D có nguồn hàng của nhân viên Sale cần bán giá rẻ để “chạy doanh số”. Nếu đồng ý mua D sẽ bán tất cả các loại hàng của KPP Masan với giá rẻ hơn giá quy định của Công ty khoảng từ 5.000 đồng đến 10.000 đồng, thấy rẻ nên bà L đồng ý mua. Sau đó, mỗi lần có nhu cầu mua loại hàng nào, thì bà L điện thoại báo cho D biết. D ghi số lượng, chủng loại hàng bà L cần mua vào mẫu Phiếu giao hàng của Chi nhánh Foodcomart Sài Gòn (mẫu này D nhặt tại Kho 363, do nhân viên Sale đánh rơi) rồi ký tên D vào đó và D trực tiếp giao phiếu giao hàng này cho bà L và nhận tiền theo đúng số tiền ghi trong phiếu giao hàng. Sau đó, ông N sẽ cầm phiếu giao hàng này đến Kho 363 để gặp D hoặc phụ kho Nguyễn Thái T để lấy hàng.

D không nhớ đã bán hàng của Chi nhánh Foodcomart Sài Gòn cho bà L bao nhiêu lần, không nhớ đã nhận tiền mặt từ bà L bao nhiêu lần với tổng số tiền là bao nhiêu. Tuy nhiên, D nhớ lần bán hàng cho bà L ít nhất có giá tiền khoảng 10.000.000 đồng, nhiều nhất khoảng 60.000.000 đồng. Hiện tại các phiếu giao hàng D sử dụng để bán hàng cho bà L thì D đã hủy hết, chỉ còn lại 01 phiếu giao hàng ngày 01/7/2018, trong đó thể hiện D ký tên bán 150 thùng nước tương Nhất Ca và đã nhận đủ số tiền 41.250.000 đồng của bà L.

Qua thống kê, D thừa nhận đã lấy hàng hóa với số lượng, trị giá theo bảng thống kê là 348.922.938 đồng, tuy nhiên trong quá trình quản lý kho D còn làm thất thoát 4.343.741 đồng. Như vậy tổng cộng là 353.266.680 đồng, và D chấp nhận bồi thường, nên D và gia đình đã nộp trả toàn bộ số tiền 353.266.680 đồng cho Chi nhánh Foodcomart Sài Gòn để khắc phục hậu quả.

Yêu cầu về vấn đề cần giải quyết

Trong tình huống trên, Nguyễn Hoàng D phạm tội phạm nào sau đây?
Tại sao?

- a. Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản;
- b. Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản;
- c. Tội tham ô tài sản.

Định hướng giải quyết vấn đề

Các sự kiện có tính chất pháp lý

- Ngày 29/11/2017, Giám đốc Chi nhánh Foodcomart Sài Gòn có Quyết định số 80A/QĐ-FCMSG-QTNS bổ nhiệm Nguyễn Hoàng D làm Thủ kho KPP Masan, thuộc Phòng Kế hoạch tổng hợp;

- Trong quá trình làm Thủ kho, D phát hiện quy trình hoạt động của Chi nhánh Foodcomart Sài Gòn có nhiều sơ hở nên Nguyễn Hoàng D đã nhiều lần lấy hàng trong Kho 363 bán lấy tiền tiêu xài;

- D thừa nhận đã lấy hàng hóa với số lượng, trị giá theo bảng thống kê là 348.922.938 đồng, tuy nhiên trong quá trình quản lý kho D còn làm thất thoát 4.343.741 đồng.

Văn bản pháp lý liên quan

- Điều 174 và Điều 175 BLHS năm 2015;
- Điều 353 BLHS năm 2015;
- Nghị định số 59/2013/NĐ-CP ngày 17/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật phòng, chống tham nhũng.

Cách thức áp dụng

Trong vụ án trên, Nguyễn Hoàng D không phạm tội lừa đảo chiếm đoạt

tài sản và tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, bởi vì đối tượng tác động của tội phạm là tài sản của Nhà nước mà D được giao nhiệm vụ quản lý. Mặt khác, phương tiện mà D sử dụng để phạm tội là dựa vào chức vụ, quyền hạn của mình để chiếm đoạt tài sản. Như vậy, trong vụ án này, hành vi của D được đưa vào nhóm các tội phạm về chức vụ, cụ thể là tội tham ô tài sản, thông qua các dấu hiệu pháp lý của tội phạm sau:

- Về khách thể của tội phạm

+ Hành vi phạm tội của Nguyễn Hoàng D đã xâm phạm sự hoạt động đúng đắn của các cơ quan Nhà nước và xâm phạm đến quan hệ sở hữu

+ Đối tượng tác động của tội phạm là tài sản Nhà nước mà D có trách nhiệm quản lý

- Về mặt khách quan của tội phạm

+ D có hành vi lợi dụng nhiệm vụ quyền hạn của mình, để lấy hàng hóa (chủ yếu là nước tương, nước mắm, nước chấm) trong Kho KPP Masan của Chi nhánh Foodcomart Sài Gòn để bán cho bà Phùng Xuân Lý. Cụ thể: D nói với bà L là D có nguồn hàng của nhân viên Sale cần bán giá rẻ để “chạy doanh số”. Nếu đồng ý mua D sẽ bán tất cả các loại hàng của KPP Masan với giá rẻ hơn giá quy định của Công ty khoảng từ 5.000 đồng đến 10.000 đồng, và bà L đã đồng ý.

+ Với hành vi trên, D đã chiếm đoạt tổng giá trị tài sản của Chi nhánh Foodcomart Sài Gòn là 353.266.680đ.

- Về chủ thể của tội phạm

+ D là người có năng lực TNHS và đạt độ tuổi theo luật định

+ D là người có chức vụ quyền hạn, cụ thể: D được giám đốc công ty TNHH Một thành viên lương thực thành phố Hồ Chí Minh giao bổ nhiệm thủ kho KPP Masan, thuộc Phòng Kế hoạch tổng hợp.

- Về mặt chủ quan của tội phạm

+ D thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp

+ Động cơ phạm tội vì vụ lợi

+ Mục đích phạm tội nhằm chiếm đoạt tài sản

Từ những dấu hiệu pháp lý trên, D phạm tội tham ô tài sản tại điểm d, khoản 2 Điều 353 BLHS năm 2015.

Kết luận

Nguyễn Hoàng D phạm tội tham ô tài sản tại điểm d, khoản 2 Điều 353 BLHS năm 2015.

Câu hỏi bổ sung

Nếu công ty mà Nguyễn Hoàng D làm việc thuộc doanh nghiệp ngoài nhà nước thì tội danh của D có thay đổi không? Tại sao?

Tình huống 2

Mô tả tình huống: Từ năm 2013 đến năm 2018, Nguyễn Thanh S (Giám đốc Doanh nghiệp tư nhân Lâm Phát) đã ký 16 hợp đồng tín dụng vay tiền tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Đồng Tháp (sau đây gọi tắt là BIDV Đồng Tháp), trong đó S đã tất toán 14 hợp đồng tín dụng. Còn lại 02 hợp đồng tín dụng là số 04/04/HĐ ngày 22-10-2018 và số 05/04/HĐ ngày 01-12-2018 Nguyễn Thanh S đã dùng thủ đoạn gian dối như khai báo không đúng về số lượng gỗ là tài sản thế chấp, tự ý bán tài sản thế chấp mà không được sự đồng ý của Ngân hàng..., chiếm đoạt 12 tỷ đồng của BIDV Đồng Tháp. Với hành vi này, Nguyễn Thanh S đã bị kết án về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Được biết, Nguyễn Thanh S phạm tội là nhờ sự giúp đỡ của Đặng Văn H, cụ thể: Theo quy định thì khi vay vốn Ngân hàng phải có tài sản thế chấp và tài sản này phải do bên thứ ba quản lý, nên Nguyễn Thanh S, được sự đồng ý của BIDV Đồng Tháp, đã nhiều lần thuê Đặng Văn H sinh năm 1959 (Giám đốc Cảnh vụ tỉnh Đồng Tháp) quản lý tài sản thế chấp. Để có thêm nguồn thu cho đơn vị và cá nhân, từ năm 2013 đến năm 2018, Đặng Văn H đã ký 07 hợp đồng quản lý tài sản thế chấp với BIDV Đồng Tháp và Nguyễn Thanh S. Trong quá trình đó, S đã trả chi phí quản lý tài sản thế chấp cho Huy 38.000.000 đồng và 02 lóng gỗ cấm xe trị giá 10.000.000 đồng đối với 05 hợp

đồng quản lý tài sản trước đó (H đã nộp vào cơ quan 9.000.000 đồng, còn lại sử dụng cá nhân); riêng 02 hợp đồng quản lý tài sản liên quan đến hành vi phạm tội của Nguyễn Thanh S thì H chưa nhận tiền của Sơn.

Yêu cầu về vấn đề cần giải quyết

Hãy xác định tính chất pháp lý đối với hành vi của Đặng Văn H

Định hướng giải quyết vấn đề

Các sự kiện pháp lý

- Nguyễn Thanh S (Giám đốc Doanh nghiệp tư nhân Lâm Phát) đã sử dụng thủ đoạn gian dối như khai báo không đúng về số lượng gỗ là tài sản thế chấp, tự ý bán tài sản thế chấp mà không được sự đồng ý của Ngân hàng..., chiếm đoạt 12 tỷ đồng của BIDV Đồng Tháp thông qua 02 hợp đồng tín dụng là số 04/04/HĐ ngày 22-10-2018 và số 05/04/HĐ ngày 01-12-2018;

- Nguyễn Thanh S, được sự đồng ý của BIDV Đồng Tháp, đã nhiều lần thuê Đặng Văn H sinh năm 1959 (Giám đốc Cảng vụ tỉnh Đồng Tháp) quản lý tài sản thế chấp;

- S đã trả chi phí quản lý tài sản thế chấp cho Huy 38.000.000 đồng và 02 lóng gỗ cấm xe trị giá 10.000.000 đồng đối với 05 hợp đồng quản lý tài sản trước đó, với mục đích để H ký vào tài sản thế chấp cho S và không kiểm tra, quản lý tài sản thế chấp, tạo điều kiện cho S bán tài sản thế chấp này và hợp thức hóa hồ sơ vay tiền cho S.

Văn bản pháp lý có liên quan

Điều 354 BLHS năm 2015

Cách thức áp dụng

Đặng Văn H là người có chức vụ quyền hạn trong cơ quan nhà nước, bởi vì H là Giám đốc Cảng vụ tỉnh Đồng Tháp, và H đã lợi dụng chức vụ quyền hạn này để thực hiện hành vi phạm tội của mình. Theo đó:

+ H đã nhận của Nguyễn Thanh S số tiền 38.000.000 đồng và 02 lóng gỗ cấm xe trị giá 10.000.000 đồng, sau đó H đã nộp vào cơ quan 9.000.000 đồng, còn lại sử dụng cá nhân.

+ H đã ký 07 hợp đồng quản lý tài sản thế chấp với BIDV Đồng Tháp và Nguyễn Thanh S, mặc dù biết số tài sản thế chấp thực tế không đủ số lượng như trong hợp đồng quản lý tài sản, nhưng vẫn ký xác nhận; sau đó, cũng không kiểm tra và không quản lý số tài sản thế chấp, nên đã tạo điều kiện cho Nguyễn Thanh S bán hết số tài sản thế chấp còn lại. Với hành vi này, H đã tạo điều kiện hợp thức hóa hồ sơ vay tiền cho Sơn, dẫn đến hậu quả nghiêm trọng của vụ án là S đã lừa đảo chiếm đoạt 12 tỷ đồng của Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Đồng Tháp.

Như vậy, lợi dụng chức vụ, quyền hạn của mình H đã nhận tiền hối lộ của S, để làm và không làm những công việc, nhiệm vụ nhất định nhằm có lợi cho S, giúp S có điều kiện thuận lợi để chiếm đoạt tài sản của Ngân hàng BIDV Đồng Tháp. Từ những dấu hiệu của hành vi khách quan trên, Đặng Văn H bị truy cứu TNHS về tội nhận hối lộ tại điểm a, khoản 1 Điều 354 BLHS năm 2015.

Kết luận

H bị truy cứu TNHS về tội nhận hối lộ tại điểm a, khoản 1 Điều 354 BLHS năm 2015.

Câu hỏi bổ sung: Giả sử, Đặng Văn H là anh em thân thiết với Nguyễn Thanh S, nên S đã nhờ H giúp mà không đề cập đến tiền bạc gì và H đồng ý giúp S. Sau khi đạt được mục đích thì S mới đưa tiền và gở nói trên đến cho H để cảm ơn H đã nhận. Hỏi H có phạm tội không? Tại sao?

Tình huống 3

Mô tả tình huống: Từ tháng 3 năm 2015 đến tháng 5 năm 2016, Nguyễn Sơn T (sinh năm 1977) là Giám đốc công ty TST đã ký 40 hợp đồng bảo dưỡng máy vi ba số (loại AWA) với 26 bưu điện tỉnh, thành phố phía Bắc với tổng số 13 tỷ đồng. Nguyễn Sơn T bàn với hai Phó giám đốc TST: Nguyễn Văn C (sinh năm 1976), Trần Hoài C (sinh năm 1975) và kế toán trưởng Nguyễn Tuấn K (sinh năm 1970) không trực tiếp bảo dưỡng mà thuê Nguyễn Văn H (Giám đốc công ty thiết bị cơ khí điện tử) làm công việc này với trị giá hợp đồng 1,3 tỷ đồng.

Thực chất đây là những hợp đồng khống với TST, đổi lại doanh nghiệp này được TST “bồi dưỡng” 347,5 triệu đồng. Trong tháng 4 năm 2016, TST lại ký 8 hợp đồng thuê Trần Minh T (Giám đốc công ty thiết bị điện tử) bảo dưỡng 510 lượt máy vi ba số (tổng giá trị hợp đồng 510 triệu đồng) và cũng dùng phương thức làm thủ tục khống rồi chi 94 triệu đồng “bồi dưỡng” cho công ty này.

Theo kết quả điều tra, TST đã cùng hai công ty nói trên “rút ruột” của Nhà nước thông qua bưu điện 26 tỉnh, thành phố là 4,75 tỷ đồng, riêng TST chiếm đoạt hơn 4,3 tỷ đồng chia nhau.

Yêu cầu về vấn đề cần giải quyết

Theo anh (chị), Nguyễn Sơn T, Nguyễn Văn C, Trần Hoài C, Nguyễn Tuấn K phạm tội tham ô tài sản hay phạm tội lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ? Tại sao?

Định hướng giải quyết vấn đề

Các sự kiện có tính chất pháp lý

- Nguyễn Sơn T (sinh năm 1977) là Giám đốc công ty TST làm hợp đồng giả với hai Phó giám đốc TST: Nguyễn Văn C (sinh năm 1976), Trần Hoài C (sinh năm 1975) và kế toán trưởng Nguyễn Tuấn K (sinh năm 1970) không trực tiếp bảo dưỡng mà thuê Nguyễn Văn H (Giám đốc công ty thiết bị cơ khí điện tử) làm công việc này với trị giá hợp đồng 1,3 tỷ đồng;

- Trong tháng 4 năm 2016, TST lại ký 8 hợp đồng thuê Trần Minh T (Giám đốc công ty thiết bị điện tử) bảo dưỡng 510 lượt máy vi ba số (tổng giá trị hợp đồng 510 triệu đồng) và cũng dùng phương thức làm thủ tục khống rồi chi 94 triệu đồng “bồi dưỡng” cho công ty này.

Các văn bản pháp luật có liên quan

Điều 353; Điều 356 BLHS năm 2015.

Cách thức áp dụng

Để đưa đến kết luận về hành vi phạm tội của chủ thể, trước hết cần có sự phân biệt về dấu hiệu pháp lý của hai tội danh:

Thứ nhất, về đối tượng tác động

Đối với tội tham ô tài sản: tài sản bị chiếm đoạt là tài sản của Nhà nước, của tổ chức hoặc Doanh nghiệp mà người phạm tội quản lý. Người có chức vụ, quyền hạn, phải là người có trách nhiệm quản lý tài sản, nếu họ không có trách nhiệm quản lý tài sản thì cũng không thể là chủ thể của tội tham ô tài sản được. Đây là điều kiện cần và đủ để một người có thể trở thành chủ thể của Tội tham ô tài sản và cũng là dấu hiệu để phân biệt với một số tội phạm khác có tính chất chiếm đoạt.

Người có trách nhiệm đối với tài sản là người được giao nhiệm vụ trực tiếp quản lý tài sản như: Thủ quỹ, thủ kho, kế toán, người được giao vận chuyển tài sản của cơ quan, tổ chức hoặc đơn vị mình... Ngoài ra, còn những người tuy không được giao trực tiếp quản lý tài sản nhưng lại có trách nhiệm trong việc quyết định việc thu chi, xuất nhập, mua bán, trao đổi tài sản như: Giám đốc công ty, chủ nhiệm hợp tác xã, người đứng đầu trong các cơ quan, tổ chức là chủ tài khoản hoặc là người có quyền quyết định về tài sản của cơ quan, tổ chức mình.

Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ: tài sản không phải là đối tượng trực tiếp nhằm chiếm đoạt của người phạm tội, mà thông qua việc thực hiện một hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn người phạm tội đã gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của nhà nước.

Thứ hai, về hành vi phạm tội

Đối với tội tham ô tài sản: hành vi sử dụng chức vụ như một phương tiện để chuyển dịch tài sản mình quản lý thành tài sản cá nhân, như sử dụng quyền hạn thực hiện không đúng chức trách hoặc làm trái chế độ quản lý tài sản; Sử dụng quyền hạn vượt quá giới hạn cho phép nhưng có liên quan đến cương vị công tác để chiếm đoạt tài sản.

Đối với tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ là hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn làm trái công vụ. Trong thực tế làm trái công vụ có thể là không làm trong trường hợp phải làm và có điều kiện để

làm hoặc làm nhưng không đầy đủ hoặc làm ngược lại quy định hoặc yêu cầu của công vụ. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ để gây thiệt hại cho lợi ích của Nhà nước, của tổ chức xã hội, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân là do người có chức vụ, quyền hạn thực hiện và hành vi gây thiệt hại đó có liên quan trực tiếp đến chức vụ, quyền hạn của người phạm tội, nếu họ không có chức vụ, quyền hạn đó thì họ khó có thể thực hiện được hành vi gây thiệt hại; chức vụ, quyền hạn là điều kiện thuận lợi để người phạm tội thực hiện hành vi gây thiệt hại một cách dễ dàng.

Thứ ba, về mặt chủ quan

Đối với tội tham ô tài sản, bao gồm hai dấu hiệu, đó là lỗi cố ý trực tiếp và mục đích là nhằm chiếm đoạt tài sản.

Đối với tội lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ, có hai dấu hiệu bắt buộc, đó là lỗi cố ý trực tiếp, động cơ phạm tội là động cơ vụ lợi hoặc động cơ cá nhân khác. Động cơ vụ lợi là động cơ mưu cầu lợi ích vật chất cho mình hoặc cho người khác mà mình quan tâm. Động cơ phạm tội là dấu hiệu pháp lý bắt buộc của tội này. Còn dấu hiệu mục đích chiếm đoạt tài sản không phải là dấu hiệu bắt buộc.

Như vậy, trọng vụ án trên, các chủ thể có mục đích chiếm đoạt tài sản rõ ràng, nên trực tiếp thực hiện các hành vi dựa trên chức vụ, quyền hạn của mình để chiếm đoạt tài sản của Nhà nước. Chủ thể của tội phạm là người có chức vụ, quyền hạn với vị trí là Giám đốc tuy không trực tiếp quản lý tài sản nhưng lại có trách nhiệm trong việc quyết định việc thu chi, xuất nhập, mua bán, trao đổi tài sản... Do đó, Nguyễn Sơn T, Nguyễn Văn C, Trần Hoài C, Nguyễn Tuấn K đã phạm tội tham ô tài sản.

Kết luận

Nguyễn Sơn T, Nguyễn Văn C, Trần Hoài C, Nguyễn Tuấn K phạm tội tham ô tài sản tại điểm a, khoản 4 Điều 353 BLHS năm 2015

TÀI LIỆU THAM KHẢO

I. VĂN BẢN PHÁP LUẬT

1. Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (1999), Bộ Luật hình sự Việt Nam năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009);
2. Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (2015), Bộ Luật hình sự Việt Nam năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);
3. Nghị quyết số 04/HĐTP ngày 29/11/1986 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định trong phần các tội phạm của Bộ luật hình sự;
4. Nghị quyết số 02/NQ-HĐTPTANDTC, ngày 5/01/1986 và Công văn số 81/2002/TANDTC, ngày 10/6/2002 của TANDTC;
5. Nghị quyết số 02/2003/NQ-HĐTP ngày 17/04/2003 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật hình sự;
6. Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số qui định của Bộ Luật hình sự 1999;
7. Nghị quyết 01/2010/NQ-HĐTP ngày 22 tháng 10 năm 2010 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng quy định tại điều 248 và 249 của Bộ luật hình sự;
8. Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 05 năm 2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo;
9. Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/06/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ Luật hình sự số 100/2015/QH13
10. Thông tư Liên tịch số 01/2001/TTLN của Bộ Tư pháp- Bộ Công an- TANDTC- VKSNDTC hướng dẫn áp dụng các quy định tại chương XV “Các tội xâm phạm chế độ hôn nhân và gia đình” của Bộ Luật hình sự năm 1999;

11. Thông tư liên tịch số 02/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP ngày 25/12/2001 về hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Chương XIV “Các tội xâm phạm sở hữu” của Bộ Luật hình sự năm 1999;

12. Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP, ngày 24/12/2007 hướng dẫn áp dụng một số quy định tại chương XVIII “Các tội phạm về ma túy” của Bộ Luật hình sự năm 1999;

13. Thông tư 01/2011/TTLT-VKSTC-TANDTC-BCA-BTP-BLĐT BXH, hướng dẫn thi hành một số quy định của bộ luật tố tụng hình sự đối với người tham gia tố tụng là người chưa thành niên;

14. Thông tư liên tịch số 09/2013/TTLT-BCA-BQP-BTP-VKSNDTC-TANDTC hướng dẫn áp dụng quy định tại Chương XIX của Bộ Luật hình sự về các tội xâm phạm trật tự, an toàn giao thông;

15. Thông tư liên tịch số 08/2015/ BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 14 tháng 11 năm 2015 sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 24 tháng 12 năm 2007 hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Chương XVIII “Các tội phạm về ma túy” của Bộ Luật hình sự năm 1999, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 12 năm 2015.

II. GIÁO TRÌNH, SÁCH

1. Thế Anh (2013), *150 tình huống pháp luật về Dân sự - Hình sự*, NXB Khoa học Xã hội;

2. Phạm Văn Beo (2011), *Luật hình sự Việt Nam (Phần các tội phạm)*, NXB Chính trị Quốc gia – Sự Thật;

3. Lê Cẩm (chủ biên) (2003), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam, phần các tội phạm*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội;

4. Đỗ Đức Hồng Hà (2009); *bài tập Luật hình sự và Tố tụng Hình sự*, NXB Tư Pháp;
5. Trần Vũ Hải (2009), “*Báo cáo điều tra xã hội học về tình huống pháp luật và sử dụng tình huống pháp luật trong giảng dạy luật học*”;
6. Lê Quang Hậu (2011), *tình huống pháp luật về các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm con người*, NXB Tư Pháp;
7. Nguyễn Ngọc Hòa (chủ biên) (2007), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam tập 2*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội;
8. Nguyễn Ngọc Hoà, *Tội phạm và cấu thành tội phạm*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2006, 2007, 2008;
9. TS. Tô Văn Hòa (2009), “*Tình huống pháp luật và phương pháp sử dụng tình huống trong giảng dạy luật học*”;
10. Nguyễn Đức Mai (2014), *Tìm hiểu các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế và các tội phạm về môi trường*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội;
11. ThS. Vũ Thị Thúy (2010), “*Ứng dụng phương pháp giảng dạy tình huống trong đào tạo ngành luật*”, Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh;
12. Nguyễn Thị Xuân (2013), *Tài liệu học tập Luật hình sự Việt Nam (phần I)*, NXB Đại học Huế;
13. Nguyễn Thị Xuân (chủ biên), Hà Lệ Thủy (2010), *Tài liệu học tập Luật hình sự phần các tội phạm cụ thể* -Nxb Đại học Huế.

III. ĐỊA CHỈ WEBSITE

1. <http://www.caselaw.vn>;
2. <http://www.thuvienphapluat.vn>;
3. <https://congboanan.toaan.gov.vn/2ta234515t1cvn/chi-tiet-ban-an>.
dụng và giải quyết tình huống Luật hình sự.